J. KRISHNAMURTI

Biên dịch: Đinh Hồng Phúc

EDUCATION & THE SIGNIFICANCE OF LIFE

Giáo dục và ý nghĩa cuộc sống

First News

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Duong Kobo's Book Club

Tủ sách Kỹ thuật số
dành cho
Kindle & Kobo

SCAN TO JOIN

LỜI NÓI ĐẦU

Ý nghĩa của cuộc sống là gì?

Chúng ta sống và đấu tranh vì điều gì?

Nếu ta được giáo dục chỉ để trở nên khác biệt, giành lấy một công việc tốt hơn, có nhiều năng lực hơn, thống trị người khác nhiều hơn, thì cuộc sống của ta sẽ trở nên hời hợt và trống rỗng vô cùng.

Cuộc sống có ý nghĩa rộng lớn hơn và cao cả hơn tất cả những điều đó, và nền giáo dục phỏng có ích gì nếu như nó chẳng thể giúp ta khám phá ra ý nghĩa ấy?

Con người là một tổng thể hài hòa được tạo thành từ nhiều khía cạnh khác nhau. Nền giáo dục phải mang đến sự hợp nhất các khía cạnh riêng biệt này – vì nếu không có sự hợp nhất ấy, cuộc sống sẽ trở thành một chuỗi những cuộc xung đột và nỗi bất hạnh. Muốn tạo dựng một nền giáo dục đúng đắn, ta phải hiểu rõ ý nghĩa cuộc sống trong tính toàn thể của nó.

Giáo dục không chỉ dừng lại ở việc sở đắc kiến thức, thu thập và kết nối các dữ kiện; giáo dục là nhìn thấy ý nghĩa cuộc sống như một toàn thể nguyên vẹn.

Chức năng của giáo dục là tạo ra những con người toàn diện và có trí tuệ. Trí tuệ là năng lực nhận biết cái bản chất, cái vốn đang tồn tại; và việc đánh thức năng lực này, ở bản thân và ở mọi người, chính là giáo dục.

Giáo dục phải giúp ta tìm thấy những giá trị phổ quát vững bền sao cho ta không còn lệ thuộc vào các công thức vô hồn hay lặp đi lặp lại các khẩu hiệu sáo rỗng; nó phải giúp chúng ta phá vỡ những rào cản trong xã hội và giữa các quốc gia, thay vì làm nổi rõ những cản trở ấy, vì chúng gây ra sự đối kháng trong mối tương quan giữa con người với nhau.

- J. Krishnamurti

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Tác giả Jiddu Krishnamurti (1895 - 1986) là một nhà diễn thuyết nổi tiếng ở một số nước Âu - Mỹ.

Trong những năm vừa qua, theo tinh thần đổi mới và hội nhập, nhiều tác phẩm của tác giả này đã được một số nhà xuất bản ở nước ta ấn hành và lưu thông trên thị trường xuất bản phẩm.

Hiện nay, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước ta, công cuộc cải cách giáo dục đã và đang được xúc tiến mạnh mẽ được xã hội quan tâm rất lớn về nhiều mặt trong giáo dục nhà trường cũng như giáo dục xã hội ngoài nhà trường.

Để cung cấp thêm cho bạn đọc tài liệu tham khảo nhằm phục vụ cho quá trình cải cách giáo dục nói trên, Nhà xuất bản Hồng Đức xin phép tái bản lần thứ 2 cuốn "Giáo dục và ý nghĩa cuộc sống" của tác giả J. Krishnamurti.

Trong cuốn sách này, tác giả J. Krishnamurti tự do bàn luận, kiến giải về rất nhiều Đề tài thuộc phạm vi giáo dục trong nhà trường và giáo dục ngoài xã hội - Như: "Giáo dục và ý nghĩa cuộc sống", "Loại hình giáo dục". Về "Trí năng, uy quyền và trí tuệ". Về "Giáo dục và hòa bình thế giới". Về "Ngôi trường lý tưởng". Về "Cha mẹ và người thầy". Về "Tình dục và hôn nhân". Về "Nghệ thuật, cái đẹp và sự sáng tạo".

Trong quá trình bàn luận, kiến giải các vấn đề cốt lõi của giáo dục và liên quan đến giáo dục thời hiện đại, tác giả có nhiều ý kiến, quan điểm, tư tưởng về giáo dục mang tính gợi mở rất cần cho các nhà giáo dục nói chung, các nhà hoạch định chính sách giáo dục nói riêng tham khảo. Ví như: "*Giáo dục không chỉ dừng lại ở việc sở đắc kiến thức, thu thập và kết nối các dữ kiện; giáo dục là nhìn thấy ý nghĩa cuộc sống như một toàn thể nguyên vẹn*". Hay: "*Chức năng của giáo dục là tạo ra những con người toàn diện và có trí tuệ*". Hay: "*Giáo dục phải giúp ta tìm thấy những giá trị phổ quát vững bền sao cho ta không còn lệ*

thuộc vào các công thức vô hồn hay lặp đi lặp lại các khẩu hiệu sáo rỗng". Hay: "*Giáo dục phải giúp chúng ta phá vỡ những rào cản trong xã hội và giữa các quốc gia, thay vì làm nổi rõ những cản trở ấy*". Hay: "*Loại hình giáo dục đúng đắn là loại hình giáo dục vừa khuyến khích việc trau dồi phương thức vừa thực hiện một điều gì đó quan trọng hơn nhiều: Giúp con người trải nghiệm toàn bộ tiến trình của đời sống*". Hay: "*Ẩn dưới nền giáo dục đúng đắn là sự vun bồi cho tự do và trí tuệ, điều này không thể diễn ra nếu có bất cứ hình thức cưỡng ép nào, và kèm theo đó là sự sợ hãi*" Hay: "*Chừng nào mà ngôi trường còn được coi là quan trọng nhất thì đám trẻ sẽ không được quan tâm phát triển đúng với tiềm năng*". Hay: "*Điều đầu tiên mà người thầy phải tự hỏi, khi quyết định dấn thân vào sự nghiệp 'Đưa đò', đó là anh ta hiểu chính xác ý nghĩa của việc dạy học là gì*".v.v.

Song, bên cạnh những gợi mở thấu đáo đó tác giả J. Krishnamurti cũng có nhiều ý kiến, quan điểm, tư tưởng khác lạ, thậm chí khá bí hiểm, cực đoan về giáo dục nhà trường và giáo dục xã hội. Nhà xuất bản chúng tôi khó đồng thuận với tác giả. Nhà xuất bản xin được đề nghị độc giả tham khảo và tiếp thu có chọn lọc, thậm chí có phê phán về những ý kiến, quan điểm, tư tưởng phản biện trái chiều của tác giả.

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Chương I

GIÁO DỤC VÀ Ý NGHĨA CUỘC SỐNG

Có đi khắp thế gian mới thấy bản chất của con người giống nhau đến lạ, dù ở Ấn hay Mỹ, ở châu Âu hay châu Úc. Điều này đặc biệt đúng ở các trường cao đẳng và đại học. Chúng ta đang sản sinh ra, như thể đúc từ một cái khuôn, một kiểu người mà mối quan tâm chính của họ là tìm kiếm cảm giác an toàn, trở thành một người quan trọng, hay thoải mái tận hưởng những giây phút vui vẻ mà càng ít phải suy nghĩ càng tốt.

Lối giáo dục truyền thống đã khiến cho việc tư duy độc lập trở nên hết sức khó khăn. Thái độ tuân phục dẫn đến sự xoàng xĩnh. Muốn duy trì sự khác biệt so với đám đông hay đề kháng lại sức ảnh hưởng của môi trường bên ngoài là điều chẳng dễ dàng gì, và thường là rất nguy hiểm, chừng nào ta còn tôn thờ sự thành công. Sự thèm khát thành công, hay nói cách khác là mong cầu phần thưởng dù trong thế giới vật chất hay thế giới tinh thần, sự tìm kiếm cảm giác an toàn bên trong hay bên ngoài, mong cầu được thanh thản,... toàn bộ quá trình này bóp nghẹt khả năng bày tỏ thái độ không thỏa nguyện, chấm dứt tính tự sinh và nuôi dưỡng nỗi sợ hãi, mà sợ hãi lại chính là yếu tố khóa chặt khả năng hiểu biết của trí tuệ về cuộc sống. Càng luống tuổi, trí óc con người càng trở nên mụ mị và con tim càng trở nên chai sạn.

Trong lúc tìm cầu sự thanh thản, ta thường tìm đến một góc tĩnh lặng nào đó trong cuộc sống, nơi vắng bóng xung đột nhất, và rồi sau đó lại e sợ phải bước ra khỏi nơi náu mình ấy. Nỗi sợ hãi cuộc sống này, nỗi sợ hãi sự đấu tranh và những trải nghiệm mới này, giết chết tinh thần phiêu lưu mạo hiểm ở trong ta; toàn bộ cách thức nuôi nấng và giáo dục bấy lâu nay đã làm cho ta e sợ mình sẽ khác biệt với những người xung quanh, e sợ mình sẽ hình thành những suy nghĩ trái với

khuôn mẫu sẵn có của xã hội, nhào nặn nơi ta một thái độ kính trọng giả dối trước uy quyền và truyền thống.

May mắn thay, vẫn còn một số ít người kiên trì giữ thái độ nghiêm túc, sẵn sàng truy vấn các vấn đề của con người một cách không thành kiến, không thiên lệch; nhưng đa số thì chẳng thể hiện thái độ không thỏa nguyện hay phản kháng thực sự nào hết. Khi ta nhượng bộ hay thỏa hiệp một cách dễ dãi trước những tác động từ bên ngoài, tinh thần phản kháng sẽ dần tiêu tan, và chẳng mấy chốc những trách nhiệm bộn bề của ta sẽ đặt dấu chấm hết cho thái độ mang tính xây dựng ấy.

Có hai loại phản kháng: *loại phản kháng bằng bạo lực*, đơn thuần là sự phản ứng thiếu hiểu biết, chống lại trật tự hiện tồn; và *loại phản kháng trong chiều sâu tâm lý của trí tuệ*. Có nhiều người phản kháng chống lại những thông lệ đã được xác lập chỉ để lại rơi vào những tín điều mới còn đầy ảo tưởng hơn và buông thả mình trong những khoái lạc được ngụy trang. Điều thường xảy ra là ta đoạn tuyệt với một nhóm người hay một tập hợp các lý tưởng này để gia nhập vào một nhóm người khác với tập hợp những lý tưởng khác, thế là ta tạo ra một khuôn mẫu tư tưởng mới mà ta sẽ phải vùng lên chống lại một lần nữa. Mọi hình thức phản ứng chỉ gây ra sự chống đối, và sự đổi mới thì cần phải đổi mới hơn nữa.

Trong khi đó, phản kháng bằng trí tuệ không phải là sự phản ứng; nó đi cùng khả năng tự nhận thức bản thân thông qua việc tự quan sát tư tưởng và cảm nhận của chính mình. Chỉ khi nào ta can đảm đối diện với một trải nghiệm khi nó xảy đến với mình và không tìm cách tránh né sự xáo trộn thì ta mới thành công trong việc duy trì sự tỉnh giác cao độ về mặt trí tuệ; và sự tỉnh giác cao độ ấy chính là trực giác, "người dẫn đường" chân chính duy nhất của ta trong cuộc sống.

Thế thì ý nghĩa của cuộc sống là gì? Chúng ta sống và đấu tranh vì điều gì? Nếu ta được giáo dục chỉ để trở nên khác biệt, giành lấy một công việc tốt hơn, có nhiều năng lực hơn, thống trị người khác nhiều hơn, thì cuộc sống của ta sẽ trở nên hời hợt và trống rỗng vô cùng. Nếu chúng ta được đào luyện chỉ để trở thành những nhà khoa học, những học giả suốt ngày chúi mũi vào sách vở, hay trở thành những chuyên gia nghiện ngập mớ kiến thức không mấy cần thiết, thì chúng ta đang góp phần vào sự suy vong và khốn cùng của thế giới.

Thực vậy, cuộc sống có ý nghĩa rộng lớn hơn và cao cả hơn tất cả những điều đó, và nền giáo dục phỏng có ích gì nếu như nó chẳng thể giúp ta khám phá ra ý nghĩa ấy? Chúng ta có thể được giáo dục rất tốt, nhưng nếu không tạo ra sự hợp nhất sâu sắc giữa tư tưởng và

tình cảm thì cuộc sống của chúng ta không thể trọn vẹn; nó sẽ bị mâu thuẫn và xâu xé bởi đủ kiểu lo sợ; và chừng nào nền giáo dục còn chưa vun bồi được cái nhìn hợp nhất ấy, thì nó chẳng có ý nghĩa gì.

Trong nền văn minh hiện đại của con người, chúng ta đã chia nhỏ cuộc sống của mình thành quá nhiều ngăn đến mức giáo dục chẳng còn mấy ý nghĩa, ngoại trừ việc học hành một kỹ năng hay một nghề nghiệp đặc thù nào đó. Thay vì đánh thức trí tuệ toàn diện ở mỗi người, nền giáo dục lại đang khuyến khích anh ta tuân phục theo một khuôn mẫu nhất định và theo đó cản trở sự hiểu biết của anh ta về chính mình. Hiểu biết bản thân là một tiến trình tổng thể. Nỗ lực giải quyết những vấn đề của cuộc tồn sinh ở mức độ riêng rẽ, bị xẻ nhỏ như thể mỗi phần nằm trong những bảng phân loại khác nhau, chỉ càng cho thấy chúng ta chẳng hiểu gì về nó cả.

Con người là một tổng thể hài hòa được tạo thành từ nhiều khía cạnh khác nhau, nhưng việc nhấn mạnh vào những khác biệt và khuyến khích sự phát triển của nhiều kiểu phân loại rạch ròi đã dẫn đến vô vàn điều phức tạp và mâu thuẫn. Nền giáo dục phải mang đến sự hợp nhất các khía cạnh riêng biệt này – vì nếu không có sự hợp nhất ấy, cuộc sống sẽ trở thành một chuỗi những cuộc xung đột và nỗi bất hạnh. Được đào tạo trở thành luật sư phỏng có ích gì nếu ta cứ tranh chấp triền miên? Kiến thức phỏng có giá trị gì nếu ta cứ mãi sống trong sự mù mờ? Khả năng về công nghệ và kỹ thuật phỏng có nghĩa lý gì nếu ta dùng nó để hủy hoại người khác? Giá trị cốt lõi của cuộc tồn sinh này là gì nếu nó dẫn ta đến bạo lực và sự khốn cùng? Dẫu ta có nhiều tiền bạc hay thừa sức kiếm ra nó, dẫu ta có những thú vui hay thuộc về một tôn giáo nào đó, thì chúng ta vẫn tiếp tục sống trong sự xung đột bất tận.

Ta cần phải phân biệt giữa cá nhân và cá thể. Cá nhân là thứ mang tính ngẫu nhiên; và qua từ "ngẫu nhiên", tôi muốn ám chỉ hoàn cảnh chào đời, môi trường mà qua đó ta tình cờ được nuôi dưỡng, với chủ nghĩa dân tộc, sự cuồng tín, sự phân biệt giai cấp hay sự định kiến. Cá nhân hay cái ngẫu nhiên chỉ mang tính nhất thời, cho dù khoảnh khắc ấy có thể kéo dài cả đời người; và một khi hệ thống giáo dục hiện nay được đặt để trên nền tảng cá nhân, cái ngẫu nhiên, cái nhất thời, thì nó dẫn đến sự lệch lạc trong suy nghĩ và khắc sâu những nỗi lo sợ mang tính phòng vệ bản thân.

Tất cả chúng ta đều đã được đào tạo, thông qua giáo dục và môi trường sống, để tìm kiếm lợi ích và sự an toàn cho chính mình, cũng như đấu đá nhau vì bản thân. Cho dù ta có che đậy nó bằng những ngôn từ hoa mỹ đến mấy, thì sự thực là chúng ta đã được đào tạo trong một hệ thống được dựa trên sự bóc lột và nỗi lo sợ – khiến ta

ra sức thu vén, tích lũy cho thật nhiều. Kiểu đào tạo như thế chắc chắn đẩy chúng ta và cả thế giới vào trạng thái hỗn loạn, đau khổ. Điều đó là không thể tránh khỏi, vì nó dựng lên trong mỗi cá nhân những rào cản tâm lý chia cắt và cách ly anh ta với những người khác.

Giáo dục không chỉ là việc đào tạo tâm trí. Đào tạo tâm trí chỉ làm cho tâm trí trở nên hiệu quả, chứ không làm cho nó trở nên vẹn toàn. Một tâm trí, nếu chỉ được đào tạo đơn thuần, thì chẳng qua là sự nối dài của quá khứ, và một tâm trí như thế có thể chẳng bao giờ khám phá ra điều gì mới mẻ. Đó là lý do tại sao, để biết được đâu mới là nền giáo dục đúng đắn, chúng ta sẽ phải truy vấn toàn thể ý nghĩa của cuộc sống.

Đối với hầu hết mọi người, việc xem xét toàn thể ý nghĩa cuộc sống không phải là điều tối quan trọng. Hệ thống giáo dục của chúng ta ưu tiên cho các giá trị thứ yếu, làm cho chúng ta trở nên tinh thông trong một lĩnh vực nào đó. Dẫu kiến thức và tính hiệu quả là những yếu tố cần thiết, nhưng quá chú trọng đến chúng chỉ dẫn đến xung đột và hỗn loạn mà thôi.

Tính hiệu quả được truyền cảm hứng bởi tình yêu thương thì vượt xa và vĩ đại hơn so với tính hiệu quả xuất phát từ tham vọng; và nếu thiếu vắng tình yêu thương, vốn là thứ giúp ta hiểu biết toàn diện về cuộc sống, thì tính hiệu quả ấy sẽ nuôi dưỡng sự nhẫn tâm. Đấy chẳng phải là điều đang diễn ra trên khắp thế giới đó sao? Hệ thống giáo dục hiện nay hướng tới quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và những cuộc chiến tranh, mục tiêu chính của nó là không ngừng phát triển tính hiệu quả; chúng ta bị vướng mắc vào cỗ máy đua tranh tàn bạo và hủy diệt lẫn nhau. Nếu nền giáo dục này dẫn đến chiến tranh, nếu nó dạy ta phải hủy diệt hay bị hủy diệt, thì chẳng phải là nó đã hoàn toàn thất bại rồi sao?

Muốn tạo dựng một nền giáo dục đúng đắn, ta phải hiểu rõ ý nghĩa cuộc sống trong tính toàn thể của nó, và vì thế ta phải có năng lực tư duy trực diện và chân thật, nhưng không cố chấp. Người tư duy trước sau như một nghe có vẻ kiên định nhưng là người không có tư tưởng thực sự, bởi lẽ anh ta tuân phục theo một khuôn mẫu; anh ta chẳng qua lặp lại từ ngữ và tư duy theo lối mòn. Chúng ta không thể nào hiểu thấu sự hiện hữu một cách trừu tượng hay lý thuyết. Hiểu cuộc sống là hiểu chính mình, và đó vừa là khởi điểm vừa là đích đến của giáo dục.

Giáo dục không chỉ dừng lại ở việc sở đắc kiến thức, thu thập và kết nối các dữ kiện; giáo dục là nhìn thấy ý nghĩa cuộc sống như một

toàn thể nguyên vẹn. Nhưng cái toàn thể này không thể được tiếp cận qua một trong những thành phần của nó – đây là việc mà các nhà cầm quyền, các tổ chức tôn giáo và các đảng phái độc đoán đang cố gắng thực hiện.

Chức năng của giáo dục là tạo ra những con người toàn diện và có trí tuệ. Chúng ta có thể sở hữu nhiều bằng cấp và tính hiệu quả một cách máy móc nhưng không có trí tuệ. Trí tuệ không phải là năng lực tích trữ thông tin; trí tuệ không phải từ sách vở mà có, nó cũng không phải là kiểu phản ứng tự vệ thông minh và sự xác quyết mang tính gây hấn. Người không học hành vẫn có thể thông minh hơn người có học. Chúng ta đã biến các kỳ thi cử và bằng cấp học thuật trở thành tiêu chuẩn của trí tuệ và đã phát triển cái đầu óc ranh mãnh luôn né tránh những vấn đề sống còn của con người. Trí tuệ là năng lực nhận biết cái bản chất, cái vốn đang tồn tại; và việc đánh thức năng lực này, ở bản thân và ở mọi người, chính là giáo dục.

Giáo dục phải giúp ta tìm thấy những giá trị phổ quát vững bền sao cho ta không còn lệ thuộc vào các công thức vô hồn hay lặp đi lặp lại các khẩu hiệu sáo rỗng; nó phải giúp chúng ta phá vỡ những rào cản trong xã hội và giữa các quốc gia, thay vì làm nổi rõ những cản trở ấy, vì chúng gây ra sự đối kháng trong mối tương quan giữa con người với nhau. Khổ nỗi, hệ thống giáo dục hiện nay đang khiến chúng ta trở nên lệ thuộc, máy móc và vô minh một cách cùng cực; cho dù nó đánh thức trí năng của ta thì sâu bên trong nó vẫn khiến ta không trọn vẹn, thiếu nhạy bén và không sáng tạo.

Không hiểu rõ cuộc sống một cách toàn diện, các vấn đề của cá nhân và tập thể sẽ bị làm cho sâu đậm và lan rộng hơn. Mục đích của giáo dục không chỉ đơn thuần sản sinh ra những học giả, những kỹ thuật viên và những người đi săn việc, mà còn nhằm tạo ra những con người toàn diện, được giải thoát khỏi nỗi lo sợ; vì chỉ với những con người như thế chúng ta mới mong có được nền hòa bình trường tồn.

Chỉ với sự thấu hiểu sâu sắc về chính mình thì nỗi lo sợ mới chấm dứt. Nếu mỗi cá nhân buộc phải vật lộn với cuộc sống hết lúc này đến lúc khác, nếu anh ta buộc phải đối mặt với sự phức tạp của cuộc sống, với những khốn khó và những đòi hỏi bất thình lình của cuộc sống, thì anh ta phải hết sức linh hoạt và do đó phải thoát ly khỏi các lý thuyết cũng như các khuôn mẫu tư duy đặc thù.

Giáo dục không nên khuyến khích cá nhân tuân phục theo xã hội hay hòa hợp một cách tiêu cực với nó, mà nên giúp anh ta khám phá những giá trị đích thực vốn luôn song hành với sự tìm tòi và ý thức về chính mình một cách trung thực, không mảy may định kiến. Khi

không hiểu biết về chính mình thì sự tự thể hiện bản thân sẽ biến tướng thành sự tự khẳng định, cùng với những xung đột đầy tham vọng và gây hấn. Giáo dục phải đánh thức năng lực tự nhận biết bản thân, chứ không phải để thỏa mãn việc tự khẳng định bản thân.

Học hành xuất sắc phỏng có ích chi nếu trong quá trình sống ta tự hủy hoại chính mình? Chúng ta đang chứng kiến và chịu đựng hết cuộc chiến tranh tàn phá này đến cuộc chiến tranh hủy hoại khác, đấy là dấu hiệu cho thấy rõ ràng có điều gì đó hoàn toàn sai lầm trong cách chúng ta nuôi dạy con cái. Tôi nghĩ hầu hết chúng ta biết rõ tình trạng này, nhưng lại không biết làm thế nào để giải quyết.

Các hệ thống, các tổ chức đều không thể thay đổi một cách triệt để; chúng chỉ có thể thực sự chuyển đổi khi có sự thay đổi căn cơ trong chính bản thân chúng ta. Cá nhân là yếu tố quan trọng nhất, chứ không phải hệ thống; và chừng nào cá nhân còn chưa hiểu rõ toàn bộ diễn trình của chính mình, thì không một hệ thống nào, dù là cánh tả hay cánh hữu, có thể mang lại trật tự ổn định và hòa bình vững bền cho thế giới.

Chương II

LOẠI HÌNH GIÁO DỤC ĐÚNG ĐẮN

Người dốt nát không phải là người không có học thức, mà là người không hiểu biết về chính mình. Người có học thức sẽ là kẻ dốt nát nếu anh ta cứ mãi dựa vào sách vở, vào kiến thức và vào uy quyền để trao cho anh ta sự hiểu biết. Sự hiểu biết chỉ đến với những ai hiểu rõ chính mình, nghĩa là với những ai nhận biết được toàn bộ diễn trình tâm lý của chính mình. Vì thế giáo dục, theo ý nghĩa thực sự của từ này, là hiểu biết chính mình, bởi vì toàn bộ cuộc tồn sinh được tập hợp lại bên trong mỗi người chúng ta.

Cái hiện nay chúng ta gọi là giáo dục chẳng qua là sự tích lũy thông tin và kiến thức từ sách vở, điều mà bất kỳ người biết đọc nào cũng có thể làm được. Kiểu giáo dục như thế chỉ cung cấp cho chúng ta một hình thức đào thoát khỏi chính mình một cách tinh vi; và giống như mọi kiểu đào thoát khác, nó chắc chắn gây ra tình cảnh khốn khó ngày một chất chồng. Những cuộc xung đột và trạng thái hỗn loạn của chúng ta là kết quả của mối tương quan lầm lạc giữa chính ta với người khác, hay với các sự vật và tư tưởng; và chừng nào ta còn chưa nhận chân ra được mối tương quan ấy và cải sửa nó, thì việc học hành đơn thuần, tức là việc thu thập các dữ kiện và sở đắc những kỹ năng khác nhau, chỉ càng dìm ta lún sâu hơn nữa vào trạng thái hỗn loạn và sự hủy hoại nhau mà thôi.

Như cách xã hội chúng ta được tổ chức hiện thời, chúng ta gửi con cái của mình tới trường để học hành một phương thức nào đó rồi mong chúng sau này có thể dựa vào đấy mà mưu sinh. Chúng ta dồn mọi ưu tiên vào việc biến đứa trẻ thành một chuyên gia, qua đó hy vọng mang lại cho chúng một vị thế kinh tế an toàn. Nhưng chỉ vun bồi cho phương thức như thế liệu có giúp chúng ta hiểu biết về chính mình hay không?

Cho dù rõ ràng là việc biết đọc biết viết, việc học hành nghề kỹ sư hay học những nghề nghiệp khác để kiếm sống là chuyện cần thiết không cần bàn cãi, nhưng liệu những kỹ thuật, những phương thức này có giúp ta hiểu hết về cuộc sống hay không lại là chuyện khác. Chắc chắn kỹ năng nghề nghiệp chỉ là thứ yếu; nếu kỹ năng nghề nghiệp là thứ duy nhất ta đang phấn đấu đạt được thì rõ ràng là ta đang rũ bỏ điều gì đó thuộc về bản chất cuộc sống.

Cuộc sống là nỗi thống khổ, là niềm hân hoan, là vẻ đẹp, là sự xấu xí, là tình yêu. Khi chúng ta hiểu nó một cách toàn diện, ở mọi cấp độ, thì lối hiểu ấy tạo ra phương thức của riêng nó; bằng ngược lại thì không đúng: phương thức không bao giờ có thể mang lại sự hiểu biết đầy tính sáng tạo.

Nền giáo dục hiện nay đã hoàn toàn thất bại, bởi lẽ nó quá chú trọng đến kỹ thuật, hay phương thức. Khi gán cho kỹ thuật một vai trò quan trọng thái quá, chúng ta đã hủy hoại con người. Vun bồi năng lực và tính hiệu quả mà không màng đến sự hiểu biết về đời sống, không nhận biết một cách toàn diện về cách thức vận hành của suy nghĩ và những ham muốn, sẽ chỉ khiến ta ngày càng trở nên tàn nhẫn hơn, gây thù chuốc oán hoặc rước họa vào thân nhiều hơn. Việc chỉ vun bồi cho phương thức đã sản sinh ra các nhà khoa học, các nhà toán học, các kỹ sư cầu đường, những người chinh phục không gian,... nhưng liệu họ có hiểu được toàn bộ diễn trình của cuộc sống huyền diệu này không? Một vị chuyên gia liệu có thể trải nghiệm cuộc sống một cách toàn vẹn hay không? Có thể, chỉ khi nào anh ta thôi xem mình là một chuyên gia.

Sự tiến bộ về công nghệ có thể giải quyết được một số vấn đề nào đó, cho một số cá nhân nào đó, ở mức độ nào đó, nhưng nó cũng đem đến những hệ lụy lớn hơn và khó lường hơn. Sống mà không đếm xỉa gì tới toàn bộ diễn trình cuộc sống chẳng khác nào đang mời gọi sự khốn cùng và sự hủy hoại. Nhu cầu lớn nhất và cấp bách nhất đối với mỗi cá nhân là có sự hiểu biết toàn diện về cuộc sống, điều đó cho phép anh ta đương đầu với những hoàn cảnh ngày càng diễn biến phức tạp hơn.

Kiến thức công nghệ, dù cần thiết đến đâu, sẽ không thể nào giải quyết được những áp lực và xung đột trong nội tâm con người; và cũng chính vì ta đã sở đắc kiến thức kỹ thuật mà không hiểu gì về toàn bộ diễn trình của cuộc sống nên kỹ thuật lại trở thành một phương tiện hủy hoại chính ta. Người biết cách tách một nguyên tử nhưng không có tình yêu trong tâm hồn sẽ trở thành quỷ dữ.

Chúng ta lựa chọn nghề nghiệp tùy theo năng lực của mình; nhưng

liệu việc theo đuổi một nghề nghiệp sẽ giúp ta thoát khỏi sự xung đột và hỗn loạn chăng? Một số hình thức đào tạo kỹ thuật xem chừng là cần thiết; nhưng sau khi chúng ta đã trở thành kỹ sư, y sĩ, kế toán viên,... thì sao nữa? Việc hành được một nghề nào đó có nghĩa là ta đã sống một cuộc đời trọn vẹn chăng? Dường như với hầu hết chúng ta thì là như vậy. Nghề nghiệp khiến ta bận bịu suốt phần lớn cuộc đời mình; nhưng những gì mà chúng ta tạo ra, và theo đó bị chúng mê hoặc, lại là những thứ đang gây ra sự hủy hoại và tình trạng khốn cùng. Thái độ và các giá trị của chúng ta biến công việc và thế giới thành công cụ cho sự đố kỵ, cay cú và thù hằn.

Không hiểu rõ bản thân, công việc sẽ chỉ dẫn ta đến chỗ thất vọng, cùng sự đào thoát tất yếu thông qua mọi loại hoạt động ranh mãnh. Không có sự hiểu biết này, kỹ thuật sẽ dẫn ta đến chỗ thù địch và nhẫn tâm vốn được ta che đậy bằng những lời lẽ êm tai. Chú trọng đến kỹ thuật và ráng trở thành những thực thể hiệu quả phỏng có ích gì nếu kết quả mà chúng mang tới là sự hủy diệt lẫn nhau? Tiến bộ kỹ thuật quả là ngoài sức tưởng tượng, nhưng nó chỉ làm tăng thêm sức mạnh hủy diệt lẫn nhau của chúng ta mà thôi, và ở đâu cũng có cảnh đói rách, khốn cùng. Nếu vậy thì chúng ta đâu phải là những con người dựng xây hòa bình và hạnh phúc.

Khi chức năng trở thành yếu tố quan trọng nhất, cuộc sống trở nên u ám và tẻ nhạt, nó trở thành một lề thói máy móc và cằn cỗi đến mức ta phải tìm đến đủ thứ hoạt động tiêu khiển để nương nhờ. Việc tích lũy các dữ kiện và chú trọng phát triển năng lực, cái mà chúng ta gọi là giáo dục, đã tước đi tính toàn vẹn của cuộc sống và của hành động. Chính vì không thông hiểu toàn bộ diễn trình cuộc sống nên chúng ta mới bám víu vào năng lực và tính hiệu quả, cũng là những thứ được chúng ta đề cao quá mức. Nhưng chúng ta không thể lấy cái bộ phận mà đòi hiểu cái toàn thể; chúng ta chỉ có thể hiểu được nó bằng hành động và kinh nghiệm của mình mà thôi.

Trong việc đào luyện kỹ thuật, một yếu tố khác cũng mang lại cho ta cảm thức an toàn, không chỉ về mặt kinh tế mà còn về mặt tâm lý nữa. Thật an tâm khi ta biết rằng mình có năng lực và có sự hiệu quả. Khi biết mình có khả năng chơi đàn hoặc xây nhà, ta cảm thấy tràn đầy sinh lực, cảm nhận được sự tự lập, xông xáo; nhưng việc đề cao năng lực do muốn có sự an toàn về tâm lý sẽ phủ nhận tính toàn vẹn của cuộc sống. Toàn bộ nội hàm của đời sống có thể chẳng bao giờ tiên đoán được hết, nó phải được trải nghiệm hết lần này đến lần khác; nhưng ta lại e dè trước những cái mình không biết, thế cho nên ta xác lập quanh mình những vành đai an toàn cho tâm lý dưới hình thức là các hệ thống, các phương thức và đức tin. Chừng nào chúng ta còn tìm kiếm sự an toàn nội tâm thì chúng ta vẫn chưa thể hiểu

hết toàn bộ diễn trình của đời sống.

Loại hình giáo dục đúng đắn là loại hình giáo dục vừa khuyến khích việc trau dồi phương thức, vừa thực hiện một điều gì đó quan trọng hơn nhiều: *Giúp con người trải nghiệm toàn bộ diễn trình của đời sống.* Chính trải nghiệm này sẽ đưa năng lực và kỹ thuật/phương thức về đúng vị trí tương xứng của chúng. Nếu người ta thực sự có điều gì đó để nói, thì chính việc diễn đạt sẽ tạo nên phong cách riêng; nhưng học một phong cách mà không có trải nghiệm nội tâm chỉ dẫn đến biểu hiện hời hợt, giả tạo mà thôi.

Các kỹ sư trên toàn thế giới đang điên cuồng thiết kế ra những cỗ máy không cần người điều khiển. Trong một cuộc sống hầu như toàn bộ được vận hành bằng những cỗ máy thì con người đóng vai trò gì trong đó đây? Chúng ta sẽ có nhiều thời gian rỗi rãi hơn nhưng lại không biết dùng nó thế nào cho khôn ngoan, và chúng ta sẽ tìm cách đào thoát khỏi nó trong mớ kiến thức, trong những trò tiêu khiển đến mụ người, hoặc trong vô vàn các quan điểm.

Rất nhiều cuốn sách nói lên các quan điểm về giáo dục đã được viết, thế nhưng sự thực thì chúng ta lại mù mờ về chủ đề này hơn bao giờ hết. Không có lấy một phương pháp nào thỏa đáng giúp giáo dục một đứa trẻ thành con người toàn diện và tự do. Chừng nào chúng ta còn quá quan tâm đến các nguyên tắc, các lý tưởng và các phương pháp, thì chúng ta vẫn chưa thể giúp cá nhân thoát khỏi thói quen lấy bản ngã làm trung tâm, cùng với hệ quả của nó là nỗi lo sợ và xung đột.

Không một lý tưởng nào, không một bản thiết kế nào cho *xứ sở Không tưởng hoàn hảo (Utopia)* có thể mang lại sự thay đổi triệt để trong tâm hồn; sự thay đổi là thiết yếu nếu người ta muốn chấm dứt chiến tranh và tránh gây hủy hoại cho tất cả. Các lý tưởng không đủ sức làm thay đổi các giá trị hiện thời. Các giá trị này chỉ có thể được thay đổi bằng nền giáo dục đúng đắn, tức nền giáo dục thúc đẩy sự hiểu biết về cái đang tồn tại.

Khi chúng ta cùng dốc sức cho một lý tưởng, cho một tương lai hoàn hảo, chúng ta đang định hình các cá nhân theo quan niệm của ta về tương lai ấy; chúng ta không quan tâm đến con người, mà chỉ quan tâm đến ý tưởng Họ *nên là* gì. Cái *nên là* này trở nên quan trọng đối với ta nhiều hơn so với cái *đang tồn tại*, tức cá thể với toàn bộ tính phức tạp của nó. Nếu chúng ta hiểu về một cá thể một cách trực diện thay vì xem xét anh ta qua tấm màn của cái mà ta nghĩ anh ta *nên là*, thì lúc đó chúng ta đang quan tâm đến cái *đang tồn tại*. Và khi ấy chúng ta không còn muốn tìm cách biến cá thể thành cái gì đó khác; mối quan tâm duy nhất của ta là giúp anh ta hiểu về chính mình, và

trong việc này không có động cơ hay lợi ích riêng tư nào hết. Nếu ta ý thức một cách đầy đủ về cái *đang tồn tại*, ta sẽ hiểu nó và theo đó thoát khỏi nó; nhưng để ý thức về cái *đang tồn tại*, ta không nhất thiết nhọc công gắng sức đạt tới cái gì đó không phải là mình.

Các lý tưởng không có chỗ trong loại hình giáo dục đúng đắn vì chúng cản trở sự hiểu biết về thực tại. Chắc chắn ta có thể nhận ra cái *đang tồn tại* miễn ta không trốn tránh vào tương lai. Hướng tới tương lai, nỗ lực đạt một lý tưởng, điều đó làm bộc lộ sự trì trệ của tinh thần và ý muốn tránh né hiện thực.

Việc theo đuổi một *xã hội Không tưởng* được xây dựng sẵn chẳng khác nào rũ bỏ sự tự do và tính hợp nhất của mỗi cá thể? Khi người ta đuổi theo một lý tưởng, một hình mẫu, khi người ta chăm chăm vào một công thức cho cái *nên là*, ấy chẳng phải người ta đang sống một cuộc sống tự động hóa rất ư giả tạo đó sao? Chúng ta không cần những con người lý tưởng hay những thực thể có đầu óc máy móc, mà chúng ta cần những con người toàn diện có trí tuệ và sự tự do. Mỗi khi hiện thực hóa cho ý niệm về một xã hội hoàn hảo, ta phải đấu tranh đến đổ máu cho cái *phải là* và bỏ qua cái *đang tồn tại*.

Giả như con người là những thực thể máy móc, những cỗ máy tự động, thì tương lai có thể dự đoán được và các kế hoạch cho một *xã hội Không tưởng* hoàn hảo có thể được đề xuất; khi đấy hẳn chúng ta có thể xây dựng một cách cẩn trọng các khuôn khổ của một xã hội tương lai và hướng đến việc hiện thực hóa chúng. Nhưng rất tiếc con người không phải là những cỗ máy như vậy để có thể sắp đặt theo các khuôn mẫu nhất định.

Giữa hiện tại và tương lai có một khoảng trống rất lớn, trong đó có nhiều yếu tố đang ảnh hưởng đến mỗi người chúng ta; và qua việc hy sinh hiện tại cho tương lai, chúng ta đang theo đuổi những phương tiện sai lầm cho mục đích mà chúng ta nghĩ là có khả năng đúng. Nhưng chính các phương tiện lại đang quyết định mục đích; chưa kể chúng ta nghĩ mình là ai mà dám quyết định con người *nên là* thế này, thế kia? Ta có quyền gì mà tìm cách nhào nặn người khác theo một khuôn mẫu đặc thù nào đó chỉ biết được qua sách vở, hay do những tham vọng, hy vọng và nỗi lo sợ của chính mình quy định?

Loại hình giáo dục đúng đắn không quan tâm đến bất cứ ý thức hệ nào, cho dù nó có thể hứa hẹn một *xã hội Không tưởng* trong tương lai ra sao. Loại hình giáo dục đúng đắn không dựa trên bất cứ hệ thống nào, dù hệ thống ấy có suy tính kỹ càng tới đâu, nó cũng không phải là phương tiện quy định cá thể theo một cách nào đó. Giáo dục theo đúng nghĩa của nó là giúp cá thể trưởng thành và tự do, phát

triển trọn vẹn trong tình yêu và tình người. Đấy là điều ta nên quan tâm, chứ không tìm cách định hình trẻ theo một khuôn mẫu lý tưởng nào.

Bất cứ phương pháp nào dùng để phân loại đứa trẻ dựa theo tính nết và năng khiếu chỉ làm bật lên những khác biệt giữa chúng mà thôi. Phương pháp ấy sẽ nuôi dưỡng sự đối kháng lẫn nhau, khuyến khích sự phân chia trong xã hội và không giúp phát triển con người toàn diện. Rõ ràng là không có phương pháp hay hệ thống nào có thể mang đến loại hình giáo dục đúng đắn, và việc bám chặt vào một phương pháp cụ thể nào đó càng cho thấy sự trì trệ ở phía nhà giáo dục. Chừng nào nền giáo dục còn dựa trên những nguyên tắc được xác lập rõ ràng, nó chỉ có thể sản sinh ra những con người khéo làm việc, chứ không thể tạo ra những con người sáng tạo.

Chỉ tình yêu mới có thể giúp ta thấu hiểu người khác. Ở đâu có tình yêu, ở đó lập tức có sự đồng cảm, cùng một mức độ và cùng một thời điểm. Bản thân chúng ta quá khô khan, trống rỗng và thiếu vắng tình yêu đến mức chúng ta đã cho phép các hệ thống đảm nhiệm thay việc giáo dục con cái và định hướng cuộc sống của chúng ta, nhưng các hệ thống quản lý cấp cao lại muốn những “cỗ máy” giỏi việc, chứ không muốn những con người thực thụ, vì con người là mối nguy hiểm đối với họ. Đó là lý do tại sao các hệ thống, các tổ chức chuyên quyền luôn tìm cách kiểm soát và thao túng giáo dục.

Cuộc sống không được tạo ra nhằm mục đích phục tùng một hệ thống, nó không thể bị buộc vào một khuôn khổ, dẫu cái khuôn khổ ấy có cao quý cỡ nào; và một trí óc được đào luyện để nắm bắt các dữ kiện thì không thể nào chạm vào cuộc sống muôn màu muôn vẻ, với đầy đủ sự tinh tế, với những chiều sâu và độ cao ngút ngàn. Khi giáo dục con cái theo một hệ thống tư tưởng hay một bộ môn cụ thể, chúng ta dạy chúng cách suy nghĩ theo những khuôn khổ cục bộ, chúng ta vô hình trung đã cản đường chúng, không cho chúng phát triển thành những con người toàn diện, và do đó chúng không thể tư duy một cách thông minh, tức là tiếp cận cuộc sống một cách vẹn toàn.

Chức năng lớn nhất của giáo dục đúng đắn là tạo ra những cá thể toàn diện có thể xem xét cuộc sống trong tính toàn diện của nó. Người lý tưởng, cũng giống như nhà chuyên môn, không quan tâm tới cái toàn bộ, mà chỉ quan tâm tới cái bộ phận. Không thể xảy ra sự hợp nhất cho tới chừng nào con người vẫn còn theo đuổi một khuôn mẫu hành động lý tưởng; và hầu hết các nhà giáo dục theo chủ nghĩa lý tưởng đều gạt bỏ tình yêu, cái đầu họ khô khan còn con tim thì sắt đá. Để nghiên cứu một đứa trẻ, nhà giáo dục phải tỉnh táo, thận

trọng, biết rõ về bản thân, và điều này đòi hỏi phải có trí tuệ và tình cảm hơn là khuyến khích đứa trẻ chạy theo một lý tưởng.

Một chức năng khác của giáo dục là tạo ra những giá trị mới. Chỉ khắc sâu vào trí não trẻ những giá trị hiện tồn và buộc các em phục tùng các lý tưởng, đấy là một hình thức đóng khuôn các em mà không giúp đánh thức trí tuệ của các em. Giáo dục có mối tương quan mật thiết với tình hình khủng hoảng của thế giới hiện nay, và nhà giáo dục nào nhìn thấu được nguyên nhân của sự hỗn loạn mang tính toàn cầu này ắt sẽ tự hỏi mình cần làm gì để đánh thức trí tuệ ở học sinh, theo đó giúp cho thế hệ sau không gây thêm bất kỳ xung đột hay thảm họa nào nữa. Anh ta phải dành toàn bộ trí lực và tình cảm của mình cho việc tạo ra môi trường phù hợp cho việc phát triển sự thông hiểu, sao cho khi đứa trẻ đến độ tuổi trưởng thành đều có thể giải quyết một cách thông minh các vấn đề mà em gặp phải. Nhưng để làm được điều này, nhà giáo dục trước tiên phải hiểu biết chính bản thân mình thay vì cậy vào các ý thức hệ, các hệ thống hay các đức tin.

Chúng ta hãy ngưng ngay lối suy nghĩ dựa theo các nguyên tắc và lý tưởng, mà hãy nhìn nhận sự việc đúng như chúng là; vì chính lối xem xét cái *đang tồn tại* mới làm thức tỉnh trí tuệ, và trí tuệ của nhà giáo dục còn quan trọng hơn kiến thức của anh ta về một phương pháp giáo dục tân tiến nào đó. Khi nhà giáo dục áp dụng một phương pháp, ngay cả khi nó được khai triển bởi một người thông minh và cẩn trọng, thì phương pháp ấy chỉ quan trọng khi nó tương thích với bọn trẻ. Người ta đo lường và phân loại những đứa trẻ, rồi sau đó tiến hành giáo dục bọn trẻ theo một phương thức định sẵn nào đó. Quá trình giáo dục kiểu này có thể tạo thuận tiện cho người thầy, nhưng không một sự áp dụng theo hệ thống nào, hay không một sự áp đặt ý kiến hoặc cách học tập nào có thể tạo ra một con người toàn diện.

Loại hình giáo dục đúng đắn là loại hình giáo dục thực sự hiểu trẻ em mà không áp đặt lên chúng một hình ảnh mà ta nghĩ các em nên trở thành như thế. Bao bọc đứa trẻ trong khuôn khổ của một lý tưởng là khuyến khích em chỉ biết tuân phục, làm vậy là chúng ta đang gieo rắc nơi đứa trẻ nỗi sợ hãi, cũng như mối xung đột thường trực giữa cái em *đang là*, với cái em *nên là*; và mọi sự xung đột trong nội tâm sớm muộn gì cũng sẽ bộc lộ ra bên ngoài. Mọi lý tưởng đều là rào cản ngăn trở ta hiểu về đứa trẻ và không cho đứa trẻ thấu hiểu chính các em.

Bậc phụ huynh nào thực sự muốn hiểu con của mình thì sẽ không xem xét em qua lăng kính của những lý tưởng. Nếu họ thực sự yêu

thương đứa trẻ, họ sẽ quan sát em, tìm hiểu các khuynh hướng của em, tâm trạng của em, các nét cá tính của em. Chỉ khi nào người ta cảm thấy mình không có tình yêu thương dành cho đứa trẻ thì họ mới áp đặt lên đứa trẻ một lý tưởng, vì lúc đó những tham vọng của họ đang cố hiện thực hóa nơi đứa trẻ, buộc em phải trở thành người này hay người nọ. Nếu cái người ta yêu, không phải lý tưởng, mà là đứa trẻ, thì họ có thể giúp đứa trẻ hiểu đúng về bản thân em.

Chẳng hạn như, nếu đứa trẻ nói dối, thì việc bày ra trước mặt em một lý tưởng về sự trung thực phỏng có ích gì? Ta phải dành thì giờ tìm hiểu lý do tại sao em lại nói dối. Để giúp đứa trẻ, ta phải dành thời gian tìm hiểu và quan sát em, điều này đòi hỏi phải có sự nhẫn nại, có tình yêu thương và sự chu đáo, ân cần; nhưng khi ta không yêu cũng chẳng hiểu em, thì ta gò ép đứa trẻ vào một khuôn mẫu hành động mà ta gọi là lý tưởng.

Cưỡng buộc học trò theo lý tưởng là một hình thức đào nhiệm dễ dàng, và nhà giáo dục nào chạy theo các lý tưởng thì không tài nào hiểu học trò của mình và biết cách ứng xử phù hợp với các em; đối với anh ta, lý tưởng trong tương lai, tức cái *nên là*, quan trọng hơn nhiều so với đứa học trò trước mặt. Chạy theo lý tưởng là khước từ tình yêu thương, và nếu không có tình yêu thương thì không một vấn đề nào của con người có thể được giải quyết tận gốc rễ.

Nhà giáo dục thực thụ là người không để mình lệ thuộc một cách cứng nhắc vào một phương pháp, mà sẽ sẵn lòng linh hoạt tìm hiểu từng học sinh của mình. Trong mối tương giao giữa chúng ta với trẻ em và thanh thiếu niên, chúng ta đang giao thiệp với những con người sống động vốn dễ bị tác động, hay thay đổi, nhạy cảm, e ngại, dễ xúc động, chứ không phải là những thiết bị máy móc có thể được sửa chữa một cách nhanh chóng; và để tương giao với các em, ta phải hiểu kỹ càng, phải hết sức kiên nhẫn và có tình yêu thương sâu sắc. Khi ta thiếu những phẩm chất này, ta viện đến những "phương thuốc" cứu chữa nhanh chóng và dễ dãi, và hy vọng tự động sẽ có những kết quả thần kỳ. Nếu ta lơ là, máy móc trong thái độ và trong hành động của mình, vô hình trung ta sẽ trốn tránh những đòi hỏi gây phiền toái cho ta và ta không thể đáp ứng một cách tự động, và đây là một trong những khó khăn chính của việc giáo dục.

Đứa trẻ là kết quả của cả quá khứ lẫn hiện tại, do đó chúng đã bị quy định sẵn. Nếu chúng ta chuyển nền tảng quá khứ của mình sang cho đứa trẻ, chúng ta sẽ tiếp diễn tình trạng bị quy định của em và của chính ta. Chỉ khi nào ta hiểu được tình trạng bị định đặt của mình và thoát khỏi nó thì mới có thể có sự thay đổi triệt để. Còn ngồi bàn luận và cố xác định xem đâu mới là loại hình giáo dục đúng đắn

trong khi bản thân chúng ta vẫn bị các điều kiện quy định là một điều hết sức viển vông.

Khi trẻ còn nhỏ, đương nhiên ta phải bảo vệ các em khỏi những mối nguy hiểm về thân thể và tránh cho các em cảm giác bất an về thân thể. Nhưng khổ nỗi, chúng ta không dừng lại ở đó; chúng ta muốn tiến tới định hình cả cách cảm nhận và suy nghĩ của các em, chúng ta muốn nhào nặn các em theo những khao khát và ý định riêng của mình. Chúng ta tìm cách hiện thực hóa chính mình nơi con trẻ, kéo dài sự tồn tại của chúng ta qua bọn trẻ. Chúng ta xây những bức tường bao quanh các em, khuôn đặt các em bằng các đức tin và ý thức hệ, bằng nỗi sợ hãi và niềm hy vọng của chúng ta – và rồi chúng ta khóc lóc và cầu nguyện khi chúng bị giết chết hay bị thương trong các cuộc chiến, hay phải chịu những thiệt thòi trong cuộc sống.

Những trải nghiệm như thế không mang lại sự tự do; trái lại chúng củng cố thêm ý muốn mãnh liệt của cái tôi. Cái tôi được tạo thành từ một loạt những phản ứng phòng vệ hay bành trướng, và những thành tựu của nó luôn nằm trong các dự phóng và trong những hình thức đồng hóa mà nó thấy thỏa mãn. Chừng nào chúng ta còn hiểu những trải nghiệm cuộc sống qua lăng kính của cái tôi – "tôi" và "của tôi", chừng nào cái tôi vẫn còn được duy trì qua những kiểu phản ứng của nó, thì ta không thể thoát ra khỏi trải nghiệm xung đột, trạng thái hỗn loạn và nỗi đau khổ. Tự do chỉ đến khi ta hiểu được phương cách tồn tại của cái tôi, tức *cái chủ thể đang trải nghiệm*. Chỉ khi nào cái tôi, cùng với những phản ứng được tích lũy của nó, không còn là kẻ trải nghiệm, thì trải nghiệm ấy sẽ khoác lên mình một ý nghĩa hoàn toàn khác và nảy sinh sự sáng tạo.

Nếu muốn giúp đứa trẻ tự do khỏi những phương cách tồn tại của cái tôi, vốn là những điều gây quá nhiều đau khổ, thì mỗi người chúng ta phải bắt đầu thay đổi một cách sâu sắc thái độ và mối tương giao giữa mình và đứa trẻ. Cha mẹ và các nhà giáo dục, thông qua cách suy nghĩ và ứng xử của mình, có thể giúp đứa trẻ trở thành người tự do, được phát triển trong tình yêu thương và sự tử tế.

Nền giáo dục, như trong tình trạng hiện nay, không khuyến khích mọi người tìm hiểu các xu hướng kế thừa và ảnh hưởng của môi trường bên ngoài đã khuôn đặt tâm trí và nuôi dưỡng nỗi sợ hãi của chúng ta như thế nào, và vì thế không giúp ta thoát khỏi sự quy định này và hé lộ ra một con người toàn diện. Bất kỳ loại hình giáo dục nào liên quan đến một bộ phận, chứ không phải tổng thể một con người, tất yếu sẽ làm gia tăng sự xung đột và nỗi đau khổ.

Chỉ trong sự tự do cá nhân, tình thương yêu và sự tử tế mới có thể

đơm hoa kết trái; và loại hình giáo dục đúng đắn mỗi mình nó cũng có thể mang lại sự tự do này. Không có sự tuân phục đối với xã hội hiện tại hay lời hứa hẹn về một *xã hội Không tưởng* trong tương lai nào có thể mang lại cho cá nhân cái minh kiến bên trong ấy. Nếu không có cái minh kiến này, anh ta khó lòng thoát khỏi một cuộc sống đầy xung đột.

Nhà giáo dục đúng nghĩa, người thấy được bản chất bên trong của sự tự do, sẽ giúp cho mỗi học trò của mình biết cách quan sát và hiểu được các giá trị, cũng như những đòi hỏi quá đáng mà các em tự phóng chiếu lên bản thân như thế nào; anh ta giúp các học trò ý thức hơn về những ảnh hưởng bên ngoài đã và đang quy định, đang tác động đến các em, và ý thức hơn về những ham muốn của chính các em, cả hai thứ ấy đều góp phần hạn chế năng lực tinh thần của các em và gây ra nỗi sợ hãi; khi các em trưởng thành, anh ta sẽ giúp các em biết cách quan sát và hiểu được chính bản thân mình trong mối tương quan với mọi thứ khác. Khao khát khỏa lấp những mong nguyện của bản thân là cái làm cho cuộc sống của các em triền miên xung đột và đau khổ.

Đương nhiên ta có thể giúp mỗi cá nhân nhận chân ra các giá trị bền vững của cuộc sống mà không bị định đặt gì cả. Một số người cho rằng sự phát triển hoàn thiện của cá nhân sẽ dẫn tới sự hỗn loạn; thế thì đã sao? Hỗn loạn thì vốn đã hỗn loạn rồi. Thế giới này đã rối beng từ lâu bởi người ta không được giáo dục để hiểu về chính mình. Khi con người được trao cho một thứ tự do giả tạo, thì họ cũng được dạy cho cách tuân phục, chấp nhận các giá trị hiện tồn.

Nhiều người đang nổi dậy chống lại việc tuân phục các hệ thống kiểm soát; nhưng thật không may, sự nổi dậy của họ chỉ là một phản ứng có tính tư lợi, phản ứng ấy chỉ làm cho cuộc sống thêm tăm tối mà thôi. Nhà giáo dục đích thực, người biết rõ xu hướng phản ứng của tâm trí, sẽ giúp người học biết cách thay thế các giá trị hiện tại, không phải bằng cách phản ứng chống lại chúng, mà bằng cách hiểu được toàn bộ diễn trình của cuộc sống. Sự hợp tác toàn tâm toàn ý không thể có được nếu không có sự hợp nhất toàn diện mà nền giáo dục đúng đắn có thể góp phần làm thức tỉnh nơi mỗi cá nhân.

Sao chúng ta lại chắc mẩm rằng cả chúng ta lẫn thế hệ kế tiếp không thể tạo ra sự thay đổi căn cơ trong mối quan hệ giữa mọi người với nhau thông qua một nền giáo dục đúng đắn? Chúng ta chưa bao giờ thử làm điều đó, và vì đa phần chúng ta có vẻ như e sợ thứ giáo dục ấy nên chẳng hề có xu hướng muốn thử nó. Nếu không thực lòng mong muốn truy vấn triệt để câu hỏi này, thì chúng ta buộc phải khẳng định rằng bản tính con người là không thể thay đổi, chúng ta

buộc phải chấp nhận mọi thứ như chúng vốn là và khuyến khích đứa trẻ phải thích ứng với xã hội hiện tại; chúng ta uốn nắn các em theo lối sống hiện có của mình, và cầu mong sao cho đó là điều tốt đẹp nhất. Nhưng việc tuân phục các giá trị hiện tồn như thế liệu có phải là giáo dục hay không? Kiểu tuân phục này không sớm thì muộn sẽ dẫn tới chiến tranh và đói khổ.

Chúng ta hãy thôi tự dối lòng rằng kiểu uốn nắn này sẽ giúp phát triển trí tuệ và mang lại hạnh phúc cho bọn trẻ. Nếu chúng ta cứ mãi lo sợ, bàng quan, lãnh đạm đến mức không thể hy vọng gì nữa, nghĩa là chúng ta không thực lòng quan tâm đến việc khuyến khích các cá nhân phát triển trong tình yêu thương và sự tử tế, mà thực chất chúng ta lại thích thấy anh ta sống trong sự khốn cùng mà chúng ta cũng đã tự mình chuốc lấy và anh ta cũng là một phần trong đó.

Khuôn đặt cho học sinh quen với việc chấp nhận môi trường hiện tại rõ ràng là hoàn toàn xuẩn ngốc. Nếu không tình nguyện tạo ra sự thay đổi tận gốc rễ cho giáo dục, chúng ta phải trực tiếp chịu trách nhiệm cho sự kéo dài tình trạng nhiễu nhương và khốn khổ; và sau rốt khi cuộc cách mạng tàn bạo khủng khiếp nổ ra, nó sẽ chỉ mang lại cơ hội trục lợi cho một nhóm người nào đó và khiến họ trở nên tàn nhẫn. Tổ chức chuyên quyền nào cũng đều khai triển những phương tiện áp bức của riêng họ, dẫu bằng cách thâu phục nhân tâm mềm mỏng hay sử dụng bạo lực thô thiển.

Vì những nguyên do chính trị và công nghiệp, kỷ luật đã trở thành một nhân tố đóng vai trò quan trọng trong cấu trúc xã hội hiện đại, và chính vì muốn an toàn về mặt tâm lý mà chúng ta chấp nhận và thực thi các hình thức kỷ luật khác nhau. Kỷ luật đảm bảo cho kết quả, và đối với chúng ta, lẽ ra mục đích quan trọng hơn phương tiện nhưng phương tiện lại đang quy định mục đích.

Một trong những mặt trái nguy hiểm của kỷ luật chính là hệ thống trở nên quan trọng hơn con người trong hệ thống đó. Thế là kỷ luật trở thành cái thay thế cho tình thương yêu, và bởi tâm hồn trống rỗng nên chúng ta mới bám víu vào kỷ luật. Tự do không bao giờ biểu lộ qua kỷ luật, qua sự phản kháng; tự do vốn không phải là một mục tiêu hay một mục đích phải đạt được. Tự do nằm ở chỗ bắt đầu chứ không phải ở chỗ kết thúc, nó cũng không ngụ trong một lý tưởng xa xôi diệu vợi nào.

Tự do không phải là cơ hội nhằm thỏa mãn sở thích cá nhân hay gạt sự quan tâm đến người khác sang một bên. Nhà giáo dục chân chính sẽ bảo vệ học sinh và giúp các em phát triển theo chiều hướng tự do đích thực bằng mọi giá; nhưng mọi biện pháp sẽ vô dụng nếu anh ta

bị nghiện một kiểu ý thức hệ nào đó hoặc anh ta là kẻ giáo điều, tư lợi.

Sự tinh nhạy không bao giờ có thể đánh thức bằng cách cưỡng ép. Người ta có thể buộc đứa trẻ phải giữ yên lặng, nhưng họ đã tránh né đối mặt với vấn đề khiến đứa bé ấy trở nên bướng bỉnh, hỗn xược… Ép buộc là mầm mống của sự chống đối và sợ hãi. Thưởng phạt dưới bất cứ hình thức nào cũng chỉ là cách nô dịch tinh thần và làm cho nó ngày càng ngu dốt; và nếu đấy là điều chúng ta muốn, thì giáo dục bằng sự cưỡng ép là phương pháp cực kỳ hiệu quả!

Lối giáo dục ấy không thể giúp chúng ta thấu hiểu đứa trẻ, cũng không thể tạo dựng được một môi trường xã hội đúng đắn trong đó sự chia tách và thù hận không tồn tại. Tình yêu thương mà ta dành cho đứa trẻ đã hàm chứa sẵn đường hướng giáo dục đúng đắn. Nhưng buồn thay, hầu hết chúng ta đều không thực sự yêu thương con cái mình; chúng ta muốn chúng giỏi giang – đấy chẳng qua là chúng ta muốn chính mình giỏi giang, muốn mình nở mày nở mặt. Khổ nỗi, chúng ta bận bịu với những công việc đầu óc đến mức chẳng có mấy thì giờ lắng nghe những lời mách bảo trong tim. Sau rốt, kỷ luật bao hàm tính đối kháng; và sự đối kháng đã bao giờ mang lại tình yêu thương chăng? Kỷ luật chỉ có thể xây lên những bức tường bao quanh chúng ta mà thôi; nó luôn mang tính loại trừ và luôn dẫn đến xung đột. Kỷ luật không dẫn đến sự hiểu biết; vì sự hiểu biết luôn sánh đôi với sự quan sát, với sự truy vấn mà trong đó mọi thành kiến đều bị gạt sang một bên.

Kỷ luật là một phương cách dễ dãi hòng kiểm soát đứa trẻ, nhưng nó chẳng thể giúp đứa trẻ hiểu biết các vấn đề liên quan tới bản chất cuộc sống. Một hình thức cưỡng buộc nào đó, một hình thức thưởng phạt nào đó, có thể cần thiết để duy trì trật tự và sự yên lặng bề ngoài khi số lượng lớn học sinh được tập hợp lại với nhau trong lớp học; nhưng với một người thầy chân chính và với số lượng nhỏ học sinh thì ta có cần dùng đến kiểu trấn áp, được gọi một cách tao nhã là kỷ luật hay không? Nếu quy mô các lớp học nhỏ và người thầy có cơ hội chú ý kỹ càng đến từng đứa trẻ một, quan sát và giúp đỡ em, thì sự cưỡng ép hay khống chế dưới bất cứ hình thức nào rõ ràng là không cần thiết. Nếu trong một nhóm như thế, học sinh nào ngoan cố không giữ trật tự hay nghịch ngợm quậy phá, người thầy cần phải dụng công tìm hiểu nguyên nhân của hành vi bất ổn ấy: có thể do chế độ ăn thiếu khoa học, nghỉ ngơi không đủ, những cãi vã trong gia đình, hay một sự lo sợ mơ hồ nào đó.

Ẩn dưới nền giáo dục đúng đắn là sự vun bồi cho tự do và trí tuệ, điều này không thể diễn ra nếu có bất cứ hình thức cưỡng ép nào, và

kèm theo đó là nỗi sợ hãi. Sau rốt, mối quan tâm của người thầy là làm thế nào để giúp học trò hiểu được tính phức tạp của con người – bao gồm cả những diễn trình tâm lý, cảm xúc... Việc dồn nén phần bản tính này vì ích lợi của phần bản tính kia sẽ tạo ra sự xung đột bất tận, và rồi sớm muộn sự xung đột này sẽ dẫn đến sự chống đối xã hội. Cái đem lại trật tự vững bền là trí tuệ chứ không phải kỷ luật.

Sự tuân phục và vâng lời không có chỗ trong loại hình giáo dục đúng đắn. Sự hợp tác giữa người thầy và học trò không thể nảy nở được nếu thiếu vắng tình thương và sự tôn trọng dành cho nhau. Khi được yêu cầu phải thể hiện sự tôn trọng đối với người lớn, nó sẽ trở thành một thói quen, một sự thể hiện thuần túy bề ngoài, và sự sợ hãi đã khoác lấy vỏ bọc tôn kính. Nếu không có sự tôn trọng và quan tâm đến người khác thật sự, thì không một mối quan hệ nào có thể tồn tại, nhất là khi người thầy chỉ được xem là công cụ truyền thụ kiến thức cho người trò.

Nếu người thầy đòi hỏi học sinh phải tôn trọng mình mà chẳng mấy khi anh ta tôn trọng các em, chắc chắn học sinh sẽ dửng dưng và không tôn trọng anh ta. Nếu không có sự tôn trọng đối với cuộc sống, kiến thức chỉ dẫn đến sự phá hoại và khốn khổ. Giáo dục lòng tôn trọng đối với người khác là một phần quan trọng trong nền giáo dục đúng đắn, nhưng nếu bản thân nhà giáo dục không có phẩm chất này, anh ta không thể giúp học trò của mình tạo dựng được cuộc sống toàn diện.

Thông minh nghĩa là nhận biết rõ cái bản chất, và muốn nhận biết rõ cái bản chất thì cần phải thoát khỏi những trở ngại của tâm trí trong việc tìm kiếm sự an toàn và thanh thản. Sợ hãi là không thể tránh khỏi chừng nào đầu óc còn mải mê tìm kiếm cảm giác an toàn; và khi con người được tập hợp lại thành đoàn thể theo một cách nào đó, thì ý thức và sự thông minh sắc sảo sẽ bị hủy hoại.

Mục đích của giáo dục là vun bồi mối tương quan đúng đắn, không chỉ giữa các cá thể với nhau, mà còn giữa cá thể và xã hội; đó là lý do tại sao giáo dục trước hết phải giúp mỗi người hiểu được diễn trình tâm lý của chính mình. Trí tuệ nằm ở chỗ hiểu biết về chính mình và vượt lên chính mình; nếu vẫn còn sợ hãi thì chúng ta không thể có trí tuệ. Sợ hãi làm hư hỏng trí tuệ và là một trong những nguyên nhân của hành động lấy mình làm trung tâm. Kỷ luật có thể áp chế nỗi sợ hãi nhưng không xóa bỏ được nó, và kiến thức giả tạo mà chúng ta nhận được trong nền giáo dục hiện đại chỉ che đậy thêm nỗi sợ mà thôi.

Khi chúng ta còn trẻ, nỗi sợ – ở trong gia đình, cũng như ở trường –

đã ngấm sâu vào trong huyết quản chúng ta. Không một bậc cha mẹ hay người thầy nào đủ nhẫn nại, đủ thời gian, đủ sự khôn ngoan để giúp xua tan những nỗi sợ hãi đã thành bản năng ở tuổi ấu thơ, rồi khi ta lớn lên, nỗi sợ hãi ấy chi phối thái độ và óc phán đoán của ta, gây ra biết bao nhiêu là vấn đề. Loại hình giáo dục đúng đắn phải xét đến nỗi sợ hãi này, vì chính sợ hãi làm cho toàn bộ cái nhìn về cuộc đời của chúng ta bị méo mó. Loại bỏ nỗi sợ hãi là điểm khởi đầu của trí tuệ, và chỉ có loại hình giáo dục đúng đắn mới có thể giúp ta thoát khỏi nỗi sợ; chỉ khi nào không còn sợ hãi thì chúng ta mới có trí tuệ sâu sắc và đầy sáng tạo.

Thưởng hay phạt đối với bất cứ hành động nào chỉ càng củng cố thêm cho việc tự lấy bản ngã làm trung tâm. Hành động vì điều gì đó khác, nhân danh Tổ quốc hay Thượng đế, đều dẫn đến sự sợ hãi, và sợ hãi không thể là nền tảng cho hành động đúng đắn. Nếu chúng ta giúp đứa trẻ biết quan tâm đến người khác, chúng ta sẽ không dùng tình yêu thương như là món quà hối lộ mà sẽ dành thời gian và lòng kiên nhẫn giải thích các cách thức quan tâm đến người khác.

Chẳng có sự tôn trọng nào đối với người khác khi có phần thưởng dành cho việc đó, vì sự hối lộ hay hình phạt trở nên quan trọng hơn nhiều so với chính cảm giác tôn trọng. Nếu chúng ta không tôn trọng đứa trẻ mà chỉ đơn thuần đưa cho trẻ một phần thưởng hay dọa phạt, chúng ta chỉ đang khuyến khích tính hám lợi và nỗi sợ hãi. Vì bản thân chúng ta cũng được dạy dỗ phải hành động vì một kết quả nào đó, cho nên ta không nhận thấy rằng vẫn có thể hành động hoàn toàn không xuất phát từ ham muốn vị lợi.

Loại hình giáo dục đúng đắn sẽ khuyến khích óc tư duy và sự quan tâm tới người khác một cách tự nhiên mà không cần lôi kéo hay dọa dẫm. Trường hợp đôi bên không còn màng đến những kết quả trước mắt, cả thầy lẫn trò không còn lo ngại bị phạt hay mong đợi phần thưởng, đồng thời thoát khỏi mọi hình thức cưỡng buộc khác thì sự cưỡng ép vẫn tiếp tục tồn tại chừng nào mà uy quyền vẫn còn là một phần của mối tương giao.

Tuân theo uy quyền có nhiều thuận lợi nếu người ta suy nghĩ dựa vào động cơ và sự ích kỷ; nhưng giáo dục dựa trên sự tiến bộ và lợi ích của cá thể chỉ có thể xây dựng một cơ cấu xã hội đầy cạnh tranh, đối kháng và tàn nhẫn với nhau mà thôi. Đây là loại xã hội trong đó chúng ta lớn lên cùng sự thù địch, và hỗn loạn là chuyện hiển nhiên.

Chúng ta được dạy phải tuân phục trước uy quyền của người thầy, của sách vở, vì chỉ như thế thì ta mới được lợi. Các nhà chuyên môn trong mọi lĩnh vực của cuộc sống sử dụng uy quyền và thống trị

chúng ta; nhưng bất cứ người có thẩm quyền nào dùng đến sự cưỡng ép đều không thể nào gầy dựng được mối tương giao hợp tác, một yếu tố căn bản cho sự thịnh vượng của xã hội.

Nếu chúng ta muốn gầy dựng mối quan hệ đúng đắn giữa con người với nhau thì không nên dung dưỡng cho sự cưỡng ép, hay thậm chí là sự thuyết phục. Làm thế nào có thể có tình người và sự hợp tác chân thành giữa nhà cầm quyền và người nằm dưới quyền lực đó? Bằng cách xem xét một cách tỉnh táo vấn đề về uy quyền và những nội hàm của nó, và nhận thấy rằng chính sự ham muốn quyền lực tự nó đã mang tính phá hoại, thì tự khắc ta sẽ hiểu ngay toàn bộ diễn trình của uy quyền. Lúc ta vứt bỏ uy quyền chính là lúc ta bước vào mối quan hệ cộng tác, chỉ khi ấy mới có sự hợp tác chân thành và tình người.

Vấn đề thực sự của giáo dục là nhà giáo dục. Ngay cả một nhóm nhỏ học sinh cũng có thể trở thành công cụ thể hiện tầm quan trọng của người thầy, nếu anh ta sử dụng uy quyền như là một phương tiện để giải thoát chính mình, để hiện thực hóa chính mình, và nếu đối với anh ta việc giảng dạy là một cách để thể hiện bản thân. Nhưng chỉ đơn thuần nhất trí, trong tư tưởng hay lời nói, về những tác động nguy hại của uy quyền thôi thì vẫn là việc làm xuẩn ngốc và hão huyền.

Chúng ta cần phải có minh kiến sâu sắc về những động cơ sâu kín của uy quyền và sự thống trị. Nếu chúng ta xét thấy trí tuệ không bao giờ có thể được đánh thức bằng sự cưỡng ép, thì chính việc ý thức về điều đó sẽ đốt sạch nỗi sợ hãi trong chúng ta, thế là chúng ta sẽ bắt đầu vun xới một môi trường mới, trái ngược và vượt xa cái trật tự xã hội hiện thời.

Để hiểu thấu ý nghĩa của cuộc sống cùng với những xung đột và đau khổ mà uy quyền gây ra, chúng ta phải suy nghĩ một cách độc lập về bất cứ loại uy quyền nào. Nếu muốn giúp đỡ một đứa trẻ mà chúng ta lại đặt ra trước em những tấm gương đầy uy quyền, chúng ta sẽ chỉ khuyến khích sự sợ hãi, bắt chước và nhiều hình thức cuồng tín khác mà thôi.

Những người theo tôn giáo thường cố áp đặt lên đứa trẻ những đức tin, niềm hy vọng và nỗi sợ mà họ đã tiếp nhận từ cha mẹ họ; và những người vô thần cũng muốn gây ảnh hưởng lên đứa trẻ, bắt chúng phải chấp nhận lối nghĩ riêng của họ. Tất cả chúng ta đều muốn con cái phải chấp nhận hình thức sùng bái của mình và nhập tâm ý thức hệ mà ta đã chọn. Còn gì dễ dàng hơn việc buông mình vào những hình ảnh và công thức sẵn có, dẫu đó là do chính chúng ta

tạo ra hay do người khác tạo ra, và vì vậy ta cần phải hết sức tỉnh táo và cảnh giác.

Cái chúng ta gọi là tôn giáo thực chất chỉ là đức tin, cùng với các tín điều, nghi lễ, những điều huyền bí và cuồng tín của nó. Mỗi tôn giáo đều có kinh sách riêng, người sáng lập, các giáo sĩ và các phương cách đe dọa, chi phối mọi người. Hầu hết chúng ta đều bị định đặt bởi những thứ ấy, và đó là những gì mà người ta gọi là giáo dục tôn giáo; nhưng sự quy định này đặt con người vào thế chống lại nhau, gây ra sự đối kháng không chỉ giữa các tín đồ với nhau, mà còn giữa tín đồ tôn giáo này với tín đồ tôn giáo kia. Dù tất cả các tôn giáo đều khẳng định rằng họ thờ Thượng đế và nói rằng chúng ta phải yêu thương lẫn nhau, nhưng chính họ lại gieo rắc nỗi sợ bằng các giáo lý về sự thưởng phạt; và qua các tín điều cạnh tranh, họ truyền lưu mối hoài nghi và sự đối kháng.

Các giáo điều, các câu chuyện huyền bí và các nghi lễ – tất cả những thứ này không dẫn đến đời sống tâm linh. Giáo dục tôn giáo theo đúng nghĩa của từ này là khuyến khích đứa trẻ hiểu mối tương quan giữa bản thân với người khác, với mọi vật và với thiên nhiên. Không có sự tồn tại nào nếu không có mối tương quan; và nếu không có sự nhận biết chính mình thì mọi mối tương quan, với một người hay với nhiều người, đều trở thành nguyên nhân của xung đột và đau khổ. Đương nhiên, giải thích hết điều này cho một đứa trẻ là điều bất khả; song nếu nhà giáo dục và cha mẹ nắm bắt đầy đủ ý nghĩa của mối tương quan – qua thái độ, cách ứng xử và lời nói – chắc chắn họ có thể chuyển tải được cho đứa trẻ, mà không cần phải nói và giải thích nhiều, về ý nghĩa của đời sống tâm linh.

Cách dạy dỗ của tôn giáo không khuyến khích đặt câu hỏi và hoài nghi, chỉ khi nào chúng ta truy vấn ý nghĩa của các giá trị mà xã hội và tôn giáo đã đặt ra quanh chúng ta thì chúng ta mới bắt đầu biết đâu là chân lý. Vai trò của nhà giáo dục là nghiên cứu cho thật kỹ càng những tư tưởng, tình cảm của chính mình và gạt sang một bên các giá trị đã mang lại cho anh ta sự an nhàn và thoải mái, chỉ khi ấy anh ta mới có thể giúp học trò mình ý thức về bản thân chúng và hiểu được sự thôi thúc và nỗi sợ hãi của chính chúng.

Thời gian thuận lợi cho sự phát triển là khi người ta còn trẻ; còn những người lớn tuổi, nếu có sự thông hiểu, sẽ giúp những người trẻ tự giải thoát mình khỏi những trở ngại mà xã hội đã áp đặt lên các em, cũng như khỏi những gì mà chính các em đang phóng chiếu lên bản thân. Nếu đầu óc và con tim của đứa trẻ chưa bị nhào nặn bởi các ý niệm có sẵn của tôn giáo và các tiên kiến thì đứa trẻ sẽ tự do phát hiện ra, qua việc nhận biết chính mình, cái gì đang ở bên trên và

vượt lên khỏi bản thân.

Tôn giáo đích thực không phải là tập hợp các đức tin và nghi lễ, hy vọng và sợ hãi; nếu chúng ta tạo điều kiện cho đứa trẻ lớn lên mà không dính mắc vào những tác động cản trở này thì có lẽ khi trưởng thành, trẻ sẽ bắt đầu tự truy vấn về bản tính của thực tại, của Thượng đế. Đó là lý do tại sao, trong việc giáo dục cho trẻ, minh kiến sâu sắc và sự thông hiểu là cần thiết.

Hầu hết những người có xu hướng tôn giáo thường nói về Thượng đế và sự bất tử, về niềm tin cơ bản là không tồn tại sự tự do và sự hợp nhất toàn diện; thế nhưng tôn giáo đích thực chính là *sự vun bồi tự do trong việc tìm cầu chân lý*. Không thể có sự thỏa hiệp đối với tự do. Tự do một phần không phải là tự do. Việc bị quy định, dưới bất kỳ hình thức nào, không phải là tự do và nó sẽ chẳng bao giờ mang lại sự bình yên.

Tôn giáo không phải là một hình thức định đặt hay khuôn định. Nó là một trạng thái tĩnh lặng trong đó chứa đựng thực tại, Thượng đế; nhưng trạng thái sáng tạo ấy chỉ xuất hiện khi có sự nhận biết chính mình và sự tự do. Tự do mang lại đức hạnh, và nếu không có đức hạnh thì không thể có sự tĩnh lặng. Tâm trí tĩnh tại không phải là tâm trí bị quy định, nó không thể bị kỷ luật hay chịu sự huấn luyện. Sự tĩnh tại chỉ xuất hiện khi tâm trí hiểu được các diễn trình của chính nó, tức là các diễn trình của bản ngã, của cái tôi.

Tôn giáo là tư tưởng đã bị đóng băng của con người, từ đó họ xây dựng đền đài, chùa chiền và nhà thờ; nó trở thành nơi giúp giải tỏa nỗi sợ hãi, một liều thuốc phiện cho những ai đang sầu khổ. Nhưng Thượng đế hay chân lý lại ở phía bên kia của những tư tưởng và những đòi hỏi đầy cảm xúc. Cha mẹ và người thầy, tức những người biết rõ các diễn trình tâm lý đã gây ra nỗi sợ và đau khổ, phải giúp trẻ học cách quan sát, hiểu được các xung đột và những gì đang thách thức các em.

Nếu chúng ta, những người lớn, không giúp trẻ lớn lên qua việc học cách tư duy rõ ràng và không bị quấy nhiễu bởi những ham muốn, học cách thương yêu và không nuôi lòng thù hận, thì chúng ta còn làm gì khác nữa? Nếu chúng ta thường xuyên quấy nhiễu người khác, nếu chúng ta không thể mang lại trật tự và hòa bình cho thế giới bằng việc thay đổi bản thân một cách sâu sắc, thì những cuốn thánh kinh kia phỏng có ích gì?

Giáo dục tôn giáo đích thực phải giúp trẻ nhận thức sáng suốt về chính mình, biết phân định rõ đâu là cái giả tạm và đâu là sự thật, và

biết tiếp cận cuộc sống một cách vô vị lợi; và chẳng phải là sẽ có ý nghĩa hơn khi bắt đầu một ngày ở nhà hay ở trường với sự chiêm nghiệm nghiêm túc, hay với việc đọc những cuốn sách có ý nghĩa sâu sắc và thực sự có ích, so với việc cứ mãi nhai đi nhai lại những ngôn từ sáo rỗng hay sao?

Các thế hệ trong quá khứ, với những tham vọng, truyền thống và lý tưởng của họ, đã gây ra cảnh khốn cùng và suy đồi cho thế gian này; có lẽ các thế hệ tiếp tới, với loại hình giáo dục đúng đắn, có thể chấm dứt tình trạng hỗn loạn này và tái thiết một trật tự xã hội hạnh phúc hơn. Nếu những người trẻ trang bị cho mình tinh thần không ngừng chất vấn, nếu họ vẫn liên tục tìm kiếm sự thật trong mọi điều – chính trị và tôn giáo, cá nhân và môi trường – thì tuổi trẻ mới có ý nghĩa quan trọng và chúng ta có thể hy vọng vào một thế giới tốt đẹp hơn.

Hầu hết trẻ nhỏ đều có tính hiếu kỳ, chúng tò mò muốn biết về mọi sự; nhưng sự háo hức truy vấn của chúng lại bị dập tắt bởi những lời khẳng quyết cố chấp, sự thiếu kiên nhẫn đầy trịch thượng của người lớn chúng ta và việc ta hờ hững gạt tính hiếu kỳ của chúng sang một bên. Chúng ta không khuyến khích các em truy vấn, vì chúng ta khá e dè với việc bị chất vấn; chúng ta không cổ vũ cho việc bày tỏ thái độ không thỏa nguyện của các em, vì chính chúng ta không còn khả năng hoài nghi nữa.

Hầu hết các bậc cha mẹ và người thầy đều e sợ thái độ bất mãn vì nó làm xáo trộn mọi hình thức an toàn, do đó họ khuyến khích thanh niên vượt qua sự bất mãn ấy bằng những công việc ổn định, sự thừa kế gia sản, hôn nhân và sự an ủi của các giáo điều. Những người lớn tuổi, quá tỏ tường với bao cách thức làm mụ mị trí óc và con tim, tiến hành việc biến đứa trẻ thành kẻ ngờ nghệch y như họ bằng cách áp đặt lên em các uy quyền, truyền thống và các đức tin mà họ đã chấp nhận.

Chỉ bằng cách khuyến khích đứa trẻ biết đặt câu hỏi về tất cả những gì chúng đọc, biết truy vấn tính hiệu lực của các giá trị, truyền thống, đức tin, v.v… đang tồn tại trong xã hội thì nhà giáo dục và cha mẹ mới có thể hy vọng đánh thức, đồng thời duy trì ý thức phản biện và năng lực nhận thức ở trẻ.

Những người trẻ đều tràn đầy hy vọng và không có tinh thần cam chịu, an phận; họ phải như vậy, nếu không thì họ đã là những người già cỗi và sống mòn. Người già là những con người xưa kia từng không cam chịu, nhưng họ đã thành công trong việc dập tắt ngọn lửa ấy bằng cách tìm kiếm sự an toàn và an nhàn theo nhiều cách khác

nhau. Họ thèm khát sự ổn định lâu dài cho bản thân và cho gia đình họ, họ mong mỏi có sự chắc chắn trong tư tưởng, trong mối tương quan, trong của cải; cho nên lúc cảm thấy bất mãn, họ vùi mình vào trách nhiệm, vào công việc hay vào bất cứ thứ gì khác để trốn tránh cảm giác bất mãn đang gây xáo trộn bản thân họ.

Giai đoạn chúng ta còn trẻ là quãng thời gian chúng ta bất mãn không những với chính mình mà còn với mọi thứ xung quanh. Chúng ta nên học cách suy nghĩ rõ ràng và không định kiến để không còn bị lệ thuộc và sợ hãi trong nội tâm. Độc lập không phải là thứ dành cho những phần được tô màu trên tấm bản đồ mà ta gọi là đất nước. Độc lập là một trạng thái thuộc về chúng ta, những cá thể có tri giác. Mặc dù ở bên ngoài chúng ta phụ thuộc lẫn nhau, nhưng sự phụ thuộc này sẽ không trở nên thô bạo hay áp bức nếu nội tâm chúng ta được giải phóng khỏi sự thèm khát quyền lực, chức vụ và ưu thế.

Chúng ta phải hiểu thấu bản chất của sự bất mãn, điều mà hầu hết chúng ta đều sợ. Sự bất mãn có thể dẫn đến điều gì đó có vẻ như mất trật tự, nhưng nếu nó mở ra sự nhận thức về chính mình và sự quên mình thì nó sẽ tạo ra một trật tự xã hội mới và vun đắp nền hòa bình lâu dài. Cùng với sự quên mình là niềm hân hoan vô bờ.

Ngạc nhiên thay, sự bất mãn lại là phương tiện dẫn đến sự tự do, nhưng để truy vấn một cách không định kiến, ta không được phung phí cảm xúc của mình như thường xảy ra trong những buổi hội họp hô vang các khẩu hiệu. Sự phung phí này làm mê muội trí óc và con tim, khiến cho chúng không thể thấu triệt, do đó dễ dàng bị rập khuôn theo hoàn cảnh và nỗi sợ hãi. Chính nỗi khát khao muốn truy hỏi, chứ không phải sự rập khuôn theo đám đông, mới mang lại hiểu biết mới về các phương cách của cuộc sống.

Người trẻ rất dễ bị thuyết phục phải suy nghĩ theo một lối nào đó; nhưng loại hình giáo dục đúng đắn sẽ giúp họ trở nên cẩn trọng với những tác động này sao cho không lặp lại những khẩu hiệu như con vẹt hay rơi vào bất cứ cạm bẫy tham lam đầy ranh mãnh nào. Chúng ta không được để cho uy quyền khống chế trí óc và con tim mình. Đi theo một người khác, dù họ vĩ đại đến cỡ nào, hay trung thành mù quáng với một ý thức hệ, sẽ chẳng hề mang lại một thế giới hòa bình.

Khi vừa rời khỏi ghế nhà trường, nhiều người trong chúng ta đã vứt ngay sách vở sang một bên và cảm thấy chúng ta đã hoàn thành xong nhiệm vụ học hành; bên cạnh đó cũng có nhiều người cảm thấy hứng thú và muốn mở rộng tư tưởng của mình hơn nữa, họ tiếp tục đọc sách, say sưa với những gì người khác nói, và trở nên nghiện ngập

đống kiến thức. Chừng nào chúng ta vẫn còn sùng bái kiến thức hay kỹ thuật như là phương tiện cho sự thành công và thống trị, thì chừng ấy thế giới này vẫn còn đầy rẫy sự cạnh tranh khốc liệt, sự chống đối và những cuộc chiến giành giật miếng ăn bất tận.

Chừng nào sự thành công còn là mục tiêu của chúng ta thì chừng ấy chúng ta vẫn chưa thể vượt qua nỗi sợ hãi, vì sự ham muốn thành công tất yếu sẽ dẫn đến trạng thái sợ thất bại. Đó là lý do vì sao chúng ta không nên dạy cho trẻ em sùng bái sự thành công. Hầu hết mọi người theo đuổi sự thành công dưới dạng này hay dạng khác, dù đó là trên sân quần vợt, trong thế giới kinh doanh, hay trong chính trường. Tất cả chúng ta đều muốn leo lên đỉnh thành công, và nỗi ham muốn này gây ra sự xung đột thường xuyên trong nội tâm ta và xung đột với những người bên cạnh; nó dẫn tới sự cạnh tranh, ganh ghét, thù địch và cuối cùng là chiến tranh.

Giống như các thế hệ tiền bối, thế hệ trẻ cũng tìm kiếm sự thành công và cảm giác an toàn; dẫu cho lúc đầu họ đầy tinh thần phản kháng, chẳng mấy chốc họ bắt đầu trở nên kính trọng và sợ phải từ chối xã hội. Các bức tường ham muốn bắt đầu vây hãm họ, họ nằm trong vòng kiềm tỏa và chấp nhận sự thống trị của uy quyền. Sự bất mãn của họ – ngọn đèn soi tỏ cho họ trên hành trình truy vấn, tìm kiếm và thấu hiểu – mỗi lúc một leo lét rồi lụi tàn, và thay vào đó là ước muốn có một công việc tốt hơn, cưới được người giàu có, có một sự nghiệp xán lạn, tất cả những thứ ấy đều là mong ước thủ đắc sự an toàn ngày càng chắc chắn hơn.

Không có sự khác biệt cơ bản nào giữa người già và người trẻ, vì cả hai đều là nô lệ cho những ham muốn và thỏa mãn của chính họ. Độ chín chắn không liên quan gì đến tuổi tác, nó đi cùng với sự hiểu biết. Tinh thần truy vấn một cách háo hức có lẽ dễ dàng nảy sinh hơn đối với người trẻ, vì những người già đã bị cuộc sống làm cho bầm dập, các cuộc xung đột đã làm họ kiệt sức, và cái chết dưới nhiều hình thức khác nhau đang chờ đợi họ. Điều này không có nghĩa là họ không còn đủ sức truy vấn có mục đích, mà chỉ là đối với họ, việc đó sẽ khó khăn hơn mà thôi.

Nhiều người trưởng thành về mặt tuổi tác lại thiếu chín chắn và khá ngây ngô, đây là nguyên nhân góp phần làm cho thế giới trở nên hỗn loạn và đau khổ. Chính người lớn phải chịu trách nhiệm cho sự khủng hoảng kinh tế và suy đồi đạo đức đang lan tràn; một trong những yếu kém, thiếu may mắn của chúng ta đó là chúng ta trông chờ có ai đó hành động thay mình và làm thay đổi diễn trình đời sống của chúng ta. Chúng ta mong đợi người khác nổi dậy xây dựng một thế giới mới, thế nhưng chính mình thì vẫn thụ động, chưa chắc

chắn về kết quả.

Điều mà phần lớn mọi người theo đuổi chính là sự an toàn và thành công; và một tâm trí mãi bận tâm tìm kiếm sự an toàn, thèm khát sự thành công không phải là một tâm trí khôn ngoan, vì thế mà không thể hành động một cách toàn diện. Hành động toàn diện chỉ có thể xảy ra khi người ta ý thức về tình trạng bị định đặt của chính mình, và các thành kiến chủng tộc, dân tộc, chính trị và tôn giáo của mình; nghĩa là chỉ khi nào người ta nhận ra rằng các phương cách tồn tại của bản ngã mãi mãi tách biệt nhau.

Cuộc sống là một nguồn nước sâu. Người ta có thể đến với nó với những cái xô nhỏ và chỉ múc được một ít nước, hoặc người ta có thể đến với nó với những cái thùng lớn, múc nhiều nước để sinh hoạt và dự trữ. Thời trẻ là quãng thời gian lý tưởng để người ta tìm tòi và trải nghiệm mọi thứ. Nhà trường nên giúp học sinh phát hiện ra những thiên hướng và trách nhiệm của mình, chứ không chỉ đơn thuần nhồi nhét các dữ kiện và kiến thức kỹ thuật vào đầu các em; nhà trường nên là mảnh đất để học sinh có thể trưởng thành một cách hạnh phúc, toàn diện và không có bóng dáng của nỗi sợ hãi.

Giáo dục một đứa trẻ là giúp đỡ em hiểu rõ sự tự do và sự hợp nhất toàn diện. Muốn có tự do phải có trật tự, cái trật tự mà chỉ đức hạnh mới có thể mang lại; còn sự hợp nhất chỉ có thể xảy ra khi có sự tối giản. Từ vô vàn những cái phức tạp, ta phải phát triển lên thành sự đơn giản; ta phải trở nên đơn giản trong cuộc sống nội tâm và trong những nhu cầu bên ngoài.

Hiện nay, nền giáo dục chú trọng đến tính hiệu quả bên ngoài và nó hoàn toàn không chú ý đến, hay cố tình xuyên tạc, cái bản tính tự nhiên bên trong; nó chỉ phát triển một phần của con người và bỏ mặc phần còn lại. Sự xáo trộn, đối kháng và nỗi sợ hãi trong nội tâm chúng ta luôn thắng thế cấu trúc xã hội ở bên ngoài, dù cái cấu trúc ấy được đề cao đến đâu và được xây dựng khôn ngoan đến mức nào. Khi nền giáo dục được xây dựng trên những cơ sở sai lầm, chúng ta sẽ hủy hoại lẫn nhau, và sự an toàn về thân thể cho mỗi cá nhân sẽ bị loại bỏ. Giáo dục học sinh một cách đúng đắn là giúp học sinh hiểu được toàn bộ diễn trình của chính mình; vì chỉ khi nào có sự hợp nhất giữa trí óc và con tim trong hành động hằng ngày thì mới có trí tuệ và sự chuyển hóa nội tại.

Trong khi cung cấp thông tin và chương trình đào tạo về kỹ thuật, nền giáo dục trước hết nên khuyến khích học sinh có cái nhìn toàn diện về cuộc sống. Giáo dục nên giúp đỡ học sinh biết cách nhận ra và tháo dỡ trong em mọi sự phân biệt và thành kiến xã hội, không

nên cổ xúy em chạy theo quyền lực và sự thống trị theo kiểu hám lợi. Giáo dục nên khuyến khích học sinh biết cách quan sát bản thân một cách đúng đắn và trải nghiệm cuộc sống trong tính toàn vẹn của nó, điều đó không có nghĩa là đề cao cái bộ phận, tức cái "tôi" hay cái "của tôi", mà là giúp cho tâm trí vượt lên trên và vượt ra khỏi chính nó để phát hiện ra cái thực chất.

Sự tự do chỉ nảy sinh thông qua hiểu biết về chính mình trong các hoạt động thường ngày, nghĩa là trong mối tương giao với người khác, với các sự vật hay sự việc, với các tư tưởng và với tự nhiên. Nếu nhà giáo dục đang thực sự giúp học sinh trở thành con người toàn diện thì không thể nào có chuyện coi trọng một phương diện nào đó của cuộc sống một cách cuồng tín và phi lý. Chính sự thông hiểu về toàn bộ diễn trình của đời sống là cái tạo nên sự hợp nhất toàn diện. Khi chúng ta hiểu biết chính mình thì sức mạnh đã tạo ra các ảo tưởng sẽ không tồn tại, và chỉ khi đó thực tại hay Thượng đế mới hiển lộ.

Con người phải trở nên toàn diện nếu họ muốn thoát khỏi bất cứ sự khủng hoảng nào, nhất là cuộc khủng hoảng của thế giới hiện nay, mà không bị đổ vỡ; vì thế, đối với cha mẹ và người thầy, vốn là những người thực sự quan tâm đến giáo dục, vấn đề trọng yếu là làm thế nào để phát triển một cá thể toàn diện. Để làm được vậy, bản thân nhà giáo dục đương nhiên phải là người toàn diện; cho nên loại hình giáo dục đúng đắn là điều hết sức quan trọng, không chỉ cho thế hệ trẻ mà còn cho cả thế hệ ông bà, cha mẹ nếu họ sẵn lòng học hỏi và không quá cứng nhắc. Những gì chúng ta có bên trong mình quan trọng hơn bội phần so với câu hỏi truyền thống là phải dạy cho trẻ cái gì, và nếu chúng ta yêu thương con cái thì chúng ta sẽ nhận ra một điều rằng chúng cần có những người thầy tốt.

Dạy học không nên trở thành một nghề của những chuyên gia. Nếu nó trở thành một nghề, và thực tế thường là vậy, thì tình thương sẽ chóng phai tàn; trong khi đó tình thương lại là yếu tố cốt lõi của quá trình phát triển toàn diện. Để trở nên toàn diện, ta phải thoát khỏi nỗi sợ hãi. Sống không sợ hãi là sống trong tinh thần độc lập mà không khắt khe, không coi thường người khác, và đây là nhân tố quan trọng nhất trong cuộc sống. Nếu không có tình thương, chúng ta không thể hóa giải nhiều mối xung đột; nếu không có tình thương thì việc sở đắc kiến thức chỉ làm tăng thêm tình trạng nhiễu nhương và dẫn tới sự tự hủy diệt mà thôi.

Con người toàn diện sẽ tiếp cận kỹ thuật/phương thức bằng trải nghiệm, vì động lực sáng tạo xây dựng cho nó một kỹ thuật riêng – và đấy là nghệ thuật tuyệt vời nhất. Khi đứa trẻ cảm nhận được sự

thôi thúc tự thân phải vẽ tranh, em sẽ vẽ và không bận tâm đến kỹ thuật. Tương tự thế, những người đang trải nghiệm, đang giảng dạy, là những người thầy đúng nghĩa, họ cũng sẽ tạo ra kỹ thuật/phương thức riêng cho mình.

Điều này nghe có vẻ rất đơn giản, nhưng thực ra đó là một cuộc cách mạng sâu sắc. Nếu nghiêm túc suy ngẫm, chúng ta có thể nhận thấy nó sẽ có tác động rất lớn đến xã hội. Ở thời điểm hiện nay, hầu hết chúng ta đều phờ phạc, rũ rượi ở độ tuổi bốn mươi hay năm mươi do lối sống nô lệ cho lề thói thường ngày của mình; vì thỏa hiệp, sợ hãi và cam chịu, đời chúng ta coi như đã xong, dẫu chúng ta vẫn ngày ngày vật lộn trong một xã hội chẳng còn mấy ý nghĩa, ngoại trừ đối với những kẻ đang thống trị xã hội và sống trong sự an toàn. Nếu người thầy nhận chân ra điều này và bản thân anh ta thực sự đang trải nghiệm, thì cho dù tính tình và năng lực của anh ta ra sao, việc giảng dạy của anh ta sẽ không vấp phải vấn đề lề thói mà sẽ trở thành một công cụ hữu ích.

Để hiểu một đứa trẻ, chúng ta phải quan sát em chơi đùa, tìm hiểu em qua những biểu hiện khác nhau về tính tình; chúng ta không nên phóng chiếu lên em các thành kiến của chính mình, hay cố nhào nặn em sao cho hợp với hình mẫu ham muốn của ta. Nếu chúng ta lúc nào cũng xét đoán đứa trẻ dựa trên những ý thích hay không thích của mình, chúng ta không tránh khỏi việc dựng lên những rào cản ngăn cách quan hệ giữa ta với em và trong quan hệ giữa em với thế giới. Khổ nỗi, hầu hết chúng ta đều muốn nhào nặn đứa trẻ theo cách sao cho thỏa mãn những thói hão huyền và khí chất riêng của mình; chúng ta tìm thấy nhiều mức độ thoải mái và thỏa mãn khác nhau chỉ trong mỗi việc sở hữu và thống trị mà thôi.

Chắc chắn quá trình này không phải là mối tương quan mà chỉ là sự áp đặt, và do đó chúng ta cần phải hiểu nỗi khó khăn và tính chất phức tạp của ham muốn thống trị. Nó tồn tại dưới nhiều hình thức tinh vi; và ở phương diện mà nó tự cho là đúng đắn, nó rất cố chấp. Mong muốn "phụng sự" với nỗi ao ước vô thức về việc làm sao để thống trị người khác là điều ta khó lòng hiểu được. Liệu có thể tồn tại tình thương ở một người có ham muốn sở hữu? Liệu chúng ta có thể sống hòa hợp với những người mà ta luôn tìm cách kiểm soát họ? Thống trị một người là sử dụng người đó cho sự thỏa mãn cá nhân của mình, và ở đâu có tình trạng lạm dụng người khác thì ở đó không có tình thương.

Khi có tình thương thì mới có sự tôn trọng người khác, không chỉ đối với trẻ em mà còn với hết thảy mọi người. Trừ khi bị vấn đề này đụng chạm đến một cách sâu sắc, không thì chúng ta sẽ không bao

giờ tìm ra phương cách giáo dục đúng đắn. Đào tạo kỹ thuật thuần túy chắc chắn chỉ làm nảy sinh sự tàn nhẫn, và muốn giáo dục con cái, chúng ta phải tinh nhạy với toàn bộ sự vận động của đời sống. Những gì chúng ta nghĩ, chúng ta làm, chúng ta nói đều vô cùng quan trọng, bởi lẽ chúng tạo ra môi trường và môi trường này hoặc là hỗ trợ đứa trẻ hoặc là cản trở các em.

Thế thì rõ ràng là những ai quan tâm sâu sắc đến vấn đề này đều phải bắt đầu hiểu biết về chính mình và qua đó góp phần làm thay đổi xã hội. Chúng ta sẽ biến nó thành trách nhiệm trực tiếp của mình trong việc xác lập cách tiếp cận mới cho giáo dục. Nếu chúng ta thương yêu con cái, liệu chúng ta sẽ không tìm ra cách thức chấm dứt chiến tranh? Nhưng nếu chúng ta chỉ sử dụng từ "yêu thương" mà không có nội hàm thực chất, thì tình trạng khốn khổ của con người vẫn còn. Cách thoát ra khỏi vấn đề này nằm trong tay chúng ta. Chúng ta bắt đầu tìm hiểu mối tương quan giữa chúng ta với đồng loại, với tự nhiên, với các tư tưởng và với sự vật, vì nếu không có sự thông hiểu ấy, chúng ta sẽ không có hy vọng, không có cách nào thoát ra khỏi xung đột và đau khổ.

Nuôi nấng một đứa trẻ đòi hỏi phải có sự quan sát tinh tường và chăm sóc chu đáo. Các chuyên gia và kiến thức của họ không bao giờ có thể thay thế tình yêu thương của cha mẹ, nhưng hầu hết các bậc cha mẹ lại hủy hoại đi thứ tình yêu ấy bởi nỗi sợ hãi và tham vọng của chính họ, vốn là những thứ khuôn định và làm lệch lạc cái nhìn của đứa trẻ. Cho nên chẳng mấy ai trong chúng ta thực sự quan tâm tới tình yêu, mà chúng ta lại bị thu hút bởi cái có vẻ là tình yêu.

Cấu trúc xã hội và nền giáo dục hiện nay không giúp cá thể hướng tới sự tự do và sự phát triển toàn diện. Nếu các bậc làm cha làm mẹ có thái độ nghiêm túc và thực sự muốn con trẻ phát triển với năng lực toàn diện nhất, họ phải bắt đầu thay đổi cách ảnh hưởng của gia đình và góp phần lập ra các trường học với những người thầy đích thực.

Sự ảnh hưởng của gia đình và nhà trường không tương phản nhau, cho nên cả cha mẹ lẫn người thầy phải giáo dục lại chính mình. Sự tương phản thường tồn tại trong đời sống riêng tư của cá nhân và trong cuộc sống của anh ta – với tư cách là thành viên trong nhóm gây ra những cuộc đấu tranh bất tận trong chính bản thân và trong các mối quan hệ giữa anh ta với người khác.

Sự xung đột này được khuyến khích và duy trì qua lối giáo dục sai lầm, các hệ thống chuyên quyền đã góp phần làm cho cuộc sống càng nhiễu nhương thêm bằng các học thuyết tương phản của họ. Trẻ em

bị phân loại ngay từ đầu, chính điều đó dẫn tới những tai họa cho cá nhân và xã hội.

Những ai yêu thương con cái của mình và thấy được tính cấp bách của vấn đề này sẽ đặt hết tâm trí vào đây, dù ít ỏi nhưng qua sự giáo dục đúng đắn và môi trường đầy hiểu biết của gia đình, chúng ta có thể góp phần xây dựng những con người toàn diện; nhưng nếu, cũng như bao người khác, chúng ta nhét đầy con tim mình bằng những trò ranh mãnh của lý trí, thì chúng ta sẽ tiếp tục nhìn thấy con cái mình bị hủy diệt trong chiến tranh, đói rách và bởi chính những cuộc xung đột tâm lý nội tại của chúng.

Nền giáo dục đúng đắn khởi đầu với sự chuyển hóa của bản thân. Chúng ta phải giáo dục lại chính mình không phải để hãm hại người khác vì bất cứ nguyên nhân nào, dù là nguyên nhân chính đáng, vì bất cứ ý thức hệ nào, dù nó có hứa hẹn ra sao đối với hạnh phúc tương lai của thế giới. Chúng ta phải học trở thành người có lòng trắc ẩn, biết bằng lòng với cái tối thiểu và tìm kiếm cái Tối cao, vì chỉ khi đó nhân loại mới thực sự được cứu rỗi.

Chương III

TRÍ NĂNG, ỦY QUYỀN VÀ TRÍ TUỆ

Nhiều người nghĩ rằng nhờ việc dạy mọi người biết đọc biết viết, chúng ta sẽ giải quyết được nhiều vấn nạn của nhân loại; nhưng đây là một tư tưởng sai lầm. Những người tạm gọi là có giáo dục không hẳn là những người yêu hòa bình, sống toàn diện; họ cũng phải chịu trách nhiệm cho tình trạng nhiễu nhương và khốn khổ của thế giới.

Giáo dục đúng đắn có nghĩa là làm thức tỉnh trí tuệ, nuôi dưỡng một đời sống toàn diện, và chỉ có loại hình giáo dục ấy mới có thể dựng xây một nền văn hóa mới, một thế giới hòa bình; nhưng để xây dựng nền giáo dục mới này, chúng ta cần phải tái thiết từ đầu trên một nền móng hoàn toàn khác với nền móng hiện tồn.

Với thế giới quanh ta đang ngày một tàn tạ, chúng ta không ngừng bàn luận về các lý thuyết, về các vấn đề chính trị vô bổ, và đùa giỡn với những cải cách giả tạm. Chẳng lẽ điều này không cho thấy sự thiếu chín chắn trong suy nghĩ của chúng ta hay sao? Một số người có thể đồng ý với điều này, nhưng họ vẫn sẽ tiếp tục thực hiện chính xác những gì họ từng làm – và đấy là điều đáng buồn của cuộc sống. Khi chúng ta nghe một sự thật và không hành động theo sự thật ấy, nó trở thành thuốc độc trong chính chúng ta, và thuốc độc ấy lan ra, gây xáo trộn về tâm lý, mất cân bằng và bệnh tật thể chất. Chỉ khi nào trí tuệ sáng tạo được đánh thức trong cá nhân thì cuộc sống hòa bình và hạnh phúc mới có thể tồn tại.

Chúng ta không thể trở nên có trí tuệ chỉ bằng cách thay chính quyền này bằng một chính quyền khác, đảng phái hay giai cấp này bằng một đảng phái hay giai cấp khác, kẻ bóc lột này bằng kẻ bóc lột khác. Cuộc cách mạng đẫm máu chẳng thể nào giải quyết rốt ráo các vấn đề của chúng ta. Chỉ có cuộc cách mạng nội tâm sâu sắc làm thay đổi

mọi giá trị của chúng ta mới có thể tạo ra một môi trường khác, một cấu trúc xã hội có trí tuệ; cuộc cách mạng ấy chỉ có thể được tạo nên bởi bạn và tôi. Sẽ không có một trật tự mới nào nếu cá nhân chúng ta không phá vỡ những rào cản tâm lý của mình và trở thành người tự do.

Chúng ta có thể vẽ ra trên giấy những bản thiết kế chi tiết cho *xã hội Không tưởng* tươi sáng, một thế giới mới tráng lệ; nhưng việc hy sinh các thế hệ hiện tại cho một tương lai chưa biết rõ sẽ không bao giờ giải quyết được bất cứ vấn đề nào của chúng ta. Có quá nhiều yếu tố đan xen giữa hiện tại và tương lai đến mức không ai có thể biết cái tương lai ấy sẽ là thứ tương lai nào. Việc chúng ta có thể làm và phải làm, nếu chúng ta có thái độ nghiêm túc, là giải quyết các vấn đề ngay bây giờ chứ không trì hoãn chúng cho ngày mai. Sự vĩnh hằng không nằm ở tương lai; sự vĩnh hằng nằm ở ngay khoảnh khắc này. Các vấn đề của chúng ta nằm ở hiện tại và chỉ trong hiện tại chúng mới có thể được giải quyết.

Những ai có thái độ nghiêm túc đối với chuyện này phải ra sức tái tạo chính mình; nhưng việc tự tái tạo chỉ có thể xảy ra khi chúng ta đoạn tuyệt với những giá trị mà chúng ta đã tạo ra bằng những ham muốn tự phòng vệ và gây hấn trước đây. Nhận biết chính mình là khởi đầu của tự do, và chỉ khi nào chúng ta biết chính mình thì chúng ta mới có thể tạo dựng được sự trật tự và nền hòa bình.

Một số người có thể hỏi: “Chỉ một cá thể thì có thể làm gì để tác động đến diễn trình của lịch sử? Anh ta có thể làm được điều gì qua cách sống của mình?”. Chắc chắn anh ta có thể. Bạn và tôi rõ ràng là sẽ không ngăn chặn được những cuộc chiến tranh trực tiếp, hay tạo ra được sự thông hiểu tức thời giữa các quốc gia; nhưng ít ra chúng ta có thể tạo ra, trong thế giới các mối tương quan hàng ngày, sự thay đổi cơ bản, và sự thay đổi này sẽ có lối tác động riêng của nó.

Một người được khai minh có thể tác động đến nhiều nhóm người, nhưng chỉ khi nào anh ta không háo hức trông chờ kết quả. Nếu anh ta nghĩ đến lợi ích hay tác động thì anh ta không thể đạt đến sự chuyển hóa thực sự.

Các vấn đề của nhân loại không đơn giản, chúng rất phức tạp. Muốn hiểu được chúng đòi hỏi phải có sự nhẫn nại và thấu triệt; điều quan trọng nhất đó là chúng ta phải hiểu chúng và giải quyết chúng cho chính mình. Chúng không thể được hiểu bằng các công thức hay các khẩu hiệu, và cũng không thể được giải quyết bởi những nhà chuyên môn đang hoạt động trong lĩnh vực của họ, điều đó chỉ càng gia tăng thêm sự hỗn loạn và khốn cùng mà thôi. Nhiều vấn đề chỉ có thể

được hiểu và được giải quyết khi ta ý thức về chính mình, nghĩa là khi ta hiểu toàn bộ cấu trúc tâm lý của mình; và không một nhà lãnh đạo tôn giáo hay chính trị nào có thể mang lại chìa khóa cho sự thông hiểu ấy.

Để hiểu chính mình, ta phải ý thức về mối tương quan giữa ta, không chỉ với người khác, mà còn với của cải, với những tư tưởng và với thế giới tự nhiên. Nếu ta muốn tạo nên cuộc cách mạng thực sự trong các mối tương quan của con người, cái vốn là nền tảng của mọi xã hội, cần phải có sự thay đổi căn cơ trong các giá trị và tầm nhìn của chính ta; nhưng ta lại lẩn tránh đối mặt với sự chuyển hóa thiết yếu và căn cơ trong chính ta, và cố gắng tạo ra những cuộc cách mạng chính trị trên thế giới, những thứ luôn dẫn tới cảnh tang thương, máu chảy đầu rơi.

Các mối tương quan dựa trên cảm xúc không bao giờ là phương tiện để giải thoát khỏi cái tôi; thế nhưng phần lớn các mối tương quan của chúng ta lại dựa trên cảm xúc, chúng là kết quả của ham muốn vị lợi, sự an nhàn, cảm giác an toàn tâm lý. Mặc dù có những lúc chúng có thể giúp ta tạm thời thoát khỏi cái tôi, nhưng mối tương quan như thế chỉ củng cố cho cái tôi thêm vững mạnh, và làm cho ta càng thêm khép kín. Mối quan hệ là một tấm gương soi, trong đó cái tôi và toàn bộ các hoạt động của nó có thể được nhìn thấy; và chỉ khi nào các phương cách tồn tại của cái tôi được hiểu trong những phản ứng của mối tương quan thì sự giải phóng mình một cách sáng tạo khỏi cái tôi mới có thể xảy ra.

Để thay đổi thế giới, trước hết chúng ta phải tái tạo lại bản thân. Không thứ gì có thể đạt được bằng bạo lực, bằng việc triệt hạ lẫn nhau. Có thể chúng ta tìm được sự giải thoát tạm thời bằng cách gia nhập vào những nhóm người nào đó, bằng cách nghiên cứu các biện pháp cải cách kinh tế - xã hội, bằng cách ban hành pháp chế, hay cầu nguyện; nhưng dù chúng ta có làm bất cứ điều gì chăng nữa, nếu thiếu sự nhận biết chính mình và tình yêu thương thì các vấn đề của chúng ta sẽ không ngừng mở rộng và gia tăng. Trong khi đó, nếu chúng ta đưa trí óc và con tim vào công việc hiểu biết chính mình, chúng ta chắc chắn sẽ giải quyết được nhiều xung đột và đau khổ.

Nền giáo dục hiện đại đang biến chúng ta thành các thực thể không có khả năng suy nghĩ; nó chẳng giúp ta phát hiện ra thiên hướng cá nhân của mình. Chúng ta phải vượt qua hàng tá kỳ thi và sau đó, với chút may mắn, chúng ta có được công ăn việc làm – kéo dài nó suốt phần đời còn lại. Có thể chúng ta không thích việc làm của mình, nhưng chúng ta buộc phải tiếp tục vì đâu còn phương tiện nào khác cho cuộc mưu sinh. Có thể chúng ta ấp ủ làm một việc gì đó hoàn

toàn khác, nhưng sự cam kết và trách nhiệm níu giữ chúng ta lại, và chúng ta bị vây bủa trong nỗi lo âu và sợ hãi của chính mình. Bị vỡ mộng, chúng ta tìm cách trốn tránh qua tình dục, nhậu nhẹt, chính trị hay tôn giáo hão huyền.

Khi các tham vọng bị ngăn trở, chúng ta quan trọng hóa mọi chuyện và ngày càng lộ rõ sự méo mó về tâm lý. Nếu chúng ta không thông hiểu một cách toàn diện về cuộc sống và tình yêu, về những ham muốn chính trị, tôn giáo và xã hội, cùng với những đòi hỏi và cản trở từ chúng, chúng ta sẽ ngày càng gặp nhiều vấn đề hơn trong các mối quan hệ của mình, và các vấn đề này sẽ dẫn chúng ta tới chỗ khốn cùng và hoại diệt.

Ngu dốt là tình trạng thiếu hiểu biết về các phương cách tồn tại của cái tôi, và sự ngu dốt này không thể được xóa bỏ bằng các hoạt động và cải cách giả tạm bề ngoài; nó chỉ có thể được xóa bỏ bằng việc con người ta thường xuyên ý thức về những chuyển động và phản ứng của cái tôi trong tất cả các mối tương quan của nó.

Điều mà chúng ta phải nhận ra là chúng ta không bị quy định bởi môi trường, mà chúng ta chính là môi trường – chúng ta không phải là cái gì đó tách rời khỏi môi trường. Các tư tưởng và phản ứng của chúng ta bị quy định bởi các giá trị mà xã hội đã áp đặt lên chúng ta.

Chúng ta không nhận thấy rằng chúng ta chính là môi trường, bởi lẽ trong mỗi người tồn tại nhiều khía cạnh khác nhau, tất cả chúng đang phát triển xoay quanh cái "tôi", hay bản ngã. Cái tôi được tạo thành từ nhiều khía cạnh, và các khía cạnh này chỉ là sự phóng chiếu của những ham muốn dưới nhiều hình thức khác nhau. Từ tập hợp hỗn tạp các ham muốn ấy xuất hiện nhân vật trung tâm, người suy tưởng, ý chí của cái "tôi" và "của tôi"; và sự phân chia theo đó được xác lập giữa *cái tôi* và *cái không-tôi*, giữa cái "tôi" và môi trường hay xã hội. Sự phân chia này là khởi đầu của xung đột, cả bên trong lẫn bên ngoài.

Nhận thức về toàn bộ quá trình này, cả tầng ý thấu triệt biết được lẫn tầng ý thức ẩn tàng, chính là thiền định; qua thiền định, cái tôi, cùng với những ham muốn và xung đột của nó, được chuyển hóa. Nhận thức về bản thân là điều kiện thiết yếu nếu ta muốn thoát khỏi những ảnh hưởng và giá trị đã làm nơi trú ngụ cho cái tôi; và trạng thái tự do này sẽ làm hiển lộ sự sáng tạo, chân lý, Thượng đế hay bất cứ những gì bạn muốn.

Dư luận và truyền thống đúc khuôn các tư tưởng và tình cảm của chúng ta từ lúc ta mới lọt lòng. Những ảnh hưởng và ấn tượng tức

khắc gây ra tác động mạnh mẽ và lâu dài, định hình toàn bộ diễn trình đời sống ý thức và vô thức của chúng ta. Sự tuân phục bắt đầu từ thời thơ ấu qua cách thức giáo dục và tác động của xã hội.

Ham muốn bắt chước là một nhân tố rất mạnh mẽ trong cuộc sống của chúng ta, không chỉ ở những cấp độ bề mặt mà còn ở những cấp độ bề sâu. Chúng ta khó lòng có được những tư tưởng và cảm nhận độc lập. Khi xảy ra, chúng chỉ là những phản ứng, và do đó không thoát ra khỏi khuôn mẫu đã được xác lập; vì trong hành vi phản ứng, không có bất cứ sự tự do nào.

Triết học và tôn giáo đề ra những phương pháp nhất định, nhờ đó người ta có thể đi đến chỗ nhận thức chân lý hay Thượng đế; thế nhưng chỉ tuân theo một phương pháp nhất định vẫn là chưa thấu triệt và không toàn diện, dù phương pháp ấy có lợi như thế nào trong đời sống xã hội hằng ngày của chúng ta. Động cơ thúc đẩy sự tuân phục đó là sự mong cầu an toàn, nó gây ra nỗi sợ hãi và làm cho các uy quyền chính trị và tôn giáo trở nên tối thượng, mang lại sự uy nghiêm cho những người cổ xúy tinh thần tuân phục và thống trị chúng ta một cách tinh vi hay thô thiển; nhưng không chịu tuân phục chỉ là một phản ứng chống lại uy quyền, chứ đấy chưa phải là cách giúp ta trở thành con người toàn diện. Phản ứng là chuỗi hành vi vô cùng tận, nó chỉ dẫn đến những phản ứng khác mà thôi.

Sự tuân phục, cùng những luồng chảy sợ hãi ngấm ngầm của nó, là một trở ngại; nhưng chỉ mỗi sự thừa nhận của trí tuệ về sự kiện này sẽ không giải quyết được trở ngại. Chỉ khi nào chúng ta ý thức về những trở ngại này thì chúng ta mới thoát khỏi chúng mà không tạo ra những trở ngại mới sâu kín hơn.

Khi nội tâm chúng ta bị phụ thuộc thì đấy là do truyền thống đã ăn quá sâu vào trong ta; và cái trí óc nghĩ suy theo lề lối truyền thống không thể nào phát hiện ra được cái gì là mới. Khi tuân phục, chúng ta trở thành những kẻ bắt chước xoàng xĩnh, những bánh xe trong một cỗ máy xã hội tàn nhẫn. Chính những gì chúng ta nghĩ mới là vấn đề, chứ không phải những gì người khác muốn chúng ta nghĩ. Khi tuân phục truyền thống, chúng ta sớm trở thành bản sao của những gì chúng ta nên là.

Việc bắt chước những gì chúng ta nghĩ mình nên là sản sinh ra nỗi sợ hãi, và sợ hãi giết chết tư duy sáng tạo. Sợ hãi làm cho trí óc và con tim mê muội đến mức chúng ta không còn đủ tỉnh táo để hiểu được toàn bộ ý nghĩa của cuộc sống; chúng ta trở nên vô cảm trước những nỗi đau của chính mình, với cánh chim bay lượn, với những nụ cười và những cảnh khốn cùng của người khác.

Nỗi sợ dù trong ý thức hay vô thức đều bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân khác nhau, và cần phải tỉnh táo xem chừng để loại bỏ chúng. Nỗi sợ hãi không thể bị xóa bỏ bằng kỷ luật, sự thăng hoa hay bằng bất cứ hành vi nào khác của ý chí: các nguyên nhân của nó phải được truy tìm và phải được thấu hiểu. Nhưng điều đó đòi hỏi ở ta lòng kiên nhẫn và sự thông tuệ, không có bất cứ đánh giá nào hết, dù là đánh giá thuộc loại nào.

Hiểu và xóa bỏ những nỗi sợ ý thức thì tương đối dễ; nhưng với những nỗi sợ vô thức, đối với nhiều người, chúng không được nhận thấy vì ta không để chúng bộc lộ ra bên ngoài, và đôi khi trong những dịp hiếm hoi chúng lại trồi ra, rồi chúng ta vội vàng dồn nén lại, trốn tránh chúng. Những nỗi sợ sâu kín thường bộc lộ sự hiện diện của chúng qua những giấc chiêm bao và các hình thức ám chỉ khác, chúng khiến cho tình hình thêm xấu đi và gây ra xung đột trầm trọng hơn so với những nỗi sợ ý thức.

Cuộc đời chúng ta không chỉ ở trên bề mặt, phần lớn chúng bị che giấu khỏi sự quan sát tình cờ. Nếu chúng ta muốn những nỗi sợ sâu kín nổi lên bề mặt và bị tiêu tan, thì ý thức nhận biết phải trở nên tĩnh lặng, không được chộn rộn theo thói quen của nó; khi những nỗi sợ này bộc lộ ra bên ngoài, chúng phải được quan sát nhưng không được can thiệp hay làm trở ngại, vì bất cứ hình thức kết án hay biện minh nào cũng chỉ làm cho những nỗi sợ ấy thêm mạnh mẽ mà thôi. Để thoát khỏi mọi sợ hãi, chúng ta phải ý thức về những ảnh hưởng ngấm ngầm của nó, và chỉ có sự cảnh giác liên tục thì chúng ta mới phơi bày ra được nhiều nguyên nhân.

Một trong những hệ quả của sợ hãi là chúng ta chấp nhận uy quyền trong các vấn đề của con người. Uy quyền được tạo ra là do chúng ta muốn mình là một kẻ có lý, muốn mình được an toàn, muốn có cảm giác an tâm, muốn mình không dính tới bất cứ xung đột ý thức hay xáo trộn nào; nhưng không có cái gì sinh ra từ nỗi sợ lại có thể giúp ta hiểu được các vấn đề của mình, cho dù nỗi sợ hãi ấy có thể mang hình thức là sự tôn kính hay tuân phục kẻ được coi là nhà hiền triết. Bậc hiền triết đích thực không dùng đến uy quyền, và những ai sử dụng uy quyền thì không phải là hiền triết. Nỗi sợ, dưới bất cứ hình thức nào, đều ngăn cản chúng ta hiểu về chính mình và về mối tương quan giữa ta với vạn vật.

Tuân theo uy quyền là phủ nhận trí tuệ. Chấp nhận uy quyền là tuân phục sự thống trị, là khuất phục trước một cá thể, một nhóm người trong xã hội hay trước một ý thức hệ; và khuất phục trước uy quyền là sự phủ nhận, không những trí tuệ mà còn cả sự tự do của cá nhân. Làm đúng theo một tín điều hay một hệ tư tưởng là một phản ứng có

tính phòng vệ. Việc chấp nhận uy quyền có thể tạm thời giúp che được những khó khăn và vấn đề của chúng ta; nhưng tránh né một vấn đề chỉ làm cho vấn đề ấy được củng cố thêm mà thôi, và trong quá trình ấy, việc nhận thức về chính mình và về sự tự do bị phớt lờ.

Làm sao có thể có được sự thỏa hiệp giữa tự do và chấp nhận uy quyền? Nếu có sự thỏa hiệp, thì những ai nói họ đang tìm kiếm sự nhận thức về chính mình và về tự do đều không nghiêm túc trong nỗ lực của họ. Chúng ta nghĩ rằng tự do là mục đích tối hậu, và rằng để trở nên tự do, chúng ta trước hết phải cúi mình trước những hình thức đàn áp và đe dọa khác nhau. Chúng ta hy vọng đạt được sự tự do qua việc tuân phục; nhưng lẽ nào phương tiện lại quan trọng không kém gì mục đích?

Muốn có hòa bình, người ta phải dùng đến nhiều phương tiện hòa bình, vì nếu dùng các phương tiện bạo lực, thì kết quả của nó sao có thể là hòa bình được? Nếu mục đích là sự tự do, thì khởi đầu phải là tự do, vì kết thúc và khởi đầu là một. Hiểu biết về chính mình và trí tuệ chỉ có thể có được khi ngay từ đầu đã có sự tự do; và tự do bị phủ định bởi việc chấp nhận uy quyền.

Chúng ta sùng bái uy quyền dưới nhiều hình thức khác nhau: kiến thức, thành công, quyền lực, v.v. Chúng ta áp đặt uy quyền lên người trẻ, đồng thời chúng ta lại sợ thứ uy quyền cao hơn. Khi ta không có một cái nhìn nội tâm, thì quyền lực và chức vụ bên ngoài được cho là hết sức quan trọng, thế là cá nhân càng ngày càng tuân phục theo uy quyền và sự cưỡng chế, anh ta trở thành công cụ cho người khác. Chúng ta có thể thấy quá trình này diễn ra xung quanh: trong những lúc khủng hoảng, các quốc gia dân chủ hành động giống như các quốc gia toàn trị khi quên mất nền dân chủ của họ và ép buộc con người phải phục tùng.

Nếu chúng ta có thể hiểu được sự cưỡng ép ẩn đằng sau ham muốn thống trị hay bị thống trị của mình, thì có lẽ chúng ta có thể thoát khỏi những tác động tai hại của uy quyền. Chúng ta hết lòng khao khát có được sự đảm bảo, có được lẽ phải, có được sự thành công, có được sự hiểu biết; và nỗi ham muốn có được sự an toàn và bền vững này dựng lên trong chính ta sự uy quyền của kinh nghiệm cá nhân, trong khi đó ở bên ngoài nó tạo ra uy quyền của xã hội, của gia đình, của tôn giáo, v.v. Nhưng chỉ đơn thuần phớt lờ uy quyền, rũ bỏ các biểu tượng bên ngoài thì chẳng có mấy ý nghĩa.

Đoạn tuyệt với một truyền thống này và tuân phục một truyền thống khác, rời bỏ người lãnh đạo này để bám theo người lãnh đạo khác, cũng chỉ là một động thái hời hợt. Nếu muốn ý thức về toàn bộ diễn

trình của uy quyền, nếu muốn nhìn thấy trạng thái thực chất của nó, nếu muốn thấu hiểu và vượt khỏi nỗi ham muốn có được sự chắc chắn, thì chúng ta phải có sự nhận biết và thấu triệt mang tính tổng thể, chúng ta phải có sự tự do ngay từ điểm khởi đầu chứ không phải điểm kết thúc.

Khao khát có được sự chắc chắn, sự an toàn là một trong các hoạt động chủ đạo của cái tôi, hay bản ngã; và chính động lực thôi thúc đầy tính cưỡng ép này là cái ta phải thường xuyên quan sát theo dõi, và không nên lèo lái nó theo một hướng khác hay đưa nó vào khuôn mẫu nào đó mà ta muốn. Bản ngã, tức cái "tôi" và cái "của tôi", rất mạnh mẽ; dù đang yên ngủ hay đang thức, nó bao giờ cũng cảnh giác, không ngừng củng cố chính nó. Nhưng khi chúng ta ý thức về bản ngã và nhận ra rằng tất cả mọi hoạt động của nó, dù tinh vi đến mức nào, tất yếu dẫn đến xung đột và đau khổ, thì nỗi khao khát sự chắc chắn ấy, ý muốn kéo dài ấy sẽ đi đến chỗ kết thúc. Ta phải liên tục chú ý đến cái tôi khi nó bộc lộ ra những phương cách tồn tại và những mánh khóe của nó; nhưng khi chúng ta bắt đầu hiểu chúng, và hiểu những ẩn ức của uy quyền và tất cả những gì liên quan đến việc ta chấp nhận hay phủ nhận nó, thì chúng ta đã tự mình vượt ra khỏi uy quyền rồi.

Chừng nào tâm trí còn cho phép nó bị thống trị và bị kiểm soát bởi ham muốn an toàn, thì ta vẫn chưa thể thoát khỏi cái tôi và các vấn đề của nó; đó là lý do tại sao ta không thể tự giải phóng mình ra khỏi cái tôi bằng các giáo điều hay các đức tin. Giáo điều và đức tin chỉ là sự phóng chiếu từ trí óc. Các nghi lễ, các hình thức thiền định phổ biến, những câu chú niệm (mantra), cho dù chúng có thể thỏa mãn điều gì đó nhưng không giải thoát tâm trí khỏi cái tôi và các hoạt động của nó; vì cái tôi về cơ bản là kết quả của cảm xúc.

Trong những lúc đau khổ, chúng ta hướng đến Thượng đế; nhưng vị Thượng đế ấy chẳng qua chỉ là một hình ảnh do tâm trí tạo tác ra; hoặc là chúng ta tìm cầu những lối giải thích khiến ta thỏa mãn, và điều này mang lại sự an tâm nhất thời. Các tôn giáo ra đời từ những hy vọng và nỗi sợ hãi của con người, bởi sự mong muốn cảm giác an toàn và vững dạ trong nội tâm; và song hành cùng với sự sùng bái uy quyền, dù đó là uy quyền của Đấng cứu thế, của người thầy hay của giáo sĩ, là sự khuất phục, sự chấp nhận và bắt chước. Cho nên chúng ta bị bóc lột khi người ta nhân danh Thượng đế, cũng như chúng ta bị bóc lột khi người ta nhân danh đảng phái hay ý thức hệ – và chúng ta cứ thế tiếp tục chịu đựng.

Chúng ta đều là con người, dẫu chúng ta có gọi mình bằng bất kỳ cái tên nào, thì đau khổ chính là số mệnh của chúng ta. Đau khổ là tình

trạng chung của tất cả chúng ta, bất kể người duy tâm hay duy vật. Chủ nghĩa duy tâm là sự trốn tránh cái đang tồn tại, còn chủ nghĩa duy vật là phương cách khác để phủ nhận những chiều sâu khó dò xét của hiện tại. Cả người duy tâm lẫn người duy vật đều có cách riêng để tránh né những vấn đề phức tạp liên quan đến đau khổ; cả hai đều bị bào mòn bởi các ham muốn, tham vọng và xung đột, và phương cách sống của họ đều không dẫn tới sự yên bình. Cả hai đều phải chịu trách nhiệm cho tình trạng nhiễu nhương và khốn cùng của thế giới.

Lúc này, chúng ta đang ở trong trạng thái xung đột, đau khổ, không có sự thấu hiểu. Trong trạng thái đó, dù tư tưởng và hành động của chúng ta có ma mãnh và cẩn trọng đến mức nào, nó chỉ có thể dẫn đến sự hỗn loạn và khổ sở thêm mà thôi. Để hiểu rõ sự xung đột và tự do khỏi nó, chúng ta cần phải nhận biết những phương cách tồn tại của tầng ý thức và vô thức của tâm trí.

Không một chủ nghĩa lý tưởng nào, không một hệ thống hay khuôn mẫu nào có thể giúp ta phát hiện ra những hoạt động sâu kín của trí óc; trái lại, bất cứ công thức hay kết luận nào cũng sẽ gây trở ngại cho việc tìm kiếm ấy. Việc theo đuổi cái nên là, sự trung thành với các nguyên tắc, với các lý tưởng, việc xác lập một mục tiêu – tất cả đều dẫn tới nhiều ảo tưởng. Nếu muốn hiểu chính mình, ta cần phải ở trong trạng thái an nhiên tự tại, tự do quan sát, và tính an nhiên tự tại này không thể có được khi tâm trí bị vây bủa bởi các giá trị hời hợt, thuộc duy vật hay duy tâm.

Một khi đã hiện hữu trên cõi đời này, chúng ta luôn ở trong mối quan hệ, mối tương giao, dù là với con người, với sự vật hay môi trường; và cho dù chúng ta có thuộc về một tôn giáo hay không, cho dù chúng ta sống một cách trần tục hay bị cột chặt vào những lý tưởng, thì nỗi đau khổ của chúng ta chỉ có thể được giải quyết qua việc hiểu về chính mình trên bình diện các mối tương quan. Chỉ bằng cách nhận biết chính mình mới mang lại cho con người sự bình yên và hạnh phúc, bởi lẽ nhận biết chính mình là bước khởi đầu của trí tuệ và sự phát triển toàn diện. Trí tuệ không phải là sự điều chỉnh đơn giản; nó không phải là kết quả của việc đào luyện của trí óc, hay sở đắc kiến thức. Trí tuệ là năng lực hiểu các phương cách tồn tại của cuộc sống, là nhận biết được các giá trị đúng đắn.

Trong quá trình phát triển trí năng, nền giáo dục hiện đại đưa ra ngày càng nhiều các lý thuyết và dữ kiện, nhưng lại không mang đến sự thông hiểu về toàn bộ diễn trình của cuộc sống con người. Chúng ta là những kẻ có trí năng ở mức cao; chúng ta đã phát triển những đầu óc ranh mãnh, và bị cột chặt vào lối giải thích. Trí năng thỏa

mãn với các lý thuyết và lối giải thích, còn trí tuệ thì không; để hiểu được toàn bộ diễn trình của sự hiện hữu, cần phải có sự hợp nhất giữa trí óc và con tim trong hành động. Trí tuệ không tồn tại tách rời với tình thương yêu.

Đối với hầu hết mọi người, hoàn thành cuộc cách mạng bên trong này là cực kỳ gian nan. Chúng ta biết cách thiền, biết chơi đàn như thế nào, biết viết văn như thế nào, nhưng chúng ta lại không có sự hiểu biết về người thiền định, người chơi đàn, người viết văn. Chúng ta không phải là những con người sáng tạo, vì chúng ta đã nhét đầy con tim và trí óc mình những kiến thức, thông tin và thói kiêu căng ngạo mạn. Chúng ta chất đầy trí óc mình những suy nghĩ hoặc diễn giải của người khác. Nhưng trải nghiệm là cái có trước, chứ không phải phương cách trải nghiệm. Tình yêu thương phải là cái có trước, sau đó mới đến những biểu hiện của tình yêu thương.

Thế thì, rõ ràng là chỉ qua đào luyện trí năng, tức là phát triển năng lực hay sở đắc kiến thức, không dẫn đến trí tuệ. Có sự khác biệt giữa trí năng và trí tuệ. Trí năng là tư duy đang hoạt động một cách độc lập với xúc cảm, trong khi đó trí tuệ là năng lực cảm nhận cũng như lập luận; và nếu chúng ta không tiếp cận cuộc sống bằng trí tuệ, thay vì chỉ bằng mỗi trí năng, thì không một hệ thống chính trị hay giáo dục nào trên thế giới có thể cứu chúng ta ra khỏi cạm bẫy của sự hỗn loạn và tàn phá.

Có kiến thức không thể sánh bằng trí tuệ, có kiến thức chưa phải là trở nên khôn ngoan. Khôn ngoan không phải là cái có thể mua bán được, nó không phải là một thứ hàng hóa có thể được mua với cái giá của việc học hành hay kỷ luật. Sự khôn ngoan không thể được tìm thấy trong sách vở; nó không thể được tích lũy, được nhớ hay được lưu trữ. Sự khôn ngoan song hành với việc từ bỏ cái tôi. Có đầu óc cởi mở quan trọng hơn học hành; và chúng ta có thể có đầu óc cởi mở, không phải bằng cách nhét đầy thông tin, mà bằng cách ý thức về những tư tưởng và tình cảm của chính mình, bằng cách quan sát bản thân và những ảnh hưởng đến mình một cách cẩn trọng, bằng cách lắng nghe người khác, bằng cách quan sát người giàu và người nghèo, kẻ quyền thế và người hèn mọn. Khôn ngoan không đến từ nỗi sợ hãi và sự áp bức, mà đến từ sự quan sát và thông hiểu các sự việc hàng ngày trong mối tương quan của con người.

Trong sự tìm kiếm tri thức, trong những ham muốn vị lợi của chúng ta, chúng ta đang đánh mất tình yêu thương, chúng ta đang chai sạn cảm xúc trước cái đẹp, dửng dưng trước hành vi tàn ác; chúng ta càng ngày càng trở nên chuyên môn hóa hơn và ngày càng thiếu sự hợp nhất. Sự khôn ngoan không thể được thay thế bằng việc sở đắc

kiến thức; và không một sự giải thích nào, không một sự tích lũy dữ kiện nào, có thể giải phóng con người khỏi sự đau khổ. Có kiến thức là cần thiết, khoa học có vị trí của nó; nhưng nếu trí óc và con tim bị chết ngạt bởi kiến thức, và nếu nguyên nhân của sự đau khổ bị che mờ bằng lời giải thích, thì cuộc sống trở nên hão huyền và vô nghĩa. Và đây chẳng phải là điều đang xảy ra đối với hầu hết chúng ta hay sao? Nền giáo dục đang khiến chúng ta ngày càng trở nên hời hợt hơn; nó không giúp chúng ta vén mở những tầng sâu hơn về sự tồn tại của chúng ta, và cuộc sống của chúng ta ngày càng trở nên thiếu hài hòa và trống rỗng.

Thông tin hay sự nhận biết các dữ kiện là có giới hạn. Sự khôn ngoan thì vô hạn, nó bao gồm cả kiến thức và phương cách sống; nhưng chúng ta chỉ bám giữ lấy một nhánh và nghĩ nhánh ấy là toàn bộ cái cây. Có kiến thức về cái bộ phận không bao giờ cho phép ta tận hưởng được thú vui của cái toàn thể. Trí năng không bao giờ dẫn đến cái toàn thể, vì nó chỉ là một phân mảnh, một bộ phận.

Chúng ta đã tách trí năng ra khỏi tình cảm, và đã phát triển trí năng bằng cách hy sinh tình cảm. Chúng ta giống như một đồ vật có ba chân, trong đó một chân dài hơn hẳn hai chân còn lại, và chúng ta không có sự cân bằng. Chúng ta được huấn luyện để thành người có trí năng, nền giáo dục đào luyện cái trí năng ấy trở nên sắc bén, ranh mãnh, hám lợi, và vì thế nó giữ vai trò quan trọng nhất trong cuộc sống của chúng ta. Trí tuệ quan trọng hơn trí năng nhiều, vì nó là sự hợp nhất giữa lý trí và tình thương; nhưng trí tuệ chỉ có thể thụ đắc khi chúng ta nhận biết được chính mình, thấu hiểu được toàn bộ diễn trình cuộc sống của mình.

Điều thiết yếu đối với con người, dù già hay trẻ, là sống một cuộc sống trọn vẹn và toàn diện, đó là lý do tại sao vấn đề chính của chúng ta là vun bồi cái trí tuệ mang lại sự hợp nhất ấy. Nhấn mạnh quá mức bất cứ bộ phận nào, trong toàn bộ cấu trúc, đều làm thiên lệch và theo đó làm xuyên tạc cái nhìn về đời sống, chính sự xuyên tạc này là cái gây ra hầu hết những nỗi khó khăn của chúng ta. Bất cứ sự phát triển có tính thiên lệch nào của khí chất chắc chắn sẽ gây tai hại cho cả chúng ta lẫn cho xã hội, và do đó việc chúng ta tiếp cận các vấn đề của con người từ góc nhìn toàn diện là điều tối quan trọng.

Một con người toàn diện là phải hiểu toàn bộ diễn trình ý thức của mình, cả ở phương diện được bộc lộ lẫn ở phương diện bị ẩn tàng. Đây là điều không thể xảy ra nếu chúng ta nhấn mạnh quá mức tới trí năng. Chúng ta hết sức coi trọng việc đào luyện trí óc, nhưng trong nội tâm chúng ta lại thiếu thốn, nghèo nàn và hỗn loạn. Lối

sống dựa hết vào trí năng là con đường dẫn đến sự phân ly; vì các tư tưởng, cũng giống như lòng tin, không thể nào làm cho con người đến với nhau ngoại trừ dẫn họ vào các nhóm xung đột.

Chừng nào chúng ta còn dựa vào trí năng như là phương tiện để hợp nhất, thì chừng đó chắc chắn chúng ta còn phân ly; và hiểu được hành động phân ly của trí năng là ý thức được những phương cách tồn tại của cái tôi, tức những phương cách ham muốn của chính chúng ta. Chúng ta phải ý thức về tình trạng bị quy định của chúng ta và những giải pháp cho tình trạng ấy, cả ở bình diện tập thể lẫn ở bình diện cá nhân. Chỉ khi nào ta ý thức đầy đủ về các hoạt động của cái tôi cùng với những ham muốn và mong cầu đầy mâu thuẫn của nó, những hy vọng và sợ hãi của nó, thì ta mới có thể vượt qua được cái tôi.

Chỉ có tình yêu thương và tư duy đúng đắn mới làm nên cuộc cách mạng thực sự, cuộc cách mạng bên trong chính mình. Nhưng làm thế nào chúng ta có được tình yêu thương? Không phải bằng sự theo đuổi một tình yêu lý tưởng, mà chỉ khi nào không còn thù hận, không còn tham lam, không còn cảm thức về cái tôi, tức về cái là nguyên nhân của mọi sự đối kháng. Người nào mưu cầu trục lợi, chạy theo thói tham lam, ganh tị, kẻ ấy không bao giờ có tình yêu thương.

Nếu không có tình yêu thương và tư duy đúng đắn, thì tình trạng đàn áp và sự bạo tàn sẽ gia tăng mãi mãi. Vấn đề đối kháng giữa người với người có thể được giải quyết, không phải bằng cách theo đuổi lý tưởng hòa bình, mà bằng cách hiểu được những nguyên nhân dẫn đến chiến tranh đang nằm trong thái độ của chúng ta đối với cuộc sống, đối với đồng loại; và sự thông hiểu này chỉ có thể có được nhờ loại giáo dục đúng đắn. Nếu không có sự thay đổi trong trái tim, không có thiện ý, không có sự chuyển hóa nội tâm vốn được sản sinh từ việc nhận biết chính mình, thì sẽ không thể có hòa bình, không thể có hạnh phúc cho con người.

Chương IV

GIÁO DỤC VÀ HÒA BÌNH THẾ GIỚI

Muốn biết giáo dục giữ vai trò gì trong bối cảnh khủng hoảng của thế giới hiện nay, chúng ta phải hiểu được sự khủng hoảng ấy đã xảy ra như thế nào. Đó chắc chắn là kết quả của những giá trị sai lầm trong quan hệ giữa chúng ta với người khác, với của cải và với những tư tưởng. Nếu mối tương quan giữa chúng ta với người khác lại dựa trên sự đề cao bản thân, và mối tương quan giữa chúng ta với của cải dựa theo nguyên tắc hám lợi, thì cấu trúc xã hội chắc chắn là một thứ cấu trúc cạnh tranh và tự cô lập. Trong tương quan giữa chúng ta với các tư tưởng, khi chúng ta biện minh cho một ý thức hệ đối lập với một ý thức hệ khác, sự ác ý và sự không tin cậy lẫn nhau là những kết quả không thể tránh khỏi.

Một nguyên nhân khác của tình trạng hỗn loạn hiện nay là sự lệ thuộc vào uy quyền, vào những người lãnh đạo, dù đó là trong đời sống hằng ngày, trong ngôi trường nhỏ bé hay trong trường đại học. Những người lãnh đạo và uy quyền của họ là những nhân tố gây suy đồi trong bất cứ nền văn hóa nào. Khi chúng ta theo gót một người khác, mà thiếu đi sự thông hiểu, chỉ có nỗi sợ hãi và phục tùng, thì sau cùng sẽ dẫn đến sự tàn nhẫn của chính phủ toàn trị và chủ nghĩa giáo điều trong tôn giáo.

Hòa bình phải bắt đầu từ việc hiểu chính mình. Dựa dẫm vào các chính quyền, trông chờ vào các tổ chức và các uy quyền cho nền hòa bình chỉ tạo ra nhiều cuộc xung đột hơn; và không thể có hạnh phúc bền vững cho đến khi nào chúng ta còn chấp nhận một trật tự xã hội không khi nào ngớt những cuộc đấu tranh và đối kháng giữa con người với nhau. Nếu muốn thay đổi những điều kiện hiện tồn, trước hết ta phải chuyển hóa chính mình, nghĩa là ta phải ý thức về những hành động, tư tưởng và tình cảm của mình trong đời sống hàng ngày.

Nhưng chúng ta không thực sự muốn hòa bình, chúng ta không thực sự muốn chấm dứt tình trạng trục lợi. Chúng ta sẽ không cho phép lòng tham của mình bị can thiệp, hay những nền tảng của cấu trúc xã hội hiện tại bị thay đổi; chúng ta muốn mọi sự vẫn tiếp tục đúng như cách tồn tại của chúng cùng với chút ít biến cải giả tạm, và vì thế những kẻ có quyền lực và giáo quyệt chi phối một cách tất yếu cuộc sống của chúng ta.

Nếu căn cứ vào ý thức hệ, chúng ta sẽ không có được nền hòa bình. Hòa bình không phụ thuộc vào pháp chế; nó chỉ đến khi mỗi cá nhân bắt đầu hiểu được diễn trình tâm lý của mình. Nếu chúng ta trốn tránh trách nhiệm hành động và trông chờ một hệ thống mới nào đó xác lập nền hòa bình, chúng ta sẽ trở thành nô lệ cho hệ thống ấy.

Khi các chính quyền, các nhà độc tài, các đại doanh nghiệp, và những người có quyền lực tôn giáo bắt đầu thấy rằng sự đối kháng ngày càng gia tăng giữa con người với nhau chỉ dẫn tới sự phá hoại vô lối và do đó không còn mang lại lợi ích nữa, họ sẽ ép buộc chúng ta, bằng pháp chế và các phương tiện cưỡng chế khác, phải đè nén những khát khao, tham vọng của mình lại và tham gia góp phần cho hạnh phúc của nhân loại. Cũng giống như lúc này chúng ta đang được giáo dục, khuyến khích cạnh tranh và tàn nhẫn với nhau, thế nên chúng ta sẽ buộc phải tôn trọng lẫn nhau và làm việc vì thế giới. Cho dù tất cả chúng ta có thể ăn ngon, mặc đẹp, có chỗ ở tốt, chúng ta sẽ không thoát ra khỏi những xung đột và đối kháng, những thứ ấy chỉ chuyển sang bình diện khác và trở nên hiểm ác, có sức tàn phá hơn mà thôi. Hành động hợp đạo đức hay đúng đắn duy nhất là hành vi tự nguyện, chỉ bằng sự thông hiểu mới có thể mang lại cho con người nền hòa bình và hạnh phúc thực sự.

Đức tin, các ý thức hệ, và các tôn giáo đang xếp đặt chúng ta vào thế chống lại những người thân cận mình; xung đột không chỉ diễn ra giữa các xã hội khác nhau, mà còn diễn ra giữa các nhóm người trong cùng một xã hội. Phải thừa nhận rằng chừng nào chúng ta còn đồng hóa mình với đất nước, chừng nào chúng ta còn bám vào sự an toàn, chừng nào chúng ta còn bị quy định bởi các giáo điều, thì những cuộc đấu tranh và sự bần cùng trong bản thân ta, trong thế giới vẫn còn tồn tại.

Thế thì, vấn đề liên quan đến chủ nghĩa yêu nước lại được đặt ra. Khi nào chúng ta cảm thấy mình yêu nước? Rõ ràng đấy không phải là một xúc cảm bình thường. Nhưng chúng ta lúc nào cũng được khuyến khích là phải yêu nước – qua sách vở ở trường, qua báo chí và các kênh tuyên truyền khác.

Sự tái khẳng định liên tục rằng chúng ta thuộc về một nhóm chính trị hay tôn giáo nào đó, rằng chúng ta thuộc về quốc gia này hay quốc gia nọ, làm ta tự mãn với cái tôi bé tí của mình, thổi phồng chúng lên như những cánh buồm, cho đến khi chúng ta sẵn sàng chém giết hay bị chém giết vì đất nước, chủng tộc hay ý thức hệ của mình. Tất cả những thứ đó đều thật ngu xuẩn và trái lẽ tự nhiên. Chắc chắn con người quan trọng hơn các biên giới lãnh thổ, hay ý thức hệ.

Tinh thần phân biệt của chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi đang như lửa lan nhanh khắp thế giới. Chủ nghĩa yêu nước được vun bồi và được khai thác một cách thông minh bởi những người đang tìm cách mở rộng sự bành trướng của mình ra thêm nữa, thâu tóm quyền lực hơn nữa, làm giàu hơn nữa; và mỗi một người chúng ta đều nhúng tay vào diễn trình này, vì chúng ta cũng ham muốn những thứ ấy. Việc chinh phục các vùng đất và các dân tộc khác mở ra những thị trường mới cho hàng hóa cũng như cho các ý thức hệ chính trị và tôn giáo.

Chúng ta phải quan sát tất cả các biểu hiện của tình trạng bạo lực và đối kháng này với một tinh thần không thành kiến, nghĩa là với một tinh thần không đồng hóa bản thân mình với đất nước, chủng tộc hay ý thức hệ, mà cố truy tìm ra đâu là sự thật. Có một niềm hân hoan tuyệt vời khi chúng ta nhận chân ra điều gì đó một cách rõ ràng mà không bị ảnh hưởng bởi các ý niệm và các chỉ dẫn của kẻ khác, dù đó là của các chính quyền, các chuyên gia hay những người có học thức cao. Một khi chúng ta thực sự nhận ra rằng chủ nghĩa yêu nước cực đoan là một trở ngại cho hạnh phúc của con người, thì chúng ta không phải đấu tranh chống lại những xúc cảm sai lầm ở bản thân, nó đã rời khỏi ta mãi mãi.

Chủ nghĩa dân tộc, tinh thần yêu nước cực đoan, ý thức về giai cấp và chủng tộc, hết thảy đều là những phương cách tồn tại của cái tôi, và do đó là những nhân tố gây chia tách. Rốt cuộc, một quốc gia là gì nếu không phải là một nhóm các cá nhân sống chung với nhau vì những lý do kinh tế và tự vệ? Từ nỗi sợ hãi và sự tự vệ có tính vị lợi này nảy sinh ý niệm về “đất nước tôi”, cùng với các ranh giới và hàng rào thuế quan của nó, làm cho tình anh em và sự thống nhất của nhân loại không thể nào thành hiện thực.

Ham muốn giành giữ, khát khao đồng hóa mình với cái gì đó lớn lao hơn mình, tạo ra tinh thần của chủ nghĩa dân tộc, và chủ nghĩa dân tộc cực đoan là cái gây ra các cuộc chiến tranh. Chủ nghĩa dân tộc là một căn bệnh, nó không bao giờ có thể mang lại sự thống nhất và hòa hợp cho thế giới. Chúng ta không thể cậy nhờ bệnh tật mà trở nên khỏe mạnh, chúng ta trước hết phải thoát khỏi mọi bệnh tật.

Chính vì chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, đức tin, chủ quyền và những gì chúng ta đã giành lấy được, mà chúng ta phải được vũ trang một cách thường trực. Của cải và những tư tưởng đã trở nên quan trọng hơn sinh mạng con người, cho nên giữa ta với mọi người luôn có sự đối kháng và bạo lực. Qua việc bảo vệ chủ quyền, chúng ta đang hủy diệt những đứa con trai của chúng ta; qua việc sùng bái chính quyền, vốn chỉ là sự phóng chiếu của bản thân chúng ta, chúng ta đang hy sinh con cái cho sự thỏa mãn của chính chúng ta. Chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi và quyền lực chính là nguyên nhân, đồng thời là công cụ của chiến tranh.

Các định chế xã hội hiện nay không thể phát triển thành một thế giới hợp nhất, vì chính nền tảng của chúng là mang tính chia tách. Các nghị viện và các hệ thống giáo dục nào chú trọng bảo vệ chủ quyền dân tộc và nhấn mạnh đến tầm quan trọng của các nhóm khác nhau trong xã hội sẽ không bao giờ chấm dứt được chiến tranh. Sự tồn tại của những nhóm người riêng biệt, cùng với người thống trị và người bị trị, là nguồn gốc sâu xa của chiến tranh. Chừng nào chúng ta không tạo ra sự thay đổi căn cơ mối tương quan giữa con người với nhau như hiện nay, thì nền công nghiệp sẽ tất yếu dẫn đến tình trạng hỗn loạn, trở thành công cụ cho sự phá hoại và khốn cùng; chừng nào còn tồn tại tình trạng bạo lực và chuyên chế, dối trá và tuyên truyền, thì tình anh em giữa con người với nhau không thể nào trở thành hiện thực.

Chỉ đơn thuần giáo dục con người ta trở thành những kỹ sư xuất sắc, những nhà khoa học lẫy lừng, những nhà quản trị có năng lực, những người công nhân lành nghề, sẽ không bao giờ hợp nhất được những người áp bức và những người bị áp bức. Chúng ta có thể thấy rằng hệ thống giáo dục hiện nay chứa đựng nhiều nguyên nhân gây ra sự thù ghét giữa con người với nhau, nó không ngăn cản được những cuộc sát hại tập thể nhân danh đất nước hay nhân danh Thượng đế.

Các tôn giáo, cùng với uy quyền tinh thần tạm thời của chúng, cũng không thể mang lại cho con người nền hòa bình, vì chúng cũng là kết quả của sự ngu dốt và sợ hãi, của ảo tưởng và thói vị kỷ của chúng ta.

Vì khao khát sự an toàn trong kiếp này hay trong kiếp sau, chúng ta tạo ra những định chế và ý thức hệ đảm bảo cho sự an toàn đó; nhưng càng đấu tranh cho sự an toàn bao nhiêu thì chúng ta sẽ càng ít đạt được nó bấy nhiêu. Ham muốn an toàn chỉ tăng cường tình trạng phân biệt và gia tăng tình trạng đối kháng. Nếu chúng ta cảm nhận và hiểu rõ sự thật này, không chỉ bằng ngôn từ hay trí tuệ, mà

còn bằng toàn bộ sự tồn tại của mình, thì chúng ta sẽ bắt đầu thay đổi một cách cơ bản mối tương quan giữa chúng ta với người khác; và chỉ khi đó chúng ta mới có thể đạt đến sự hợp nhất và tình anh em.

Hầu hết tâm trí của chúng ta bị xâm chiếm bởi đủ mọi loại sợ hãi và chỉ quan tâm đến sự an toàn riêng của bản thân. Chúng ta hy vọng rằng, bằng phép màu nào đó, các cuộc chiến tranh sẽ chấm dứt, và trong khi cáo buộc các nhóm quốc gia khác là những kẻ châm ngòi cho cuộc chiến tranh, thì đến lượt mình, họ lại đổ cho chúng ta gây ra thảm họa đó. Mặc dù rõ ràng chiến tranh là cái gây hại cho xã hội, nhưng chúng ta vẫn chuẩn bị cho chiến tranh và rèn giũa tinh thần thiện chiến ở thanh niên.

Nhưng sự huấn luyện quân sự có chỗ nào trong giáo dục không? Điều đó hoàn toàn phụ thuộc vào việc chúng ta muốn con cái của mình trở thành loại người nào. Nếu chúng ta muốn chúng trở thành những kẻ giết người có hiệu quả thì huấn luyện quân sự là cần thiết. Nếu chúng ta muốn rèn chúng vào kỷ luật và đưa chúng vào khuôn phép, nếu mục đích của chúng ta là biến chúng thành người yêu nước và theo đó là vô trách nhiệm với xã hội thì việc huấn luyện quân sự là phương cách hay để thực hiện điều đó. Nếu chúng ta thích chết chóc và hủy diệt, việc huấn luyện quân sự rõ ràng là quan trọng. Chức phận của các tướng lĩnh là lên kế hoạch và tiến hành chiến tranh; nếu ý định của chúng ta là có sự đấu tranh liên tục giữa chúng ta và những người bên cạnh mình, thì chúng ta còn ngần ngại gì mà không có thêm nhiều tướng lĩnh?

Nếu chúng ta sống chỉ để không ngớt đấu tranh trong chính bản thân chúng ta và với những người khác, nếu chúng ta muốn tiếp diễn cảnh nồi da xáo thịt và sự khốn cùng thì ắt phải có thêm nhiều binh lính hơn, nhiều nhà chính trị hơn, nhiều kẻ thù hơn – đó chính là điều đang thực sự diễn ra. Nền văn minh hiện đại được dựa trên bạo lực, và vì thế đang chuốc lấy chết chóc triền miên. Chừng nào chúng ta còn sùng bái sức mạnh, bạo lực sẽ là phương cách sống của chúng ta. Nhưng nếu chúng ta muốn hòa bình, nếu chúng ta muốn có quan hệ lành mạnh giữa con người với nhau, dù đó là người Kitô hay người Hindu, người Nga hay người Mỹ, nếu chúng ta muốn con cái mình là con người toàn diện, thì huấn luyện quân sự là một cản trở tuyệt đối, đó là cách khởi sự sai lầm.

Một trong những nguyên nhân chính gây ra sự thù hận và đấu đá lẫn nhau là niềm tin rằng một giai cấp hay chủng tộc này cao quý hơn một giai cấp hay chủng tộc khác. Trẻ em không có ý thức phân biệt giai cấp hay chủng tộc; chính môi trường gia đình, trường học làm

cho em cảm thấy có sự phân biệt. Bản thân đứa trẻ không quan tâm đến việc người bạn chơi với em là người da đen hay người Do Thái, người thuộc đẳng cấp Brahmin(*) hay không phải là Brahmin; nhưng sự ảnh hưởng của toàn bộ cấu trúc xã hội đang liên tục khắc sâu vào đầu óc em, tác động và định hình cách nghĩ của em.

Vấn đề ở đây không phải với đứa trẻ mà với người lớn, tức những người đã tạo ra một môi trường phân biệt vô nghĩa và các giá trị sai lầm.

Đâu là cơ sở thực sự chỉ rõ sự phân biệt giữa con người với nhau như thế? Thân thể chúng ta có thể khác nhau về cấu trúc và màu da, gương mặt của chúng ta có thể mỗi người mỗi dạng, nhưng bên trong làn da chúng ta thì muôn người như một: tự phụ, tham vọng, ganh tị, bạo lực, ham mê sắc dục, cầu tìm quyền lực, v.v. Lột bỏ các nhãn mác ra, chúng ta hoàn toàn trần trụi; nhưng chúng ta không muốn đối mặt với tình trạng trần trụi của mình, và vì thế chúng ta cố bám vào các nhãn mác – điều đó cho thấy chúng ta còn chưa chín chắn như thế nào, chúng ta còn thực sự ấu trĩ ra sao.

Để đứa trẻ lớn lên tự do khỏi thành kiến, trước hết chúng ta phải tháo dỡ mọi thành kiến từ trong bản thân mình, rồi đến môi trường xung quanh – nghĩa là tháo dỡ cấu trúc của cái xã hội vô nghĩa mà chúng ta đã tạo dựng. Ở nhà, chúng ta có thể dạy cho đứa trẻ rằng ý thức về giai cấp hay chủng tộc là một việc hết sức phi lý, có lẽ các em sẽ đồng ý với chúng ta; nhưng khi các em đi đến trường và chơi cùng những trẻ khác, các em sẽ bị tiêm nhiễm cái tinh thần phân biệt lúc nào không hay. Điều này cũng có thể diễn ra theo chiều ngược lại: gia đình có thể có tinh thần truyền thống, hạn hẹp, và ảnh hưởng của nhà trường có thể rộng lớn hơn. Trong cả hai trường hợp đều có cuộc tranh chấp thường xuyên giữa môi trường gia đình và nhà trường, còn đứa trẻ bị kẹt ở giữa.

Để nuôi nấng đứa trẻ một cách lành mạnh, để giúp em phát triển khả năng nhận biết, giúp em thấy rõ các thành kiến ngu xuẩn này, chúng ta phải gần gũi với em. Chúng ta phải đề cập tới mọi vấn đề và để các em tham dự vào cuộc trò chuyện trí tuệ; chúng ta phải khuyến khích tinh thần truy vấn và bất mãn vốn đã có sẵn nơi các em, qua đó giúp các em phát hiện ra đâu là chân thực và đâu là giả dối.

Chính việc truy vấn thường xuyên, cảm giác không thực sự thỏa mãn, làm phát sinh trí tuệ sáng tạo; nhưng việc giữ cho tinh thần truy vấn và không bằng lòng luôn trong trạng thái tỉnh thức là điều cực kỳ khó, hầu hết mọi người đều không muốn con cái của họ có loại trí tuệ này, vì thật là khó chịu nếu phải sống với ai đó luôn truy

vấn các giá trị đã được thừa nhận.

Tất cả chúng ta đều từng bất mãn khi còn trẻ; nhưng khổ nỗi, sự bất mãn của chúng ta sớm nguôi ngoai đi, và bị các xu hướng bắt chước và thói sùng bái uy quyền lấn át. Khi chúng ta lớn lên, chúng ta bắt đầu bị khuôn định, cảm thấy thỏa mãn và e sợ. Chúng ta trở thành những nhà điều hành, giáo sĩ, các thư ký ngân hàng, các giám đốc nhà máy, các kỹ thuật viên, và sự suy đồi với tốc độ chầm chậm bắt đầu. Do muốn duy trì địa vị của mình, cho nên chúng ta ủng hộ cái xã hội đầy sự phá hoại đã đặt chúng ta vào đấy và mang lại cho chúng ta mức độ an toàn nhất định. Không có hy vọng nào cho hòa bình và trật tự trong thế giới cho đến khi nào giáo dục còn là nô lệ của chính quyền hay tôn giáo.

Chừng nào bạn vẫn còn là người New Zealand và tôi là người Ấn Độ thì việc nói về sự thống nhất của con người quả là điều phi lý. Làm sao chúng ta có thể hòa hợp với nhau nếu bạn sống ở đất nước bạn, còn tôi sống ở đất nước tôi, vẫn duy trì các thành kiến tôn giáo giữa bạn và tôi, và chúng ta vẫn có những cách hành xử khác nhau trước những vấn đề kinh tế? Làm sao có tình anh em được trong khi chủ nghĩa yêu nước còn gây chia rẽ con người với nhau, và hàng triệu người đang sống trong cảnh thiếu thốn trong khi những người khác lại sống quá sung túc? Làm sao con người có thể hợp nhất với nhau một khi các tín ngưỡng vẫn đang chia tách chúng ta, khi có sự thống trị của nhóm người này đối với nhóm người khác, khi người giàu thì đầy quyền lực còn người nghèo thì đang theo đuổi cái quyền lực ấy, khi có sự phân phối đất đai sai lầm, khi một số người được nuôi dưỡng thừa mứa còn biết bao nhiêu người thì đang đói rách?

Một trong những khó khăn đó là chúng ta không thực sự tha thiết đối với những vấn đề này, bởi lẽ chúng ta ngại bị xáo trộn. Chúng ta chỉ thích thay đổi mọi thứ theo hướng có lợi cho bản thân, và vì thế chúng ta không thực sự quan tâm đến sự trống rỗng và cái thói bạo tàn của mình.

Có bao giờ chúng ta đạt được hòa bình bằng con đường bạo lực không? Phải chăng theo tiến trình chậm chạp của thời gian, chúng ta sẽ dần dần có được nền hòa bình? Đương nhiên, tình yêu không phải là vấn đề của sự đào luyện hay của thời gian. Hai cuộc chiến tranh thế giới vừa rồi, tôi tin, là cuộc chiến đấu vì nền dân chủ; hiện giờ chúng ta lại đang chuẩn bị cho cuộc chiến tranh quy mô hơn và có sức phá hoại hơn nữa, và mọi người ít được tự do hơn. Nhưng điều gì sẽ xảy ra nếu ta gạt sang một bên những trở ngại trên con đường đi đến sự thông hiểu, như uy quyền, lòng tin, chủ nghĩa dân tộc và toàn bộ tinh thần thứ bậc tôn ti? Chúng ta ắt sẽ là những con người

không có uy quyền, tức những con người nằm trong mối tương quan trực tiếp với nhau – thế thì ắt sẽ có tình yêu thương và lòng trắc ẩn.

Điều thiết yếu trong giáo dục, cũng như trong mọi lĩnh vực khác, là phải có con người hiểu biết thông tuệ và đầy tình yêu thương, trái tim họ không chất chứa những lời sáo rỗng, những sự kiến tạo của trí óc.

Nếu như sống có nghĩa là sống một cách hạnh phúc, với sự cẩn trọng từ trong ý nghĩ, sống với chính mình; và nếu chúng ta muốn xây dựng một xã hội thực sự khai minh, chúng ta phải có những nhà giáo dục hiểu sự phát triển toàn diện là gì và là những người có năng lực truyền đạt sự thông hiểu ấy cho các em học sinh.

Những nhà giáo dục có phẩm chất ấy ắt sẽ là mối đe dọa đối với cấu trúc xã hội hiện nay. Nhưng chúng ta không thực sự muốn xây dựng một xã hội khai minh; và bất cứ người thầy nào, với sự nhận biết đầy đủ các hàm ý của nền hòa bình, bắt đầu chỉ ra ý nghĩa thực sự của chủ nghĩa dân tộc cực đoan và sự ngu xuẩn của chiến tranh, ắt sẽ sớm mất chỗ đứng của mình. Do biết rõ điều này, hầu hết các nhà giáo dục đều thỏa hiệp, và theo đó góp phần duy trì hệ thống bóc lột và bạo lực hiện nay.

Chắc chắn, để phát hiện ra chân lý, chúng ta phải thoát khỏi tình trạng xung đột – diễn ra trong nội tâm mình, cũng như xảy ra với những người bên cạnh. Khi chúng ta không bị xung đột trong nội tâm, thì chúng ta sẽ không rơi vào cuộc xung đột với người khác. Chính sự xung đột trong nội tâm, được phóng chiếu ra bên ngoài, trở thành cuộc xung đột diễn ra trên thế giới.

Chiến tranh là sự phóng chiếu đẫm máu cho lối sống hằng ngày của chúng ta. Chúng ta đẩy cuộc sống của mình vào cuộc chiến; và nếu không có sự thay đổi tự thân thì chắc chắn sẽ xảy ra những cuộc đối chọi giữa các quốc gia hay các chủng tộc, những cuộc khẩu chiến ấu trĩ giữa các ý thức hệ, bội tăng lực lượng binh sĩ, đi theo những ngọn cờ, và vô số những kẻ tàn bạo được chiêu mộ để tạo ra cỗ máy giết người có tổ chức.

Nền giáo dục khắp thế giới đã thất bại, nó đã dẫn đến sự phá hoại và nỗi đau khổ ngày càng chồng chất. Các chính quyền đang huấn luyện thanh niên thành những binh lính và các kỹ thuật viên làm việc hiệu quả mà họ cần; việc tập hợp lực lượng đang được đẩy mạnh và sự định kiến đang được bồi đắp. Khi xét đến các sự kiện này, chúng ta phải truy vấn ý nghĩa của sự tồn tại, cũng như tầm quan trọng và mục đích của cuộc sống. Chúng ta phải tìm ra các phương tiện hữu

ích để xây dựng một môi trường sống mới; vì môi trường sống có thể biến đứa trẻ thành một kẻ tàn ác, một chuyên gia lạnh lùng vô cảm, hay giúp em trở thành người có trí tuệ và sống có tình có nghĩa. Chúng ta phải tạo ra một chính quyền thế giới hoàn toàn khác, không dựa trên nền tảng chủ nghĩa dân tộc, ý thức hệ hay bạo lực.

Tất cả điều này đòi hỏi chúng ta phải hiểu được trách nhiệm của mình trong mối tương quan qua lại với nhau; nhưng để hiểu được trách nhiệm của mình, chúng ta cần phải có lòng thương yêu, chứ không chỉ đơn thuần là học hỏi hay biết. Tình thương yêu của chúng ta càng lớn thì sức ảnh hưởng của nó đối với xã hội càng sâu rộng. Nhưng hết thảy chúng ta đều là những kẻ có não mà không có trái tim biết thương yêu; chúng ta đào luyện trí năng và khinh miệt sự khiêm cung, nhún nhường. Nếu chúng ta thực sự yêu thương con mình, chúng ta ắt sẽ muốn cứu và bảo vệ chúng, chúng ta ắt sẽ không để chúng trở thành vật hy sinh trong các cuộc chiến tranh phi nghĩa.

Tôi nghĩ chúng ta thực đam mê vũ khí, chúng ta thích sự biểu dương sức mạnh quân sự, thích đồng phục, các lễ nghi, nhậu nhẹt, huyên náo, bạo lực. Cuộc sống hằng ngày của chúng ta là hình ảnh thu nhỏ của tính nông nỗi tàn bạo ấy, và chúng ta đang hủy hoại lẫn nhau qua sự ganh tị và thiếu suy nghĩ.

Chúng ta muốn giàu có; và càng giàu có bao nhiêu chúng ta càng trở nên tàn nhẫn bấy nhiêu, cho dù chúng ta có thể đóng góp số tiền lớn cho hoạt động từ thiện và giáo dục. Cướp bóc nạn nhân xong, chúng ta trả lại cho anh ta một chút ít chiến lợi phẩm ấy và gọi đó là hành vi nhân ái. Tôi không nghĩ là chúng ta nhận ra được những thảm họa mà chúng ta đang ngày ngày chuẩn bị cho nó. Hầu hết chúng ta sống mỗi ngày càng vội vã càng tốt và càng không suy nghĩ càng tốt, phó mặc đời mình cho các chính quyền, cho các chính trị gia ranh mãnh lèo lái.

Tất cả các chính phủ cầm quyền đều phải chuẩn bị cho chiến tranh. Để biến công dân của mình thành những chiến binh có năng lực cho cuộc chiến, chuẩn bị cho họ thực hiện các nghĩa vụ một cách nhuần nhuyễn thì đương nhiên chính quyền phải kiểm soát và thống trị họ. Họ phải được giáo dục để hành động như những cỗ máy, tức đạt hiệu quả một cách tàn nhẫn. Nếu mục đích và cứu cánh của cuộc sống là hủy diệt hay bị hủy diệt, thì nền giáo dục ấy phải khuyến khích sự tàn nhẫn; và tôi không dám chắc rằng đấy không phải là điều thâm tâm ta mong muốn, bởi lẽ sự tàn nhẫn luôn song hành với tâm lý sùng bái sự thành công.

Chính phủ cầm quyền không muốn công dân của nó được tự do, được tự suy nghĩ cho chính họ, và nó kiểm soát họ bằng tuyên truyền, bằng những diễn giải xuyên tạc lịch sử, v.v. Đó là lý do tại sao giáo dục càng ngày càng trở thành phương tiện để dạy cho người *ta nghĩ đến cái gì* chứ không phải *nghĩ như thế nào*. Nếu tư tưởng của chúng ta độc lập với hệ thống chính trị hiện hành thì chúng ta ắt sẽ bị nguy hiểm; các định chế tự do có thể đào tạo ra những người theo chủ nghĩa hòa bình hay những người có lối tư duy đối lập với chế độ chính trị hiện tồn.

Giáo dục đúng đắn rõ ràng là một mối đe dọa cho các chính phủ cầm quyền – vì thế nó được ngăn chặn bằng các biện pháp tinh vi và tàn bạo. Giáo dục và lương thực trong tay của nhóm thiểu số đã trở thành phương tiện kiểm soát con người; và các chính quyền, dù thuộc cánh tả hay cánh hữu, tỏ ra thờ ơ lãnh đạm cho đến khi nào chúng ta còn là những cỗ máy hữu hiệu để sản xuất ra hàng hóa và đạn dược.

Lúc này, điều đó đang xảy ra trên toàn thế giới. Chúng ta, những công dân và nhà giáo dục, cũng như những người chịu trách nhiệm cho các chính quyền hiện tồn, cơ bản không quan tâm đến tự do hay nô lệ, hòa bình hay chiến tranh, sung túc hay khốn cùng của con người. Chúng ta muốn những cuộc cải cách nhỏ giọt đây một chút kia một chút, nhưng hầu hết chúng ta đều sợ việc phá nát cái xã hội hiện tại và xây dựng một cấu trúc hoàn toàn mới mẻ, bởi lẽ việc này đòi hỏi phải có một sự thay đổi triệt để trong chính chúng ta.

Mặt khác, có những người tìm cách gây ra một cuộc cách mạng bạo lực. Bởi lẽ trước đây đã góp phần xây dựng trật tự xã hội hiện tồn với tất cả những cuộc xung đột, sự hỗn loạn và khốn cùng của nó, giờ đây họ lại ham muốn tổ chức một xã hội hoàn hảo. Nhưng liệu bất kỳ ai trong số chúng ta có thể tổ chức được một xã hội hoàn hảo khi chính chúng ta là những người đã tạo ra cái xã hội hiện thời? Tin rằng hòa bình có thể đạt được bằng bạo lực chẳng khác nào hy sinh hiện tại cho một lý tưởng trong tương lai; và việc tìm kiếm mục đích đúng đắn bằng những phương tiện sai lầm là một trong những nguyên nhân đã gây ra thảm họa hiện nay.

Sự bành trướng và ưu thế của các giá trị cảm tính tất yếu tạo ra chất độc là chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, các biên giới kinh tế, các chính phủ toàn trị và tinh thần yêu nước cực đoan, tất cả những điều này ngăn trở sự hợp tác lẫn nhau giữa con người và làm thoái hóa mối tương quan giữa con người với nhau, chính là làm thoái hóa xã hội. Xã hội là mối tương quan giữa chúng ta và người khác; nếu không có sự thông hiểu sâu sắc mối tương quan này, không phải ở một cấp độ bất

kỳ nào mà là sự thông hiểu toàn diện, như là một diễn trình toàn thể, thì chắc chắn chúng ta lại tạo ra cũng chính loại cấu trúc xã hội ấy thêm lần nữa, cho dù xét về bề mặt là có sự cải đổi.

Nếu chúng ta muốn thay đổi triệt để cách tương quan hiện nay của con người, cái đã làm cho thế giới lâm vào tình cảnh khốn khổ không kể xiết, thì nhiệm vụ duy nhất và ngay tức khắc của chúng ta là thay đổi chính bản thân bằng con đường hiểu biết chính mình. Vì thế, chúng ta quay trở lại với điểm mấu chốt là chính bản thân; nhưng chúng ta lại ưa lẩn tránh điểm mấu chốt ấy và chuyển trách nhiệm sang cho chính phủ, tôn giáo và ý thức hệ. Chính phủ là cái chúng ta đang là, còn tôn giáo và ý thức hệ là sự phóng chiếu của bản thân chúng ta; nếu chúng ta không thay đổi một cách căn cơ thì chúng ta không thể có được loại hình giáo dục đúng đắn cũng như không thể xây dựng được một thế giới hòa bình.

Sự an toàn bên ngoài cho tất cả mọi người chỉ có thể hiện diện khi có tình yêu thương và trí tuệ; và vì chúng ta đã tạo ra một thế giới đầy xung đột và khốn cùng mà trong đó sự an toàn bề ngoài nhanh chóng trở nên bất khả thi đối với bất kỳ người nào, nên chẳng phải nó đang cho ta thấy nền giáo dục trong quá khứ và hiện tại là hoàn toàn vô ích đó sao? Với tư cách là cha mẹ và là người thầy, trách nhiệm trực tiếp của chúng ta là đoạn tuyệt với lối tư duy truyền thống, và không chỉ dựa theo ý kiến của các nhà chuyên môn. Phương thức đã thể hiện tính hiệu quả trong việc mang lại cho chúng ta năng lực kiếm tiền, đó là lý do tại sao hầu hết chúng ta đều thỏa mãn với cấu trúc xã hội hiện tại; nhưng nhà giáo dục chân chính chỉ quan tâm đến lối sống đúng đắn, cách giáo dục đúng đắn và các phương tiện mưu sinh đúng đắn mà thôi.

Chúng ta càng vô trách nhiệm trong các vấn đề này nhiều bao nhiêu thì chính phủ lại phải đảm đương toàn bộ các trách nhiệm ấy nhiều bấy nhiêu. Chúng ta đang đối mặt, không phải với khủng hoảng kinh tế hay chính trị, mà với sự khủng hoảng xói mòn nhân phẩm đến mức không một đảng phái chính trị hay hệ thống kinh tế nào có thể cứu vãn được.

Một hiểm họa khác ngày càng đe dọa hơn đang đến gần, và hầu hết chúng ta đều chẳng có bất cứ động thái nào để ứng phó với nó. Chúng ta cứ sống lê lết hết ngày này qua ngày khác mà chẳng muốn thay đổi gì; chúng ta không muốn phủi bỏ hết mọi giá trị sai lầm của mình và bắt đầu lại. Chúng ta muốn thực hiện những cuộc cải cách có tính chắp vá, điều đó chỉ dẫn đến các vấn đề cần phải cải cách không ngừng nữa mà thôi. Tòa nhà đang sụp, các bức tường đang đổ và lửa đang thiêu rụi nó. Chúng ta phải rời khỏi tòa nhà ấy và bắt tay

xây cái nền móng mới cùng với các nền tảng và các giá trị khác.

Chúng ta không thể loại bỏ kiến thức kỹ thuật, nhưng ở bình diện nội tâm, chúng ta có thể nhận biết sự xấu xa của mình, tính cách tàn bạo của mình, những dối trá và ranh ma, sự thiếu vắng hoàn toàn tình yêu của mình. Chỉ bằng cách khéo léo giải thoát mình ra khỏi tinh thần của chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, khỏi thói đố kỵ, ganh ghét và sự thèm khát quyền lực, thì chúng ta mới có thể xác lập được một trật tự xã hội mới.

Hòa bình sẽ không thể đạt được bằng cách đổi mới theo kiểu chắp vá hay đơn thuần sắp xếp lại các tư tưởng cũ và sự cuồng tín. Hòa bình chỉ có thể có được khi chúng ta hiểu ra cái ẩn đằng sau sự giả tạo bên ngoài, và do đó chặn đứng được cơn sóng tàn phá do tính gây hấn và nỗi sợ hãi của chính chúng ta gây ra; chỉ khi đó mới có hy vọng cho con cái chúng ta và sự cứu rỗi cho thế giới.

(*) Xã hội Ấn Độ chia thành 5 đẳng cấp chính:

- Cao nhất là đẳng cấp Brahmin, gồm các tăng lữ trông coi việc tế lễ, các triết gia, học giả.

- Kế tiếp là đẳng cấp Kshatriya, gồm các chiến binh, vua chúa.

- Vaishya, hay thương nhân, là giai cấp được trọng vọng trong xã hội vì họ có tiền.

- Thấp hơn là Shudra, bao gồm thợ thuyền, nông dân.

- Những người thấp kém hơn nữa được gọi là Dalit. Đây là thành phần “cùng đinh mạt hạng”, hoàn toàn không có địa vị trong xã hội và phải làm những công việc mà người khác cho là bẩn thỉu và hèn kém, như: quét đường, dọn phân…

Đạo Hindu có quy định là những người thuộc các đẳng cấp khác nhau không được lấy nhau; đẳng cấp của mỗi người được thừa kế từ đời này sang đời khác.

Chương V
NGÔI TRƯỜNG LÝ TƯỞNG

Loại hình giáo dục đúng đắn quan tâm đến sự tự do cá nhân, có thể mang lại sự hợp tác thực sự giữa cá nhân và tập thể; nhưng sự tự do này không thể đạt được bằng cách theo đuổi sự đề cao vai trò của cá nhân và sự thành công của riêng bản thân. Tự do đi cùng với sự nhận biết chính mình, tức là lúc tinh thần đã vượt trên mọi rào cản xung quanh để thỏa mãn khao khát có được sự an toàn.

Chức năng của giáo dục là giúp mỗi cá nhân nhận diện tất cả những trở ngại tâm lý này, chứ không áp đặt các khuôn mẫu ứng xử mới, các cách tư duy mới. Những lối áp đặt như thế sẽ không bao giờ khơi dậy được trí tuệ, sự thông hiểu có tính sáng tạo, mà sẽ chỉ khuôn buộc thêm cho cá nhân. Hẳn đây là điều đang xảy ra trên toàn thế giới, và đó là lý do tại sao các vấn đề của chúng ta cứ tiếp tục tăng theo cấp số nhân.

Chỉ khi nào chúng ta hiểu rõ ý nghĩa sâu xa của cuộc sống thì chúng ta mới có thể có được nền giáo dục chân chính; nhưng để hiểu được thì tâm trí phải khéo léo giải phóng nó ra khỏi ham muốn được tưởng thưởng, vốn là cái sản sinh ra nỗi sợ hãi và sự tuân phục. Nếu chúng ta coi con cái như là tài sản của mình, nếu xem chúng là sự tiếp nối cái tôi thiển cận của chúng ta và là sự hiện thực hóa các tham vọng của chúng ta, thì chúng ta sẽ dựng lên một môi trường sống, tức một cấu trúc xã hội, không có tình thương yêu, mà chỉ có mỗi một thứ là sự theo đuổi các lợi ích vị kỷ.

Một cơ sở giáo dục lớn và phát triển mạnh trong đó hàng trăm trẻ em được học cùng nhau, cùng với mọi sự phô trương và thành công kèm theo của nó, có thể sản sinh ra những người thư ký ngân hàng và người bán hàng giỏi, những nhà công nghiệp hay viên chức, tóm lại là những con người hời hợt có năng lực về kỹ thuật; nhưng ta chỉ có thể hy vọng vào các cá nhân toàn diện mà chỉ những mái trường nhỏ

mới có thể sản sinh ra mà thôi. Đó là lý do tại sao việc sở hữu những mái trường với số lượng nhỏ các cô, cậu bé và những người thầy chân chính thì quan trọng hơn nhiều so với việc thực hành các phương pháp mới nhất và tốt nhất trong những ngôi trường lớn.

Khổ nỗi, một trong những khó khăn phiền toái của chúng ta là chúng ta nghĩ mình phải tiến hành trên quy mô lớn. Hầu hết chúng ta muốn những ngôi trường lớn với những tòa nhà đồ sộ, cho dù rõ ràng chúng không phải là loại trung tâm giáo dục đúng đắn, bởi lẽ chúng ta kỳ vọng tạo sự thay đổi hay tác động đến cái mà chúng ta gọi là đám đông.

Nhưng đám đông ấy là ai? Chính là bạn và tôi. Chúng ta đừng để mình lạc lối trong suy nghĩ rằng đám đông cũng cần phải được giáo dục một cách đúng đắn. Tập trung vào đám đông là một cách tránh né việc hành động ngay tức khắc. Sự giáo dục đúng đắn sẽ trở nên phổ biến nếu chúng ta bắt đầu với cái tức khắc, nếu chúng ta ý thức về bản thân trong quan hệ của mình với con cái, với bạn bè và những người hàng xóm. Hành động của chúng ta trong thế giới mình đang sống, trong thế giới gia đình và bạn bè, sẽ lan tỏa sức ảnh hưởng và mở rộng sự tác động.

Bằng cách ý thức đầy đủ về chính mình trong tất cả các mối tương quan, chúng ta sẽ bắt đầu phát hiện ra những sự mù mờ, lẫn lộn và những giới hạn ở bản thân mà trước giờ chúng ta vẫn thực sự không biết; và khi ý thức về chúng, chúng ta sẽ hiểu và theo đó xóa bỏ được chúng. Nếu không có ý thức này và sự nhận biết về chính mình, thì bất cứ sự cải cách nào trong giáo dục hay trong các lĩnh vực khác sẽ chỉ dẫn đến sự chống đối và tình trạng khốn cùng thêm mà thôi.

Khi xây dựng những ngôi trường rộng lớn và sử dụng những người thầy là người lệ thuộc vào một hệ thống thay vì là người tỉnh táo, biết quan sát mối tương quan giữa họ và các học trò của mình, chúng ta chỉ khuyến khích hoạt động tích lũy các dữ kiện, sự phát triển năng lực và thói quen tư duy một cách máy móc theo một khuôn mẫu nào đó; chắc chắn không một điều gì trong số này giúp học sinh phát triển thành một con người toàn diện. Các hệ thống có thể hữu ích trong phạm vi hẹp đối với những nhà giáo dục tỉnh táo và thận trọng, nhưng chúng không đánh thức được trí tuệ. Thế nhưng điều lạ lùng là những từ như “hệ thống”, “trường học” lại trở nên vô cùng quan trọng đối với chúng ta. Các biểu tượng đã thế chỗ thực tại, và chúng ta bằng lòng với việc nó nên như vậy; vì thực tại là thứ gây phiền phức, trong khi đó những cái bóng của nó thì mang lại cảm giác dễ chịu.

Không một giá trị nền tảng nào có thể đạt được nhờ vào sự giáo dục đám đông, mà chỉ có thể nhờ vào việc học tập và thông hiểu những khó khăn, xu hướng và năng lực của từng đứa trẻ; những ai ý thức về điều này, những ai nghiêm túc trong việc muốn hiểu bản thân mình và giúp đỡ thế hệ trẻ nên ngồi lại với nhau, lập ra một ngôi trường mang ý nghĩa sống còn trong cuộc đời đứa trẻ, qua đó giúp em trở thành con người toàn diện và có trí tuệ. Để mở ra một ngôi trường như thế, họ không cần chờ cho đến khi có đủ các phương tiện cần thiết. Bất kỳ ai cũng có thể trở thành người thầy đích thực tại nhà, và những cơ hội sẽ chóng đến.

Những ai yêu thương con cái mình và con cái của những người xung quanh, những ai có thái độ nghiêm túc, sẽ tìm cách xoay xở để lập ra một trường học đúng đắn như thế ở đâu đó quanh góc phố hay ngay tại nhà của họ. Rồi tiền bạc sẽ đến – nhưng tiền bạc là điều ít quan trọng nhất. Để duy trì được một ngôi trường nhỏ thuộc loại hình giáo dục đúng đắn như thế đương nhiên là rất khó khăn nếu xét về mặt tài chính; nó chỉ có thể phát triển dựa trên tinh thần cống hiến chứ không phải dựa vào tài khoản lớn trong ngân hàng. Tiền bạc bao giờ cũng làm hỏng việc nếu không có tình yêu thương và sự thông hiểu. Nhưng nếu đó thực sự là một ngôi trường có giá trị, thì tất yếu sẽ tìm được mạnh thường quân. Khi có tình thương yêu dành cho bọn trẻ thì mọi chuyện đều có thể.

Chừng nào mà ngôi trường còn được coi là quan trọng nhất thì đứa trẻ sẽ không được quan tâm phát triển đúng với tiềm năng. Nhà giáo dục chân chính quan tâm đến cá nhân, chứ không quan tâm đến số lượng học sinh mà anh ta có; và một nhà giáo dục như thế sẽ phát hiện ra rằng anh ta có thể có một mái trường đầy ý nghĩa và hừng hực bầu nhiệt huyết mà nhiều bậc phụ huynh sẽ ủng hộ. Nhưng người thầy này phải có sự quan tâm nhiệt tình; nếu anh ta không có nhiệt huyết, anh ta sẽ có một ngôi trường như bao ngôi trường khác mà thôi.

Nếu các bậc cha mẹ thực sự yêu thương con cái, họ sẽ sử dụng hệ thống pháp lý và các phương tiện khác để lập ra những ngôi trường nhỏ có những người thầy đúng nghĩa; và họ sẽ không bị cản bước trước thực tế là các trường nhỏ sẽ tốn kém kinh phí và khó tìm ra những người thầy thực thụ.

Tuy nhiên, họ nên nhận ra rằng chắc chắn sẽ có sự chống đối từ những cá nhân hám lợi, từ các chính phủ và các tổ chức tôn giáo, vì những ngôi trường như thế nhất định phải có tính cách mạng sâu sắc. Cuộc cách mạng đích thực không phải là một thứ bạo lực, nó xảy ra qua tiến trình vun bồi sự hợp nhất toàn diện và trí tuệ của con

người, do chính cuộc sống của họ, là những người sẽ dần dần tạo ra những sự thay đổi triệt để trong xã hội.

Nhưng điều quan trọng nhất là tất cả những người thầy trong ngôi trường này nên đến với nhau một cách tự nguyện, không bị thuyết phục hay được người khác lựa chọn; vì việc tự nguyện thoát ra khỏi thói thường của thế giới là cơ sở đúng đắn duy nhất cho một trung tâm giáo dục thực sự. Nếu những người thầy giúp đỡ lẫn nhau và giúp học trò hiểu được các giá trị đúng đắn thì nhất định phải luôn có ý thức tỉnh táo trong mối tương quan hằng ngày của họ.

Trong trạng thái biệt lập của một ngôi trường nhỏ, người ta sẽ có xu hướng quên mất thực tế rằng còn có một thế giới ở bên ngoài, cùng với tình trạng xung đột, hủy hoại và khốn cùng ngày càng gia tăng của nó. Thế giới ấy không tách biệt với chúng ta. Trái lại, nó là một phần của chúng ta, vì chúng ta đã tạo ra nó như thực trạng hiện nay, và đó là lý do tại sao nếu chúng ta muốn có sự thay đổi cơ bản trong cấu trúc xã hội thì trước hết chúng ta phải có nền giáo dục đúng đắn.

Chỉ có nền giáo dục đúng đắn, chứ không phải các ý thức hệ, các nhà lãnh đạo và những cuộc cách mạng về kinh tế, mới có thể mang lại một giải pháp bền vững cho những vấn nạn và những tình cảnh khốn khổ của chúng ta; và thấy được đây thật sự không phải là vấn đề về sự thuyết phục thuộc trí tuệ hay cảm xúc, cũng không phải về những tranh cãi, những lập luận ranh mãnh.

Nếu hạt nhân của tập thể người thầy trong một trường học thuộc loại đúng đắn dư thừa sự tận tình và năng động, nó sẽ thu hút được những người có cùng mục đích, còn những ai không quan tâm thì chẳng mấy chốc sẽ nhận thấy mình trở nên thừa thãi. Nếu trung tâm có mục đích và tỉnh táo thì khu vực ngoại vi thờ ơ lãnh đạm sẽ tàn lụi và mất đi; nhưng nếu trung tâm thờ ơ lãnh đạm, thì toàn bộ nhóm người sẽ dao động và suy yếu.

Trung tâm không thể được tạo thành từ duy nhất người hiệu trưởng. Lòng nhiệt tình hay sự quan tâm nếu chỉ lệ thuộc vào một con người chắc chắn sẽ suy giảm và tiêu tan. Sự quan tâm như thế là giả tạo, hay thay đổi và vô giá trị, vì nó có thể bị lèo lái và biến thành cái phục dịch cho những ý thích bất chợt và những sở thích nhất thời của người khác. Nếu người hiệu trưởng độc đoán, chuyên quyền thì tinh thần tự do và hợp tác chắc chắn không thể tồn tại. Một tính cách mạnh mẽ có thể xây dựng được một trường học hạng nhất, nhưng nỗi sợ hãi và thói quỵ lụy từ từ len lỏi vào, rồi phần còn lại của nhà trường được hợp thành từ những kẻ bất tài vô dụng.

Một nhóm người như thế không dẫn đến sự tự do và thông hiểu mỗi một cá nhân. Tập thể người thầy không nên được đặt dưới sự thống trị của hiệu trưởng, và người hiệu trưởng không nên gánh vác mọi trách nhiệm; trái lại, mỗi một người thầy nên cảm thấy có trách nhiệm đối với tập thể. Nếu chỉ có một số ít người quan tâm, thì sự dửng dưng hoặc đối lập với phần còn lại sẽ cản trở hay vô hiệu hóa nỗ lực chung.

Ta có thể hoài nghi liệu một trường học có thể hoạt động mà không có một uy quyền trung tâm; nhưng ta thực sự không biết bởi lẽ nó chưa bao giờ được thử nghiệm. Chắc chắn, trong một nhóm các nhà giáo dục chân chính, vấn đề về uy quyền này sẽ không bao giờ nảy sinh. Khi tất cả đều đang phấn đấu để có tự do và trí tuệ, sự hợp tác lẫn nhau có thể hiện diện ở mọi cấp độ. Đối với những ai không dành toàn tâm toàn ý và ý định lâu dài vào việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục đúng đắn, không có một uy quyền trung tâm dường như là một lý thuyết viển vông; nhưng nếu người ta tận tâm tận tình với lối giáo dục đúng đắn thì người ta không đòi hỏi phải bị thúc giục, định hướng hay kiểm soát. Những người thầy có trí tuệ đều linh hoạt trong việc vận dụng năng lực của họ; khi cố gắng đạt được sự tự do cá thể, họ tuân theo những quy chế và làm những gì cần thiết cho lợi ích của nhà trường. Sự quan tâm nghiêm túc là khởi đầu cho năng lực và cả hai đều được tăng cường hơn nữa qua quá trình thực hiện.

Nếu người ta không hiểu rõ hàm ý thuộc về tâm lý của sự vâng lời, việc đơn thuần quyết định không tuân theo uy quyền sẽ chỉ dẫn đến tình trạng hỗn loạn mà thôi. Sự hỗn loạn như thế không phải do thiếu vắng uy quyền, mà là do không có sự quan tâm sâu sắc lẫn nhau trong lối giáo dục đúng đắn. Nếu có mối quan tâm thực sự thì sẽ có sự điều chỉnh thường xuyên và cẩn trọng đối với mỗi người thầy để đáp ứng những đòi hỏi và những nhu cầu thiết yếu của việc vận hành một ngôi trường. Trong bất cứ mối tương quan nào, những sự xích mích và hiểu nhầm là không thể tránh khỏi; nhưng chúng bị phóng đại khi không có sự liên hệ thân tình trong mối quan tâm chung.

Phải có sự hợp tác không giới hạn giữa tất cả những người thầy trong trường học thuộc loại đúng đắn. Toàn bộ giáo viên nên gặp gỡ thường xuyên, bàn về các vấn đề khác nhau của nhà trường; và khi họ nhất trí với nhau về phương hướng hành động nào đó, chắc chắn sẽ chẳng có khó khăn trong việc thực hiện những gì đã được quyết định. Nếu quyết định nào được đa số đưa ra nhưng không được một người thầy tán thành, nó có thể được bàn bạc lại ở lần họp sau.

Không một người thầy nào nên sợ hãi hiệu trưởng, cũng không một

hiệu trưởng nào nên thấy bị đe dọa bởi những người thầy thâm niên. Sự nhất trí và vui vẻ chỉ có thể xảy ra khi tất cả mọi người đều cảm thấy hoàn toàn bình đẳng với nhau. Điều quan trọng là cảm giác bình đẳng này là yếu tố nổi bật trong loại trường học đích thực, vì lẽ người ta chỉ có thể thực sự hợp tác khi họ không còn bận tâm sự ưu trội và sự kém cỏi nữa. Nếu có sự tin cậy lẫn nhau thì bất cứ khó khăn hay hiểu nhầm nào cũng sẽ không bị gạt đi, mà sẽ được đối mặt, và sự tin tưởng sẽ được khôi phục.

Nếu những người thầy không chắc chắn về nghề nghiệp và mối quan tâm của chính mình, chắc chắn họ sẽ ganh tỵ và chống đối lẫn nhau, và họ sẽ dùng hết mọi năng lượng của mình cho những chuyện vặt vãnh và những cuộc tranh cãi tốn công phí sức; trong khi đó, tâm trạng cáu gắt và sự bất đồng ý kiến đầy nông nỗi sẽ mau chóng tan đi nếu người ta nhiệt tình quan tâm đến việc xây dựng nền giáo dục đích thực. Khi ấy, những chi tiết tưởng chừng to tát được trả lại đúng với kích thước bình thường của chúng, sự xích mích và những xung khắc cá nhân hóa ra chỉ là hão huyền và có tính phá hoại, mọi cuộc nói chuyện và bàn bạc đều giúp người ta nhận ra đâu là điều đúng đắn chứ không phải ai là người đúng lý.

Những ai đang làm việc cùng nhau vì một dự định chung cần nói ra những khó khăn và sự hiểu nhầm, vì điều đó giúp làm sáng tỏ sự mù mờ, lẫn lộn có thể có trong suy nghĩ của ta. Khi có sự quan tâm hợp mục đích, giữa các người thầy cũng phải có tinh thần thẳng thắn và tình đồng nghiệp với nhau, và như thế mối xung khắc giữa họ sẽ không bao giờ xảy ra; nếu không có sự quan tâm ấy, thì dù ngoài mặt họ có thể hợp tác vì lợi ích của nhau nhưng đằng sau là xung đột và thù địch ngấm ngầm.

Đương nhiên, có thể có những nhân tố khác gây ra mối bất hòa giữa các thành viên trong tập thể giáo viên. Người thầy này có thể làm việc quá mức, người thầy kia có thể có những mối lo lắng cá nhân hay gia đình, còn những người khác thì lại không cảm thấy thiết tha gì với những việc mình làm. Chắc chắn tất cả những vấn đề này có thể được bàn luận thấu triệt và thẳng thắn tại cuộc họp giáo viên, vì có quan tâm lẫn nhau thì người ta mới hợp tác với nhau. Rõ ràng là chẳng có điều quan trọng sống còn nào có thể được tạo ra nếu người làm thì ít mà người ngồi chơi xơi nước lại quá nhiều.

Sự phân chia công việc một cách bình đẳng tạo cho mọi người sự thong dong, và chắc chắn mỗi người phải có một lượng thời gian rảnh rang nhất định. Một người thầy làm việc quá sức sẽ trở thành vấn đề cho chính anh ta và cho những người khác. Nếu người ta bị căng thẳng quá, họ dễ trở nên lờ đờ, biếng nhác, và nhất là đối với

những ai đang làm công việc mà họ không thích thì tình hình lại càng tệ hơn. Việc phục hồi sức lực không thể xảy ra nếu người ta cứ phải liên tục hoạt động, cả thể chất lẫn tinh thần; nhưng khoảng thời gian thảnh thơi này có thể được bố trí một cách thuận lợi sao cho mọi người đều chấp nhận.

Trạng thái thong dong của mỗi người chẳng ai giống ai. Với những người thiết tha với công việc thì bản thân công việc ấy chính là sự thong dong của họ; làm những gì mình thích, chẳng hạn như học một cái gì đó, là một hình thức thư giãn. Đối với những người khác, thong dong có thể là được thu mình vào góc riêng tư.

Nếu nhà giáo dục cần phải có một khoảng thời gian nhất định cho riêng mình, anh ta chỉ nên chịu trách nhiệm cho số lượng học sinh mà anh ta có thể dễ dàng xử lý. Mối tương quan sinh động trực tiếp giữa người thầy và người trò hầu như là không thể xảy ra khi người thầy bị đè nặng bởi số lượng người học quá nhiều và không thể ứng phó nổi.

Còn có một lý do khác tại sao các trường học nên được duy trì ở quy mô nhỏ, đó là với một số lượng học sinh rất hạn chế trong một lớp học, người thầy có thể chú ý sát sao hơn đến từng người. Khi nhóm học sinh quá đông, anh ta không thể làm điều này được, và thế là việc thưởng phạt trở thành một phương cách tăng cường kỷ luật rất thuận tiện và dễ dãi.

Loại hình giáo dục đúng đắn không thể xảy ra ở những ngôi trường có sĩ số học sinh đông. Muốn học hành thì trẻ em cần phải có sự kiên nhẫn, tỉnh táo và trí tuệ. Để quan sát những xu hướng, thái độ, tính tình của đứa trẻ, để thông hiểu những hoàn cảnh khó khăn của em, chúng ta cần xét tới yếu tố di truyền và sự ảnh hưởng của cha mẹ chứ không chỉ đơn thuần coi em như là thuộc về một phạm trù nhất định – tất cả những việc này đòi hỏi người thầy phải có đầu óc nhanh nhạy và linh hoạt, không bị trở ngại bởi bất cứ hệ thống hay thành kiến nào. Nó đòi hỏi người thầy phải có kỹ năng, quan tâm sâu sắc và trên hết có tình cảm thương yêu đối với trẻ em; và việc tạo ra được những nhà giáo dục có những phẩm chất ấy là một trong những vấn đề chủ đạo của chúng ta hiện nay.

Tinh thần tự do cá nhân và trí tuệ lúc nào cũng phải thâm nhập toàn ngôi trường. Điều này cần được thảo luận kỹ càng và việc thỉnh thoảng mới ngẫu nhiên nhắc đến mấy chữ “tự do” và “trí tuệ” sẽ chẳng có nghĩa lý gì mấy.

Việc thầy và trò gặp gỡ nhau một cách đều đặn để bàn luận tất cả

những vấn đề về việc sống hạnh phúc trong toàn trường là yếu tố then chốt. Nên lập ra một hội đồng học sinh mà người thầy là những người đại diện để có thể bàn bạc cho rốt ráo tất cả các vấn đề về kỷ luật, vệ sinh, thức ăn, v.v. và cũng có thể góp phần hướng dẫn cho những em học sinh phần nào sống buông thả, thờ ơ, dửng dưng hay cứng đầu cứng cổ.

Học sinh nên chọn lựa trong số các em những bạn chịu trách nhiệm cho việc thực hiện các quyết định và giúp giám sát chung. Sau rốt, chế độ tự quản trong nhà trường là sự chuẩn bị cho chế độ tự quản trong cuộc sống sau này. Nếu, khi còn ngồi trên ghế nhà trường, đứa trẻ học được cách quan tâm tới người khác, học cách sống vô ngã và trí tuệ trong bất cứ cuộc bàn luận nào về các vấn đề hằng ngày, khi lớn lên em sẽ có thể đối diện một cách có hiệu quả và giữ tâm thế bình thản trước những thử thách lớn hơn và phức tạp hơn trong cuộc sống. Nhà trường nên khuyến khích trẻ em thông hiểu những hoàn cảnh khó khăn và những nét cá tính riêng biệt, những tâm trạng và khí chất của người khác; vì sau đó khi chúng lớn lên, chúng sẽ chín chắn hơn và kiên nhẫn hơn trong quan hệ giữa chúng với mọi người.

Chính tinh thần tự do và trí tuệ này cũng phải thể hiện rõ ràng trong việc học tập của đứa trẻ. Nếu đứa trẻ phải là người có óc sáng tạo chứ không phải là cỗ máy tự động, thì em không nên được khuyến khích chấp nhận các công thức hay kết luận. Ngay cả khi học một môn khoa học, chúng ta nên lập luận cùng với em, giúp em hiểu được vấn đề trong tính toàn thể và sử dụng năng lực phán đoán của riêng mình.

Thế còn sự hướng dẫn thì sao? Chẳng lẽ không cần đến bất kỳ sự hướng dẫn nào ư? Câu trả lời phụ thuộc vào việc người ta quan niệm thế nào là "sự hướng dẫn". Nếu như trong trái tim mình, người thầy đã xóa sạch mọi nỗi sợ hãi và ham muốn thống trị thì họ mới có thể giúp học sinh hướng tới sự thông hiểu sáng tạo và tự do; nhưng nếu có sự ham muốn ý thức hay vô thức là hướng em đến một mục tiêu đặc thù thì rõ ràng họ đang gây trở ngại cho sự phát triển của em. Hướng dẫn đi đến một mục tiêu đặc thù, dù đó là do mình tạo ra hay bị người khác áp đặt, sẽ làm hỏng tính sáng tạo.

Nếu nhà giáo dục chú tâm tới tự do và cá thể chứ không chú tâm tới những quan niệm đã có từ trước, anh ta sẽ giúp đứa trẻ biết cách nhận diện sự tự do đó bằng cách khuyến khích em hiểu rõ môi trường sống của chính em, tính khí của em, nền tảng tôn giáo và gia đình của em, cùng với tất cả những ảnh hưởng và tác động có thể có của chúng lên em. Nếu có tình thương yêu và tự do trong trái tim thì

người thầy sẽ đến với từng học sinh một cách tế nhị qua việc quan tâm đến những nhu cầu và khó khăn của em; và thế là các em sẽ không phải là những cỗ máy tự hoạt động theo các phương pháp và công thức nữa, mà là những con người tự nhiên, luôn tỉnh táo và thao thức.

Loại giáo dục đúng đắn cũng phải giúp học sinh phát hiện ra điều gì em quan tâm nhất. Nếu em không tìm ra được thiên hướng thực sự của mình, toàn bộ cuộc sống dường như bị lãng phí; em sẽ cảm thấy ngán ngẩm khi phải làm điều gì đó mà mình không muốn làm. Nếu em muốn làm một người nghệ sĩ chứ không phải làm một người thư ký văn phòng, em sẽ sống cuộc đời trong sự bực bội và héo mòn. Cho nên biết mình muốn làm gì và xét xem việc đó có đáng để làm hay không là điều quan trọng. Một cậu bé có thể muốn trở thành một người lính; nhưng trước khi làm người lính, em phải được giúp đỡ để phát hiện xem binh nghiệp có ích gì cho toàn thể nhân loại không.

Nền giáo dục đúng đắn phải giúp học sinh không những phát triển các năng lực của em mà còn hiểu những mối quan tâm lớn nhất của chính em. Trong một thế giới bị phá nát bởi các cuộc chiến tranh, sự phá hoại và khốn cùng, chúng ta phải xây dựng một trật tự xã hội mới và tạo ra một lối sống khác.

Trách nhiệm xây dựng một xã hội khai minh và hòa bình chủ yếu dựa vào nhà giáo dục, và rõ ràng nếu cảm xúc không bị xao động thì anh ta có một cơ hội rất lớn góp phần vào việc hoàn thành sự thay đổi xã hội ấy. Loại hình giáo dục đúng đắn không phụ thuộc vào các quy chế của bất cứ chính quyền nào hay các phương pháp của bất cứ hệ thống nào; nó nằm ngay trong tay chúng ta, trong tay các bậc cha mẹ và trong tay những người thầy.

Nếu cha mẹ thực sự chăm lo cho con cái, họ ắt phải xây dựng một xã hội mới; nhưng về cơ bản, hầu hết các bậc cha mẹ đều không quan tâm, và thế là họ không dành thời gian cho vấn đề đáng lẽ cấp bách nhất ấy. Họ dành thời gian cho việc kiếm tiền, cho những thú vui, cho các lễ hội và thờ cúng, nhưng lại không có thời gian để xét xem đâu là loại giáo dục đúng đắn cho con cái. Đây là một thực tế mà đa số mọi người không muốn đối mặt. Có thể họ hiểu đối mặt với điều đó có nghĩa là họ ắt phải từ bỏ những thú vui và những trò tiêu khiển riêng, và chắc chắn họ không sẵn lòng làm như vậy. Cho nên họ gửi con cái đến những ngôi trường mà ở đó người thầy cũng không quan tâm tới chúng nhiều hơn họ. Tại sao anh ta lại phải quan tâm? Dạy học đối với anh ta chỉ là một cái nghề, một phương tiện kiếm cơm thôi mà.

Cái thế giới chúng ta đã tạo ra thật quá hời hợt, quá giả tạo, quá xấu xí nếu nhìn vào phía sau bức màn; và chúng ta trang trí cho bức màn ấy với hy vọng rằng mọi thứ sẽ phần nào đúng đắn. Khổ nỗi, hầu hết mọi người lại không có thái độ nghiêm túc về cuộc sống, có lẽ trừ những lúc phải đi kiếm tiền, tranh giành quyền lực và chạy theo những thú vui nhục dục. Họ không muốn đối mặt với bao nhiêu thứ phức tạp khác của cuộc sống, và đó là lý do tại sao khi trẻ em lớn lên, chúng không chín chắn và sống phiến diện như cha mẹ chúng, thường xuyên vật lộn với chính mình và với xã hội.

Thật dễ dàng khi tuyên bố rằng chúng ta yêu thương con cái mình, nhưng liệu có tình yêu trong trái tim không khi chúng ta chấp nhận những điều kiện xã hội hiện tồn, khi chúng ta không muốn tạo ra sự thay đổi căn cơ trong cái xã hội đầy rẫy sự tàn phá này? Chừng nào chúng ta còn trông đợi các nhà chuyên môn giáo dục con cái mình, thì sự nhiễu nhương và khốn cùng này sẽ còn tiếp diễn; vì các nhà chuyên môn, chỉ quan tâm tới bộ phận chứ không quan tâm tới toàn thể, bản thân họ vốn đã sống phiến diện rồi.

Thay vì là một nghề có trách nhiệm và cao quý nhất, giáo dục hiện nay bị coi thường, và hầu hết những người làm công tác giáo dục đều bị ấn định theo lối mòn. Họ thực sự không quan tâm đến sự hợp nhất toàn diện và trí tuệ, mà chỉ quan tâm tới việc truyền đạt thông tin; và một người chỉ biết truyền đạt thông tin với thế giới đang vụn vỡ quanh anh ta thì đó không phải là một nhà giáo dục.

Nhà giáo dục không đơn thuần là người cung cấp thông tin; anh ta là người chỉ ra con đường đến với trí tuệ, đến với chân lý. Chân lý quan trọng hơn người thầy nhiều. Tìm kiếm chân lý là tôn giáo đích thực, và chân lý không thuộc một đất nước nào, không thuộc một tín điều nào, nó không được tìm thấy nơi các đền chùa, nhà thờ hay thánh đường. Nếu không tìm kiếm chân lý, xã hội sẽ sớm lụi tàn. Để tạo ra một xã hội mới, mỗi người chúng ta phải là một người thầy đích thực, điều đó có nghĩa là chúng ta phải đồng thời vừa là người trò vừa là người thầy; chúng ta phải tự giáo dục chính mình.

Nếu một trật tự xã hội mới được xác lập, những người đi dạy chỉ để kiếm đồng lương chắc chắn không thể có được vị trí là người thầy. Coi hoạt động giáo dục như là phương tiện kiếm sống là một hình thức bóc lột trẻ em vì lợi ích của chính mình. Trong một xã hội khai minh, những người thầy sẽ không quan tâm đến cuộc sống sung túc cho riêng mình, và cộng đồng sẽ cung ứng cho những nhu cầu của họ.

Người thầy đích thực không phải là người lập ra một tổ chức giáo

dục đầy ấn tượng, không phải là một công cụ trong tay các chính trị gia, cũng không phải là người gắn với một lý tưởng, một lòng tin hay một đất nước. Người thầy thực sự là người giàu có trong tâm hồn, nên sẽ không đòi hỏi bất cứ thứ gì cho riêng mình; anh ta không tham vọng và không tìm kiếm quyền lực dưới bất cứ hình thức nào; anh ta không lấy việc dạy học làm phương tiện hòng giành được chức vụ hay uy quyền, và theo đó anh ta thoát ly khỏi sự cưỡng chế của xã hội và sự kiểm soát của các chính quyền. Những người thầy như thế có vị trí hàng đầu trong nền văn minh đã được khai hóa, vì nền văn hóa đích thực không dựa trên những người kỹ sư hay các nhà kỹ thuật, mà dựa trên các nhà giáo dục.

Chương VI
CHA MẸ VÀ NGƯỜI THẦY

Loại hình giáo dục đúng đắn phải bắt đầu từ nhà giáo dục, người hiểu biết về chính mình và thoát khỏi những khuôn mẫu tư tưởng đã thiết lập sẵn; anh ta là người thế nào, anh ta sẽ truyền đạt như thế ấy. Nếu anh ta không được giáo dục đúng đắn, anh ta có thể dạy gì khác ngoài những kiến thức máy móc mà anh ta đã được truyền dạy? Vì thế, mấu chốt không phải là đứa trẻ mà là cha mẹ và người thầy; mấu chốt là phải giáo dục các nhà giáo dục.

Nếu những nhà giáo dục không hiểu biết chính mình, không hiểu mối tương quan giữa mình với đứa trẻ mà chỉ nhồi nhét thông tin cho em và giúp em vượt qua các kỳ thi, thì làm sao chúng ta có thể mang lại một nền giáo dục mới mẻ? Học sinh có mặt ở đó để được hướng dẫn và được giúp đỡ; nhưng nếu bản thân người hướng dẫn, người giúp đỡ còn bị hoang mang và hẹp hòi, theo chủ nghĩa dân tộc cực đoan và chất đầy lý thuyết, thì theo lẽ tự nhiên học trò của anh ta sẽ trở nên giống như anh ta, và cách giáo dục ấy trở thành nguồn gốc của mọi xung đột.

Nếu thấy được sự thật này, chúng ta sẽ nhận ra rằng việc bắt đầu từ giáo dục tự thân một cách đúng đắn là quan trọng đến dường nào. Quan tâm đến việc tự giáo dục cần thiết hơn nhiều so với lo lắng làm thế nào để tạo cuộc sống sung túc và an toàn cho tương lai của đứa trẻ.

Giáo dục nhà giáo dục – tức là làm cho anh ta hiểu biết chính mình – là một trong những nhiệm vụ thách thức nhất, bởi lẽ hầu hết chúng ta đã được kết tinh trong một hệ thống tư tưởng hay khuôn mẫu hành động sẵn có; chúng ta đã gắn chặt mình vào một ý thức hệ, vào một tôn giáo, hay một chuẩn mực ứng xử đặc thù nào đó. Đấy là lý do tại sao chúng ta dạy trẻ em nghĩ *cái gì* chứ không dạy chúng nghĩ *như thế nào*.

Hơn nữa, cha mẹ và người thầy chủ yếu đều bận tâm đến những cuộc xung đột và nỗi đau khổ của riêng họ. Dù giàu hay nghèo, hầu hết các bậc cha mẹ đều ngập chìm trong những mối lo lắng và thử thách cá nhân của họ. Họ không quan tâm tới tình trạng suy thoái đạo đức và xã hội hiện nay, họ chỉ muốn con cái mình được trang bị đầy đủ để xoay xở thành công trong thế giới này. Họ lo lắng về tương lai của con cái họ, hăm hở cho chúng đi học hết cái nọ đến cái kia để chiếm lĩnh những vị trí an toàn, hay dựng vợ gả chồng một cách êm đẹp.

Trái với những gì thường được tin tưởng, hầu hết các bậc cha mẹ không yêu thương con cái mình, cho dù họ nói là yêu thương chúng. Nếu các bậc cha mẹ thực sự yêu thương con cái, ắt hẳn họ sẽ không nhấn mạnh tầm quan trọng của gia đình và dân tộc như là thứ đối nghịch với cái tổng thể, điều đã tạo ra sự phân chia chủng tộc và xã hội giữa con người với nhau, từ đó dẫn đến chiến tranh và đói nghèo. Quả thực lạ lùng, trong khi con người được đào tạo nghiêm ngặt để trở thành luật sư hay bác sĩ, họ lại có thể trở thành cha mẹ mà không trải qua bất cứ quá trình đào tạo nào để thích ứng với nhiệm vụ tối quan trọng này.

Bao giờ cũng thế, gia đình, cùng với những xu hướng nhất định của nó, khuyến khích tiến trình chia tách, do đó trở thành một nhân tố gây suy thoái trong xã hội. Chỉ khi nào có tình yêu thương và sự thông hiểu thì những bức tường phân cách sẽ sụp đổ, và nhờ thế gia đình không còn là một vòng tròn khép kín, nó không còn là một nhà tù hay nơi trú ẩn bất khả xâm phạm nữa; lúc đó cha mẹ sẽ gần gũi không những với con cái mình mà còn với hàng xóm láng giềng.

Bị mê mải trong những vấn đề của riêng mình, nhiều cha mẹ chuyển trách nhiệm chăm lo hạnh phúc của con cái họ cho người thầy, và thế là nhà giáo dục bỗng chốc kiêm luôn vai trò của bậc cha mẹ.

Anh ta buộc phải đối thoại nghiêm túc với họ, giải thích cho họ hiểu rằng tình trạng nhiễu nhương của thế giới là hình ảnh phản chiếu tình trạng hỗn loạn của cá nhân họ. Anh ta phải cho thấy rằng tiến bộ khoa học tự nó không mang lại sự thay đổi triệt để nào trong các giá trị hiện tồn; rằng việc huấn luyện kỹ thuật, mà giờ đây chúng ta gọi là giáo dục, không đem lại sự tự do cho con người, và cũng không khiến cho anh ta hạnh phúc hơn; và rằng quy định học sinh phải chấp nhận môi trường hiện tại sẽ không dẫn tới mở mang trí tuệ. Anh ta phải nói với họ những gì mà anh ta đang gắng sức làm cho con cái của họ, về cách anh ta bắt đầu công việc ấy như thế nào. Anh ta phải khơi dậy lòng tin tưởng của cha mẹ học sinh, không phải bằng cách tự coi mình là nhà chuyên môn đang đối xử với người

bình thường vô học, mà bằng cách trò chuyện với họ về tính cách, những khó khăn và các thái độ của con em họ, v.v.

Nếu người thầy thực sự quan tâm đến đứa trẻ, thì các bậc cha mẹ sẽ tin tưởng anh ta. Trong quá trình này, người thầy đang giáo dục các bậc cha mẹ cũng như chính mình, và dĩ nhiên bản thân anh ta cũng học hỏi từ họ. Giáo dục đúng đắn là công việc đòi hỏi cả hai bên phải có sự kiên nhẫn, tôn trọng và quý mến nhau. Những người thầy được khai minh trong một cộng đồng khai minh có thể nghiên cứu làm thế nào để nuôi dạy đứa trẻ, và các thử nghiệm theo những đường lối này nên được tiến hành trên quy mô nhỏ bởi những người thầy biết quan tâm và những bậc cha mẹ biết suy nghĩ thấu đáo.

Các bậc cha mẹ có bao giờ tự hỏi rằng tại sao họ lại sinh con đẻ cái không? Họ có con để có người nối dõi, để của cải của họ có người trông nom, gìn giữ? Họ muốn có con chỉ vì hứng thú riêng của họ, tức để thỏa mãn những nhu cầu cảm xúc của chính họ? Nếu thế thì con cái sẽ là sự phóng chiếu những ham muốn và nỗi sợ hãi của cha mẹ chúng.

Các bậc cha mẹ có dám khẳng định rằng họ yêu thương con không, trong khi với cách dạy dỗ sai lầm như thế, họ đã nuôi dưỡng trong tâm hồn con trẻ thói đố kỵ, sự thù địch và tham vọng? Liệu tình yêu thương có phải là thứ kích động những mối xung đột giữa các quốc gia hay các chủng tộc, dẫn đến chiến tranh, hủy diệt và sự khốn cùng; liệu nó có đúng là thứ đặt con người vào thế chống lại con người nhân danh tôn giáo hay ý thức hệ?

Nhiều bậc cha mẹ định hướng con trẻ đi theo hướng xung đột và đau khổ, không những bằng cách cho phép em tuân phục thứ giáo dục sai lầm mà còn bằng phương cách họ dùng để lèo lái cuộc sống của chúng; rồi khi đứa trẻ lớn lên và lâm vào cảnh đau khổ, họ cầu nguyện cho em hay tìm cách bào chữa cho hành vi ứng xử của em. Sự chịu đựng đau khổ của cha mẹ về con cái là một hình thức than thân trách phận có phần ích kỷ; hình thức ấy chỉ tồn tại khi người ta không có tình yêu thương thực sự.

Nếu cha mẹ thương yêu con mình, họ sẽ không đồng hóa mình với bất cứ đất nước nào, vì sự sùng bái uy quyền sẽ dẫn đến chiến tranh khiến cho con em họ bị sát hại hay tàn phế. Nếu cha mẹ yêu thương con cái, họ sẽ biết đâu là mối tương quan đúng đắn nên có với của cải; vì cái bản năng sở hữu đã gán cho của cải một ý nghĩa to tát và sai lầm vốn đang tàn phá thế giới. Nếu cha mẹ yêu thương con cái, họ sẽ không mang tư tưởng tôn giáo cực đoan; vì tín điều và đức tin chia tách mọi người thành những nhóm xung đột, gây ra sự đối

kháng giữa con người với nhau. Nếu cha mẹ thương yêu con cái, họ sẽ gạt bỏ sự đố kỵ và thói đấu đá, và sẽ bắt tay làm thay đổi một cách căn cơ cấu trúc xã hội hiện nay.

Chừng nào chúng ta vẫn còn mong muốn con cái mình sẽ là người có quyền lực, có địa vị quan trọng hơn và cao hơn, ngày một thành công hơn, thì chừng ấy chúng ta vẫn chưa có tình yêu thương trong trái tim mình, bởi lẽ sự sùng bái thành công luôn khuyến khích sự xung đột và khốn cùng. Thương yêu con cái là hoàn toàn nằm trong mối tương giao với chúng, thấy rằng nền giáo dục đúng đắn sẽ giúp chúng trở thành người toàn diện, có trí tuệ và biết cảm thông.

Điều đầu tiên mà người thầy phải tự hỏi, khi quyết định dấn thân vào sự nghiệp "đưa đò", đó là anh ta hiểu chính xác ý nghĩa của việc dạy học là gì. Anh ta sẽ dạy các bộ môn thông thường theo nếp cũ? Anh ta muốn định hình đứa trẻ trở thành một bánh răng trong cỗ máy xã hội, hay giúp em trở thành một con người toàn diện và sáng tạo, tức là trở thành mối đe dọa, thách thức đối với các giá trị sai lầm? Và nếu nhà giáo dục muốn giúp học trò của mình biết khảo sát và hiểu các giá trị, những ảnh hưởng đang tồn tại xung quanh em và em là một phần của những điều đó, thì liệu bản thân anh ta không cần phải ý thức về chúng hay sao? Nếu bản thân mình mù lòa thì làm sao có thể giúp người khác qua sông được?

Chắc chắn người thầy lúc nào cũng phải tỉnh táo, ý thức sâu sắc về những tư tưởng và tình cảm của mình, ý thức về những cách mình đã bị quy định, ý thức về các hoạt động và những phản ứng của mình; vì chính sự quan sát đầy thận trọng này làm cho trí tuệ nảy sinh, và cùng với trí tuệ là sự thay đổi triệt để trong mối tương quan giữa anh ta với người khác, với sự vật hay sự việc khác.

Trí tuệ không liên quan gì đến chuyện vượt qua các kỳ thi cử. Trí tuệ là sự nhận biết tự khởi giúp cho con người trở nên mạnh mẽ và tự do. Để khơi dậy trí tuệ ở đứa trẻ, chúng ta phải bắt đầu từ chỗ hiểu trí tuệ là gì; bởi lẽ làm sao chúng ta có thể bắt một đứa trẻ phải là người có trí tuệ nếu bản thân vẫn khư khư giữ mình là một kẻ không có trí tuệ? Vấn đề không chỉ là những khó khăn của học sinh, mà còn là những khó khăn của chính chúng ta: Nỗi sợ hãi, sự bất hạnh và thất vọng ngày càng chất chồng mà chúng ta không thoát ra được. Để giúp đứa trẻ trở nên có trí tuệ, chúng ta phải tháo dỡ trong bản thân mình những rào cản đã khiến chúng ta trở nên đần độn và thiếu chín chắn.

Làm sao chúng ta có thể dạy dỗ đứa trẻ không tìm kiếm sự an toàn cho bản thân trong khi chính chúng ta lại theo đuổi điều ấy? Có còn

hy vọng gì cho đứa trẻ nếu chúng ta, những kẻ làm cha, làm mẹ và làm thầy, hoàn toàn không có khả năng tinh nhạy trước cuộc sống, nếu chúng ta dựng lên những bức tường phòng vệ quanh mình? Để phát hiện ra ý nghĩa đích thực của cuộc đấu tranh cho sự an toàn này, tức là cuộc đấu tranh đang gây ra những cảnh hỗn loạn trên thế giới, chúng ta phải bắt tay vào việc khơi dậy trí tuệ của chính mình bằng cách ý thức về các diễn trình tâm lý của chúng ta; chúng ta phải bắt đầu truy vấn mọi giá trị hiện đang rào quanh chúng ta.

Chúng ta nên dừng việc thích ứng một cách thiếu suy nghĩ với khuôn mẫu mà chúng ta tình cờ được nuôi dưỡng trong đó. Nếu chúng ta không hiểu mình thì làm thế nào chúng ta có thể sống một cách hài hòa với chính mình và với xã hội? Nếu nhà giáo dục không hiểu về anh ta, nếu anh ta không nhận biết được các phản ứng có điều kiện của mình và bắt tay vào việc giải phóng bản thân khỏi các giá trị hiện tồn, thì làm thế nào anh ta có thể khơi dậy được trí tuệ nơi đứa trẻ? Và nếu anh ta không đủ sức khơi dậy trí tuệ nơi đứa trẻ thì chức năng của anh ta, với tư cách là nhà giáo dục, là gì đây?

Chỉ bằng cách hiểu rõ những lề lối của tư tưởng và tình cảm trong chính mình, chúng ta mới thực sự có thể giúp đứa trẻ trở thành con người tự do; và nếu nhà giáo dục tha thiết quan tâm tới điều này, anh ta sẽ có ý thức cao độ không chỉ về đứa trẻ mà còn về bản thân mình.

Chẳng mấy ai trong chúng ta chịu quan sát những tư tưởng và tình cảm của chính mình một cách thường xuyên. Nếu chúng rõ ràng là xấu xa gớm ghiếc, chúng ta không chịu tìm hiểu toàn bộ ý nghĩa của chúng, mà chỉ cố gắng kiểm soát hay gạt chúng sang một bên. Chúng ta không có ý thức sâu sắc về chính mình; các tư tưởng và tình cảm của chúng ta là những thứ rập khuôn, sáo rỗng và tự động một cách máy móc. Chúng ta học vài ba môn học, lượm lặt vài thông tin, rồi cố chuyển tải nó sang cho đứa trẻ.

Nhưng nếu chúng ta thiết tha với nền giáo dục, chúng ta không những ra sức tìm hiểu những thể nghiệm khác nhau trong nền giáo dục trên toàn thế giới, mà chúng ta muốn có một ý niệm rõ ràng về cách tiếp cận riêng của mình cho toàn bộ vấn đề này; chúng ta sẽ tự hỏi mình tại sao chúng ta phải giáo dục con cái và giáo dục chính mình, và chúng ta làm việc ấy vì mục đích gì; chúng ta sẽ truy vấn ý nghĩa về sự tồn tại, xem xét mối tương quan giữa cá nhân với xã hội, v.v. Chắc chắn nhà giáo dục phải có ý thức về những vấn đề này và cố gắng giúp trẻ em phát hiện ra sự thật liên quan đến chúng, mà không cần phóng chiếu vào chúng những nét tính cách và những nếp nghĩ của chính mình.

Chỉ tuân theo một hệ thống, dù đó là hệ thống chính trị hay giáo dục, sẽ không bao giờ giải quyết được nhiều vấn đề xã hội của chúng ta, và việc hiểu rõ cách tiếp cận vấn đề thì quan trọng hơn nhiều so với việc hiểu chính vấn đề ấy.

Nếu trẻ em muốn thoát khỏi nỗi sợ hãi – dù đó là sợ cha mẹ, sợ môi trường sống hay sợ Thượng đế – thì bản thân nhà giáo dục phải không sợ hãi. Nhưng đấy mới là khó khăn: tìm được người thầy mà không phải là miếng mồi của loại sợ hãi nào đó. Sợ hãi khiến cho tư duy thu hẹp lại và hạn chế óc sáng tạo, và người thầy mang nỗi sợ trong mình đương nhiên sẽ không thể chuyển tải ý nghĩa sâu xa của việc sống không sợ hãi. Cũng như lòng tốt, nỗi sợ hãi cũng lan truyền. Nếu bản thân nhà giáo dục e sợ một cách kín đáo, anh ta vẫn sẽ chuyển nỗi sợ sang học trò của mình, cho dù sự lây lan đó không được nhận thấy ngay tức thời.

Chẳng hạn một người thầy e sợ công luận; anh ta nhận thấy sự phi lý của nỗi sợ này nhưng không thể chế ngự nó. Anh ta sẽ làm gì? Ít ra anh ta có thể thừa nhận nó với chính mình và có thể giúp học trò hiểu nỗi sợ bằng cách tạo ra phản ứng tâm lý của riêng mình và nói ra một cách cởi mở về điều đó với các em. Lối tiếp cận chân thành và trung thực này sẽ khuyến khích học sinh cởi mở, thẳng thắn với bản thân và với người thầy rất nhiều.

Để mang lại sự tự do cho đứa trẻ, nhà giáo dục phải tự ý thức về những hàm ý và ý nghĩa của sự tự do. Noi gương và cưỡng ép dưới bất cứ hình thức nào đều không giúp ta tạo dựng được sự tự do, mà trái lại chỉ có trong tự do chúng ta mới phát hiện ra chính mình và có được sự thấu triệt sâu sắc.

Đứa trẻ chịu ảnh hưởng bởi những con người và sự vật quanh em, nhà giáo dục chân chính phải giúp em nhận diện những ảnh hưởng này và giá trị đích thực của các em. Dựa vào uy quyền của xã hội hay truyền thống, ta không thể nhận chân những giá trị đích thực; mà chỉ trong sự suy nghĩ thấu đáo, chúng mới có thể bộc lộ ra.

Nếu hiểu điều này, ngay từ sớm chúng ta sẽ khuyến khích học sinh khơi dậy sự thấu triệt sâu sắc về các giá trị cá thể và xã hội hiện nay. Chúng ta sẽ khuyến khích các em tìm ra giá trị chân thực của mọi sự, chứ không phải tìm ra một tập hợp các giá trị nào đó. Chúng ta sẽ giúp các em thôi sợ hãi, tức là thoát khỏi mọi sự thống trị, cho dù đó là sự thống trị của người thầy, của gia đình hay của xã hội, làm sao đó để các em có thể phát triển trong tình yêu thương và sự tốt lành. Vì thế, khi giúp học sinh hướng đến sự tự do, nhà giáo dục cũng thay đổi các giá trị của mình; anh ta cũng phải bắt đầu loại bỏ cái “tôi” và

“của tôi”, tức cái bản ngã của anh ta, và anh ta cũng triển nở trong tình yêu thương và sự tốt lành. Quá trình giáo dục lẫn nhau này tạo ra một mối tương quan hoàn toàn khác giữa người thầy và người trò.

Bất cứ sự thống trị hay cưỡng ép nào cũng đều là một trở ngại trực tiếp đối với tự do và trí tuệ. Nhà giáo dục chân chính là người không có uy quyền, không có quyền lực trong xã hội; anh ta vượt ra khỏi các sắc lệnh và sự thưởng phạt của xã hội. Nếu chúng ta giúp học sinh thoát ra khỏi những trở ngại của mình, do chính em hay môi trường của em tạo ra, thì mọi hình thức cưỡng ép và thống trị phải được hiểu rõ và được gạt sang một bên; và điều này không thể được thực hiện nếu chính nhà giáo dục cũng không giải thoát mình khỏi mọi thứ uy quyền hủ bại.

Theo gót người khác, dù người ấy có vĩ đại đến mức nào, ngăn cản ta nhận diện ra những phương cách tồn tại của cái tôi; chạy theo lời hứa hẹn về một *xã hội Không tưởng* được hình thành sẵn nào đó khiến cho tâm trí hoàn toàn không nhận biết về hành động ngấm ngầm của sự ham muốn cảm giác thoải mái, quyền lực, muốn ai đó giúp đỡ. Giáo sĩ, chính trị gia, luật sư, người lính, tất cả đều ở đó để “giúp” chúng ta; nhưng sự giúp đỡ như thế hủy hoại trí tuệ và sự tự do. Sự giúp đỡ mà chúng ta cần không nằm ở bên ngoài bản thân. Chúng ta không phải đi van nài sự giúp đỡ; nó sẽ đến mà không cần chúng ta phải mất công tìm miễn là chúng ta khiêm cung trong việc dâng hiến của mình, miễn là chúng ta cởi mở với sự thông hiểu về những thử thách và những biến cố hằng ngày.

Chúng ta phải tránh sự thèm khát, ý thức cũng như vô thức, có được sự ủng hộ hay công nhận, vì thèm khát như thế tạo ra phản ứng riêng của nó, tức luôn làm cho ta thỏa mãn. Ta sẽ cảm thấy dễ chịu khi có ai đó công nhận ta, đưa đường dẫn lối cho ta, làm ta nguôi ngoai; nhưng thói quen dựa dẫm vào người khác, coi họ như là người hướng dẫn và có thẩm quyền, sớm sẽ trở thành thuốc độc trong nội tâm chúng ta. Lúc chúng ta phụ thuộc vào người khác để họ hướng dẫn là lúc chúng ta đã lãng quên dự định ban đầu của mình, đó là khơi dậy sự tự do và trí tuệ cá thể.

Mọi uy quyền đều là trở ngại, và điều cốt yếu là nhà giáo dục không được trở thành người có uy quyền đối với học trò mình. Việc thiết lập uy quyền vừa là một quá trình ý thức vừa là một quá trình vô thức.

Người học trò đang hoang mang, đang mò mẫm, còn người thầy thì đang chắc chắn trong kiến thức và vững vàng trong kinh nghiệm của mình. Sự vững vàng và chắc chắn của người thầy mang lại sự bảo

đảm cho người trò, là những người có xu hướng muốn tắm mình trong ánh mặt trời ấy; nhưng sự bảo đảm ấy không kéo dài, cũng không thực chất. Một người thầy khuyến khích học trò, dù ý thức hay vô thức, thì sự phụ thuộc vào điều ấy sẽ không thể nào giúp được nhiều cho học trò của mình. Anh ta có thể lấn át chúng bằng kiến thức, làm chúng lóa mắt bằng cá tính của mình, nhưng anh ta không phải là nhà giáo dục đúng đắn vì kiến thức và kinh nghiệm là sự nghiện ngập của anh ta, sự an toàn của anh ta, nhà tù của anh ta; cho đến khi anh ta không tự mình thoát ra khỏi chúng thì anh ta không thể giúp học trò trở thành con người toàn diện được.

Để trở thành nhà giáo dục đúng đắn, người thầy phải thường xuyên giải thoát mình ra khỏi sách vở và phòng thí nghiệm; anh ta luôn phải tự canh chừng để đảm bảo rằng học sinh không biến anh ta thành một tấm gương để noi theo, một lý tưởng, một uy quyền. Khi người thầy mong muốn hiện thực hóa chính mình nơi học trò, khi sự thành công của chúng là sự thành công của anh ta, thì việc giảng dạy là một hình thức tiếp nối bản thân mình, lối giảng dạy ấy có hại cho việc nhận biết chính mình và cho sự tự do. Nhà giáo dục chân chính phải ý thức về tất cả những trở ngại này để giúp học trò thoát khỏi không chỉ uy quyền của anh ta mà còn những dạng thức theo đuổi khiến cho các em tự vây bọc mình lại.

Khổ nỗi hầu hết những người thầy lại không coi người trò như là một đối tác bình đẳng; từ vị trí cao hơn, họ chỉ dẫn cho học sinh, những người ở vị trí thấp hơn họ nhiều. Mối tương quan như thế làm tăng thêm nỗi sợ hãi cả ở người thầy lẫn ở người trò. Điều gì đã làm cho mối tương quan này trở nên không bình đẳng? Có phải người thầy sợ người ta phát hiện ra điều ấy? Có phải anh ta tạo ra khoảng cách để bảo vệ sự cao quý của mình, tầm quan trọng của mình, tính dễ tự ái của mình? Thái độ cách biệt cao ngạo ấy không giúp ích được gì cho việc tháo dỡ những rào cản đang chia cách các cá nhân. Sau rốt, nhà giáo dục và học trò của anh ta đang giúp đỡ lẫn nhau để giáo dục chính họ.

Tất cả mối tương quan đều phải là sự giáo dục lẫn nhau; và vì sự cô lập có tính phòng vệ được tạo ra bởi kiến thức, bởi sự thành đạt, bởi tham vọng, chỉ làm tăng thêm lòng đố kỵ và sự chống đối, nhà giáo dục thực thụ phải vượt lên trên những bức tường mà anh ta bao quanh chính mình.

Vì anh ta chỉ dâng hiến mình cho sự tự do và sự hợp nhất toàn diện của cá thể, nhà giáo dục chân chính là người có tâm hồn tôn giáo thực sự và sâu sắc. Anh ta không thuộc về bất cứ giáo phái nào, bất cứ tôn giáo nào; anh ta thoát ly khỏi các đức tin và nghi lễ, vì anh ta

biết chúng chỉ là những ảo tưởng, những hư cấu tưởng tượng, sự mê tín được phóng chiếu bởi ham muốn của những ai tạo nên chúng. Anh ta biết rằng thực tại, hay Thượng đế, chỉ bắt đầu hiện hữu khi có sự nhận biết chính mình và theo đó mới nảy sinh tự do.

Những người không có bằng cấp học thuật thường trở thành người thầy giỏi bởi lẽ họ có tinh thần sẵn sàng thử nghiệm; do không phải là nhà chuyên môn, họ quan tâm đến việc học trong cuộc sống và hiểu về cuộc sống. Đối với người thầy đích thực, dạy học không phải là một thứ kỹ thuật, nó là phương cách sống của anh ta; cũng giống như nghệ sĩ lớn, anh ta thà chết đói chứ không từ bỏ công việc sáng tạo của mình. Nếu không đam mê nồng cháy việc dạy học, ta không nên làm thầy. Điều hết sức quan trọng là hãy khám phá xem mình có cái tài này không và có phải mình chọn công việc dạy học chỉ đơn giản đó là một phương kế sinh nhai không.

Chừng nào việc dạy học chỉ là một cái nghề, một phương tiện kiếm sống, chứ không phải là một thiên chức, thì chừng ấy chắc chắn giữa thế giới và bản thân chúng ta còn một khoảng trống rất lớn: Cuộc sống gia đình và công việc của chúng ta vẫn còn tách rời và khu biệt. Chừng nào giáo dục chỉ là một nghề như bao nghề khác, thì sự xung đột và thù địch giữa các cá nhân, giữa các giai tầng khác nhau trong xã hội là không thể tránh được; sẽ có sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt, sự theo đuổi tham vọng cá nhân bất chấp đạo lý; hố phân cách giữa quốc gia và chủng tộc, tức nguyên nhân của sự đối kháng và chiến tranh triền miên, sẽ càng bị đào sâu.

Nhưng nếu chúng ta thực sự tận tâm tận lực để là một người thầy đúng nghĩa, chúng ta không dựng lên những rào cản giữa cuộc sống ở nhà và cuộc sống ở trường, bởi ở bất cứ nơi đâu chúng ta cũng đều quan tâm tới sự tự do và trí tuệ. Chúng ta sẽ có cái nhìn bình đẳng giữa trẻ con nhà giàu và trẻ con nhà nghèo, xem mỗi đứa trẻ như là một cá thể với nét tính cách riêng, có tính di truyền, những ước vọng… riêng. Chúng ta không quan tâm đến lớp học, không quan tâm đến điểm mạnh và điểm yếu, mà chỉ quan tâm đến sự tự do và sự hợp nhất toàn diện của cá thể.

Giáo dục đúng đắn phải hoàn toàn mang tính tự nguyện. Nó không nên là kết quả của bất kỳ sự thuyết phục nào, hay bất kỳ kỳ vọng thành tựu cá nhân nào; và nó phải tránh những nỗi sợ hãi nảy sinh từ sự thèm khát thành công và tạo ra những thành tựu. Đồng hóa bản thân với thành công hay thất bại vẫn là động cơ cá nhân. Nếu dạy học là một thiên chức, nếu người ấy xem giáo dục đúng đắn như là một nhu cầu sống còn của mình, thì anh ta sẽ không cho phép mình bị trở ngại, bị lệch lạc bởi những tham vọng của chính mình hoặc

của người khác; anh ta sẽ có thời gian và cơ hội cho công việc này, sẽ bắt tay thực hiện nó mà không cần tới sự khen thưởng, danh dự hay danh tiếng. Thế thì tất cả những thứ khác – gia đình, sự an toàn, sự an nhàn – trở nên ít quan trọng hơn.

Nếu chúng ta có thái độ nghiêm túc trong việc trở thành người thầy đích thực, chúng ta sẽ phải có khả năng bày tỏ thái độ không thỏa nguyện, không phải với một hệ thống giáo dục đặc thù nào đó, mà với tất cả các hệ thống, vì chúng ta biết rằng không một phương pháp giáo dục nhất định nào có thể giải phóng cá nhân được. Một phương pháp hay một hệ thống nhất định có thể quy định cá thể vào một tập hợp các giá trị khác, chứ nó không thể giúp anh ta trở thành người tự do.

Chúng ta không được để mình rơi vào hệ thống đặc thù của riêng mình, cái mà trí óc ta luôn luôn có xu hướng kiến tạo nên. Có một khuôn mẫu ứng xử, hành động là một thủ thuật thuận tiện và an toàn, và đó là lý do tại sao trí óc tìm nơi trú ẩn trong các công thức của nó. Bao giờ cũng giữ mình tỉnh táo là điều không mấy dễ chịu và cần nỗ lực cao độ, trong khi việc khai triển và phục tùng một phương pháp thì không đòi hỏi phải suy nghĩ gì.

Sự lặp lại và thói quen khiến cho trí óc trở nên biếng nhác, trì trệ; chúng ta cần phải xốc nó dậy. Chúng ta cố gắng giải quyết vấn đề này bằng cách giải thích, biện minh và kết án, tất cả những điều đó chỉ khiến cho trí óc lại rơi vào cơn ngái ngủ của nó mà thôi. Trí óc luôn là con mồi bị cơn ngái ngủ chụp bắt, và nhà giáo dục đúng đắn không chỉ chấm dứt nó trong bản thân người dạy mà còn giúp học trò cũng ý thức về điều đó.

Có người sẽ hỏi: “Làm thế nào để trở thành nhà giáo dục đích thực?”. Hỏi “làm thế nào” cho thấy đó không phải là một tâm trí tự do mà là một tâm trí sợ sệt, nhút nhát, một tâm trí đang tìm cái có thuận lợi, cái kết quả. Hy vọng và nỗ lực trở thành cái gì đó chỉ khiến cho tâm trí tuân phục cái kết cục mong muốn, trong khi tâm trí tự do thì lại luôn canh chừng, học hỏi và theo đó đang vượt qua những rào cản tự vệ của chính nó.

Tự do là khởi điểm của hành động, nó không phải là cái gì đó đạt được sau cùng. Lúc người ta hỏi câu hỏi “làm thế nào” là người ta đã đối mặt với những khó khăn không thể vượt qua, và người thầy nhiệt thành cống hiến đời mình cho giáo dục sẽ không bao giờ hỏi câu hỏi này, bởi lẽ anh ta biết rằng chẳng có phương pháp nào có thể giúp người ta trở thành nhà giáo dục đúng nghĩa. Nếu thật sự sống chết với nghề, người ta sẽ không đòi hỏi một phương pháp đảm bảo

cho họ đạt được kết quả như ý muốn.

Liệu có hệ thống nào giúp chúng ta trở nên có trí tuệ không? Chúng ta có thể trải qua một loại hệ thống nào đó, có được bằng cấp..., nhưng rồi chúng ta sẽ trở thành nhà giáo dục, hay chỉ thành thực thể được nhân cách hóa của một hệ thống? Tìm cầu sự khen thưởng, muốn được gọi là nhà giáo dục xuất sắc, là thèm khát được công nhận và tán dương; đôi lúc người ta cảm thấy dễ chịu vì được đánh giá cao hay được khuyến khích, nếu phụ thuộc vào nó, nó sẽ trở thành một thứ thuốc mà chẳng mấy chốc người ta không còn hứng thú nữa. Mong được người đời đánh giá cao và khích lệ là hoàn toàn không chín chắn.

Nếu muốn sáng tạo ra một cái gì đó mới mẻ, cần phải có sự tỉnh táo và năng lượng, chứ không phải mất thì giờ vào những cuộc tranh cãi vặt vãnh, vô bổ. Nếu một người cảm thấy chán chường trong công việc của mình, thì sự buồn bực và mệt mỏi nhìn chung sẽ kéo tới. Nếu không có niềm vui thích, thì rõ ràng chúng ta không nên tiếp tục công việc dạy học.

Nhưng tại sao ở những người thầy lại thường thiếu niềm vui dạy học đến vậy? Đâu là nguyên nhân làm cho họ cảm thấy chán chường? Chán chường không phải là kết quả của việc bị hoàn cảnh buộc phải làm thứ này hay thứ khác, nó nảy sinh khi chúng ta không thực sự biết mình muốn làm gì. Do mù mờ về bản thân, chúng ta bị đời đưa đẩy lênh đênh, và cuối cùng cập vào bến đỗ hoàn toàn không có niềm vui thích nào dành cho ta.

Nếu dạy học là một thiên chức thực sự, chúng ta có thể cảm thấy chán nản tạm thời vì đã không nhìn thấy con đường thoát ra khỏi tình trạng hỗn loạn trong nền giáo dục hiện tại; nhưng lúc ta nhìn thấy và hiểu những hàm ý của loại giáo dục đúng đắn, chúng ta sẽ có lại động lực và sự nhiệt tình cần thiết. Điều đó không liên quan đến ý muốn hay quyết tâm, mà liên quan đến sự nhận biết và thông hiểu.

Nếu việc dạy học là thiên chức của ta, và nếu ta nhận biết được tầm quan trọng của loại hình giáo dục đúng đắn, thì ta không thể không trở thành nhà giáo dục đích thực. Không cần phải đi theo bất cứ một phương pháp nào. Chính việc hiểu rằng giáo dục đúng đắn là hoàn toàn không thể thiếu nếu chúng ta muốn đạt được sự tự do và sự hợp nhất toàn diện, tạo ra sự thay đổi nền tảng trong bản thân ta. Nếu chúng ta ý thức được rằng hòa bình và hạnh phúc chỉ có thể có cho con người nhờ vào sự giáo dục đúng đắn, thì theo lẽ tự nhiên chúng ta sẽ dành toàn bộ cuộc đời và niềm vui thích của mình cho nó.

Chúng ta dạy học vì chúng ta mong muốn đứa trẻ trở thành người có đời sống nội tâm phong phú, điều đó sẽ giúp em có được cái nhìn đúng đắn về việc sở hữu của cải. Nếu không có đời sống tinh thần phong phú, thì các sự vật ở bên ngoài trở nên quan trọng quá mức, dẫn đến sự hủy hoại và khốn cùng. Chúng ta dạy học là để khuyến khích học sinh phát hiện ra thiên chức của các em, và tránh sa vào những nghề làm gia tăng tình trạng đối kháng giữa con người với nhau. Chúng ta dạy học là để giúp những người trẻ nhận thức chính mình, nếu không làm vậy thì sẽ không thể có nền hòa bình, cũng như không thể có hạnh phúc lâu bền. Việc dạy học không phải là sự hiện thực hóa cái tôi, mà là sự từ bỏ cái tôi của mình.

Nếu không có loại hình dạy học đúng đắn, ảo tưởng sẽ thế chỗ cho thực tại, và thế là cá nhân mãi mãi sống trong sự xung đột nội tâm, và do đó trong mối tương quan giữa bản thân với người khác luôn xảy ra xung đột. Chúng ta dạy học vì chúng ta thấy rằng chỉ có việc nhận thức chính mình, chứ không phải những tín điều hay những nghi lễ tôn giáo, mới có thể mang lại một tâm hồn tĩnh lặng; và sự sáng tạo, chân lý, Thượng đế hiển lộ một khi cái “tôi” và “của tôi” đã được vượt qua.

Chương VII
TÌNH DỤC VÀ HÔN NHÂN

Giống như những vấn đề khác của con người, vấn đề liên quan đến đam mê và thôi thúc tình dục của chúng ta rất phức tạp và khó khăn; nếu nhà giáo dục không tự mình khảo sát điều đó một cách kỹ lưỡng và nhận ra những ẩn ý của nó, thì làm thế nào anh ta có thể giúp những người mà anh ta đang giáo dục? Nếu bản thân cha mẹ hay người thầy bị rơi vào dòng xoáy ham muốn sắc dục, thì làm sao họ có thể hướng dẫn cho đứa trẻ được? Chúng ta có thể giúp đỡ đứa trẻ được chăng nếu bản thân chúng ta không hiểu ý nghĩa của toàn bộ vấn đề này? Cách thức nhà giáo dục truyền đạt sự hiểu biết về tình dục phụ thuộc vào trạng thái tinh thần của chính anh ta; nó phụ thuộc vào việc anh ta có phong thái nhẹ nhàng, điềm đạm không, hay là bị cuốn vào những ham muốn của chính mình.

Lúc này, tại sao tình dục lại trở thành một vấn đề đầy hoang mang và xung đột đối với hầu hết chúng ta? Tại sao nó trở thành một nhân tố thống trị trong đời sống của chúng ta? Một trong những nguyên do chính là chúng ta không sáng tạo; chúng ta không sáng tạo bởi vì toàn bộ nền văn hóa xã hội và đạo đức, cũng như các phương pháp giáo dục, đều dựa trên sự phát triển của trí năng. Giải pháp cho vấn đề về tình dục nằm ở hiểu biết rằng sự sáng tạo không diễn ra qua hoạt động của trí năng. Trái lại, sự sáng tạo chỉ có khi trí năng ở trong trạng thái bất động.

Trí năng, là cái trí chỉ có thể lặp lại, nhớ lại. Nó thường xuyên thêu dệt những ngôn từ mới và sắp xếp lại những ngôn từ cũ. Và vì hầu hết chúng ta đều cảm nhận và trải nghiệm chỉ thông qua não bộ, cho nên chúng ta sống chỉ bằng ngôn từ và kiểu lặp lại máy móc này. Rõ ràng đây không phải là sáng tạo; và vì chúng ta không sáng tạo, nên phương tiện sáng tạo duy nhất còn rơi rớt lại là tình dục. Tình dục là cái thuộc về tâm trí – phải lấp đầy để bù đắp cho sự trống trải nội tâm, nếu không sẽ sinh ra chán chường, tuyệt vọng.

Suy nghĩ của chúng ta, cuộc sống của chúng ta náo hoạt, khô khan, giả dối và rỗng tuếch. Chúng ta bị đói khát về mặt cảm xúc; chúng ta lặp lại, trì trệ về mặt tôn giáo và trí tuệ; chúng ta bị điều hành và bị kiểm soát về mặt xã hội, chính trị và kinh tế. Chúng ta không phải là những người hạnh phúc, chúng ta không có sức sống và niềm vui hân hoan. Ở nhà, trong công việc, ở nhà thờ, ở trường, chúng ta chưa bao giờ trải nghiệm trạng thái sáng tạo, không có sự giải phóng sâu sắc trong tư tưởng và hoạt động thường ngày. Bị trói buộc và giam hãm tứ bề, thì tình dục sẽ nghiễm nhiên trở thành lối thoát duy nhất, một trải nghiệm thường xuyên được tìm tới vì nó mang đến cho ta trạng thái hạnh phúc ngắn ngủi, trạng thái ấy diễn ra khi vắng mặt cái tôi. Vấn đề không phải là chuyện tình dục mà là sự ham muốn khơi dậy lại trạng thái hạnh phúc, có được và duy trì niềm khoái lạc, dù đó là khoái lạc tình dục hay bất cứ khoái lạc nào khác.

Đối tượng mà ta đang thực sự kiếm tìm là niềm đam mê mãnh liệt cái khoảnh khắc phủ nhận cái tôi này, đồng hóa bản thân với cái gì đó mà ta có thể hoàn toàn đánh mất chính mình. Vì cái tôi là thứ nhỏ bé tầm thường và là cội nguồn của sự đau khổ, dù ý thức hay vô thức, cho nên chúng ta đều muốn đánh mất chính mình trong trạng thái phấn khích ấy, trong những lối suy nghĩ kiêu ngạo, hay trong cảm giác thô thiển nào đó.

Khi ta tìm cách trốn thoát khỏi cái tôi thì phương tiện trốn thoát là rất quan trọng, và thế là chúng cũng trở thành nỗi đau khổ đối với ta. Nếu ta không tìm hiểu những trở ngại đang ngăn cản lối sống sáng tạo, tức lối sống không vướng lụy cái tôi, ta sẽ không thể hiểu những vấn đề liên quan đến tình dục.

Một trong những trở ngại cho lối sống sáng tạo là sự sợ hãi, mà kính trọng cũng là một biểu hiện của nỗi sợ. Những người đáng kính, tức những người bị bó buộc về luân lý, thì không ý thức đầy đủ và sâu sắc ý nghĩa của cuộc sống. Họ bị vây bọc giữa những bức tường đứng đắn, đạo mạo của mình và không thể thấy được gì bên ngoài những bức tường ấy. Luân lý được tô vẽ bởi giai cấp xã hội của họ, dựa trên các quan điểm và đức tin tôn giáo, vốn không liên quan gì đến thực tại; và khi ẩn náu đằng sau thực tại ấy, họ đang sống trong thế giới của những ảo tưởng do chính họ tạo ra. Bất chấp cái luân lý tự mình áp đặt và thỏa mãn, những người đáng kính cũng sống trong sự hoang mang, khốn khổ và xung đột.

Sợ hãi, kết quả của việc theo đuổi cảm giác an toàn, khiến cho ta yên lòng, bắt chước và tuân phục thế lực thống trị, theo đó ngăn chặn lối sống sáng tạo. Sống sáng tạo là sống trong tự do, là sống không sợ hãi, cho nên trạng thái sáng tạo chỉ có thể có khi tinh thần không bị

bó buộc vào sự ham muốn và thỏa mãn những ham muốn. Chỉ bằng cách quan sát trái tim và trí óc với một sự chú ý tinh tế thì ta mới có thể xóa sạch những phương cách ẩn giấu của ham muốn. Càng có tình yêu thương và suy nghĩ thấu đáo thì ham muốn càng khó chi phối tâm trí ta. Chỉ khi nào không có tình thương yêu thì cảm giác sẽ trở thành một vấn đề gây ám ảnh.

Để hiểu điều này, chúng ta sẽ đề cập đến cảm giác, không phải từ một phương diện mà từ mọi phương diện: giáo dục, tôn giáo, xã hội và đạo đức. Cảm giác trở nên quan trọng đối với chúng ta bởi do chúng ta đã chú trọng quá mức đến các giá trị giác quan.

Qua sách vở, qua quảng cáo, qua phim ảnh, và hàng nghìn hình thức khác, các phương diện khác nhau của cảm giác liên tục được nhấn mạnh. Những buổi duyệt binh, cuộc mít-tinh, những màn thánh lễ, kịch nghệ và các hình thức giải trí khác, tất cả đều khuyến khích chúng ta tìm kiếm sự kích thích không ngừng nghỉ; và chúng ta lấy làm vui thích với sự khơi gợi này.

Thú vui thân xác được phát triển bằng mọi cách, đồng thời ý tưởng về sự trinh trắng lại được ủng hộ. Vì thế, trong ta dấy lên sự mâu thuẫn. Nhưng lạ lùng thay, chính sự mâu thuẫn này cũng là một yếu tố kích thích.

Chỉ khi ta hiểu rõ sự theo đuổi về mặt cảm giác ấy, tức một trong những hoạt động chủ chốt của tâm trí, thì khoái lạc, sự phấn khích và bạo lực sẽ không còn thống trị trong đời sống của ta nữa. Chính vì không có tình yêu cho nên tình dục, một hình thức theo đuổi cảm giác, đã trở thành vấn đề ám ảnh. Khi có tình yêu, sẽ có sự trinh trắng, sẽ không còn ai *cố gắng* trở thành người trinh trắng. Đức hạnh đến cùng với sự tự do, nó đến khi ta hiểu rõ cái *đang tồn tại.*

Khi còn trẻ, chúng ta thường có ham muốn tình dục mạnh mẽ, và hầu hết chúng ta cố gắng xử lý những ham muốn này bằng cách kiểm soát chúng và đưa chúng vào khuôn phép kỷ luật; vì nếu không kiềm chế, chúng ta sẽ bị ám ảnh bởi những ham muốn nhục dục. Tôn giáo rất quan tâm đến đạo đức tình dục; nhưng họ lại cho phép chúng ta sử dụng bạo lực và giết người nhân danh lòng yêu nước, buông mình vào thói đố kỵ và tàn nhẫn, xảo quyệt, theo đuổi quyền lực và sự thành công. Tại sao họ lại quan tâm đến loại đạo đức đặc thù này đến thế, chứ không công kích sự bóc lột, tham lam và chiến tranh? Đó chẳng phải là vì các tôn giáo tồn tại được là nhờ vào nỗi sợ hãi và hy vọng của chúng ta, sự đố kỵ và chia rẽ của chúng ta hay sao? Cho nên trong tôn giáo cũng như trong mọi lĩnh vực khác, tâm trí đều phóng chiếu những ham muốn của chính nó.

Chừng nào vẫn còn chưa thông hiểu sâu sắc về toàn bộ diễn trình của ham muốn, định chế hôn nhân như cách nó tồn tại hiện nay, dù ở phương Đông hay ở phương Tây, thì không thể có được câu trả lời thỏa đáng cho vấn đề tình dục. Việc ký kết một bản hợp đồng hôn nhân không đồng nghĩa sẽ mang lại tình yêu, và cũng không phải cứ làm cho nhau thỏa mãn là cơ sở để gầy dựng tình yêu, hay cứ mang lại sự an toàn và yên tâm là sẽ có tình yêu. Tất cả những hành vi này đều thuộc về tâm trí, và đó là lý do tại sao tình yêu chiếm một vị trí quá nhỏ nhoi trong đời sống của chúng ta. Tình yêu không thuộc về tâm trí. Tình yêu hoàn toàn độc lập với tư tưởng cùng với những tính toán đầy ma mãnh, những nhu cầu và những phản ứng tự vệ. Khi có tình yêu, tình dục không bao giờ là vấn đề – chính việc thiếu vắng tình yêu mới gây ra vấn đề.

Sự cản trở và né tránh của tâm trí sinh ra vấn đề, chứ không phải tình dục hay bất cứ vấn đề cụ thể nào khác; đó là lý do tại sao thật quan trọng khi hiểu rõ diễn trình của tâm trí, bao gồm sự quyến rũ và lôi kéo của tâm trí, những phản ứng của tâm trí trước người có ngoại hình đẹp và người có ngoại hình xấu. Chúng ta nên quan sát bản thân, nhận biết về cách chúng ta đánh giá người khác, cách chúng ta ngắm nhìn những người đàn ông, những người phụ nữ. Chúng ta nên nhận thấy rằng gia đình trở thành trung tâm của sự chia rẽ và của các hoạt động chống lại xã hội khi nó được dùng như là phương tiện cho việc kéo dài sự tồn tại của bản ngã, vì lợi ích của việc tự coi mình là quan trọng. Gia đình và của cải, khi được tập trung vào cái tôi cùng với những ham muốn và mưu cầu ngày càng hạn hẹp, trở thành công cụ của quyền lực và của sự thống trị, nguồn gốc dẫn đến xung đột giữa cá nhân và xã hội.

Khó khăn trong tất cả các vấn đề này đó là bản thân chúng ta, những người làm cha làm mẹ và những người làm thầy, đã hoàn toàn trở nên mệt mỏi và mất hy vọng, vô cùng hoang mang và bất an; cuộc sống đè nặng lên vai chúng ta, và chúng ta muốn được thanh thản, chúng ta muốn được yêu thương. Đời sống nội tâm chúng ta nghèo nàn và thiếu thốn thì làm sao chúng ta có thể hy vọng sẽ giáo dục cho con cái mình một cách đúng đắn?

Đó là lý do tại sao vấn đề chính không phải là học sinh mà là người thầy; trái tim và tâm trí ta phải được thanh tẩy trước khi ta dạy bảo người khác. Nếu bản thân nhà giáo dục bị hoang mang, không chân thật, lạc lối trong mê lộ ham muốn của chính mình thì làm thế nào anh ta truyền đạt những điều thông thái, hay giúp người khác định ra lối đi đúng đắn trong cuộc đời? Nhưng chúng ta không phải là những cỗ máy được hiểu và được sửa chữa bởi các chuyên gia, chúng ta là kết quả của một loạt các ảnh hưởng và các biến cố lâu dài, và mỗi

một người trong số chúng ta phải làm sáng tỏ và hiểu ra tình trạng hỗn loạn trong bản tính của chính mình.

Chương VIII

NGHỆ THUẬT, CÁI ĐẸP VÀ SỰ SÁNG TẠO

Hầu hết chúng ta đều đang cố gắng đào thoát khỏi chính mình; và vì nghệ thuật cung cấp cho ta phương tiện thích hợp và dễ dàng để làm việc đó, nó trở nên có ý nghĩa quan trọng trong cuộc sống. Với mong muốn lãng quên chính mình, người thì đến với nghệ thuật, kẻ thì đến với rượu chè, còn những người khác thì đi theo các học thuyết tôn giáo hư ảo, huyễn hoặc.

Khi chúng ta sử dụng cái gì đó, dù có ý thức hay không có ý thức, để thoát khỏi chính mình, chúng ta lại đâm ra nghiện ngập nó. Phụ thuộc vào một người, một bài thơ hay những gì bạn muốn, như là một phương tiện để giải thoát mình khỏi những mối lo lắng và băn khoăn, dù tạm thời nguôi ngoai, chỉ làm nảy sinh thêm xung đột và mâu thuẫn trong cuộc sống mà thôi.

Trạng thái sáng tạo không hiện hữu ở nơi có xung đột, và do đó loại giáo dục đúng đắn nên giúp cá nhân đối diện với các vấn đề của mình và không ca ngợi những phương cách tránh né; nó nên giúp anh ta hiểu rõ và loại bỏ sự xung đột, bởi lẽ chỉ khi đó anh ta mới có thể đạt được trạng thái sáng tạo. Nghệ thuật thoát ly khỏi cuộc sống thì không có ý nghĩa gì cả.

Khi nghệ thuật tách ra khỏi đời sống hằng ngày, khi có sự cách biệt giữa đời sống và những nỗ lực của ta trên tấm voan vẽ, trên phiến đá cẩm thạch hay trong ngôn từ, thì nghệ thuật lại trở thành sự biểu hiện của cái ham muốn nông nỗi, tức là muốn thoát khỏi cái hiện thực mình đang sống. Lấp đi sự cách biệt này là rất khó, nhất là đối với những ai có tài năng hay giỏi về kỹ thuật; nhưng chỉ khi nào hố sâu cách biệt ấy được lấp đi thì cuộc sống của chúng ta mới trở nên toàn diện và nghệ thuật mới trở thành sự biểu hiện toàn diện của

chính chúng ta.

Tâm trí có sức mạnh sinh ra những ảo tưởng; nếu không hiểu rõ những phương cách tạo tác của nó mà chạy theo cảm hứng thì có khác nào mời gọi mình tự lừa dối mình đâu. Cảm hứng đến khi ta cởi mở với nó, chứ không phải khi ta ve vãn nó. Cố gắng có được cảm hứng bằng bất cứ hình thức kích thích nào chỉ dẫn đến những thứ hoang đường mà thôi.

Trừ phi ta có ý thức về ý nghĩa của sự hiện hữu, không thì năng lực hay tài năng chỉ càng củng cố thêm cho cái tôi và những thèm khát của nó. Tài năng có xu hướng làm cho cá nhân cảm thấy mình là cái rốn của vũ trụ, và do đó tự tách mình ra; anh ta cảm thấy mình là duy nhất, là đỉnh cao muôn trượng không ai sánh bằng, tất cả những điều đó là mảnh đất dung dưỡng cho cái ác và không ngừng gây ra xung đột, khổ đau. Cái tôi là một mớ gồm nhiều thực thể, thực thể này lại đối lập với những thực thể còn lại. Nó là bãi chiến trường của những ham muốn xung đột với nhau, tâm điểm của cuộc đấu tranh thường trực giữa cái "của tôi" và cái "không phải của tôi"; và bao lâu chúng ta còn đề cao bản ngã, cái "tôi" và cái "của tôi" thì sự xung đột trong bản thân chúng ta và trong thế giới vẫn sẽ gia tăng.

Người nghệ sĩ đích thực là người vượt ra khỏi sự hão huyền của cái tôi và những tham vọng của nó. Có năng lực diễn tả tài tình, thế nhưng lại bị trói buộc trong những phương cách của thế nhân phàm tục, nên đã để cuộc đời vướng lụy vào những mối xung đột và mâu thuẫn. Sự ca ngợi hay nịnh bợ, một khi đã xâm nhập vào con tim, chúng sẽ thổi phồng cái tôi lên và theo đó hủy hoại khả năng tiếp thu; và thói sùng bái sự thành công, trong bất cứ lĩnh vực nào, rõ ràng sẽ gây hại cho trí tuệ.

Bất cứ xu hướng hay tài năng nào mà gây ra tình trạng tự cô lập, bất cứ hình thức tự đồng hóa nào, dù hứng thú đến đâu, cũng đều bóp méo sự tinh nhạy và tạo ra sự vô cảm. Độ tinh nhạy bị tê liệt khi tài năng trở thành cái gì đó riêng tư, tức là khi chúng ta đề cao cái "tôi" và cái "của tôi" – tôi vẽ, tôi viết, tôi sáng chế. Chỉ khi nào chúng ta ý thức về sự vận động của tư tưởng và tình cảm của chúng ta trong mối tương quan giữa cá nhân mình với người khác, với các sự vật và với thế giới tự nhiên, thì tinh thần của chúng ta mới cởi mở, linh hoạt, không bị trói buộc vào nhu cầu tự vệ hay theo đuổi; và chỉ khi đó chúng ta mới nhạy bén trước cái xấu và cái đẹp mà không bị bản ngã gây trở ngại.

Nhạy bén trước cái đẹp và cái xấu không phải là kết quả của sự gắn kết, vướng chấp; mà nó là thành quả của tình thương yêu, khi chúng

ta không còn gây ra sự xung đột trong nội tại mình nữa. Khi đời sống nội tâm nghèo nàn, đơn điệu, chúng ta dễ buông mình theo mọi biểu hiện ở bên ngoài, buông mình theo của cải, quyền lực và những thứ ta sở hữu. Khi trái tim trống rỗng, chúng ta sẽ gom góp mọi thứ. Khi chúng ta tìm cách để lấp đầy cho trái tim, chúng ta sẽ bao bọc mình bằng những thứ mà chúng ta cho là đẹp đẽ, và vì chúng ta quá coi trọng chúng, nên chúng ta phải chịu trách nhiệm cho bao nhiêu là sự khốn cùng và hủy hoại này.

Hám lợi không phải là yêu cái đẹp; nó nảy sinh từ sự ham muốn được an toàn, và cảm thấy được an toàn là không còn sự tinh nhạy. Ham muốn được an toàn sẽ tạo ra nỗi sợ; nó khởi động tiến trình tự cô lập bằng cách dựng lên những bức tường phòng ngự quanh chúng ta, và những bức tường này cản trở sự tinh nhạy. Dù một vật có đẹp đẽ đến mấy, nó cũng sớm mất đi vẻ quyến rũ trong mắt ta bởi chúng ta đã quen đến mức nhàm chán rồi. Cái đẹp vẫn còn đó, nhưng chúng ta không còn cởi mở với nó nữa, và nó đã bị hòa tan vào trong cuộc sống đơn điệu hằng ngày.

Bởi tâm hồn ta đã bị chai sạn và ta đã quên cách làm thế nào để sống tử tế, làm thế nào để nhìn ngắm những vì sao, để nhìn ngắm những ngọn cỏ lá cây, những hình ảnh phản chiếu trên mặt nước, cho nên ta mới cần đến sự kích thích từ những bức tranh và đồ trang sức, từ những cuốn sách và những thú vui vô tận. Chúng ta luôn tìm kiếm những nguồn hứng khởi mới mẻ, những cảm giác hồi hộp mới, chúng ta thèm nhiều thứ cảm giác hơn nữa. Nghệ thuật chính là sự thèm khát này và việc thỏa mãn nó khiến cho lý trí và tình cảm của ta trở nên xơ cứng, ù lì. Chừng nào chúng ta còn tìm kiếm cảm giác thì những cái mà chúng ta gọi là đẹp và xấu chỉ có ý nghĩa rất ư là giả tạo mà thôi. Niềm vui lâu bền chỉ có khi chúng ta có thể tiếp cận mọi thứ bằng cái nhìn thanh tân – vốn là điều không thể có được chừng nào chúng ta còn bị trói chặt vào những ham muốn của mình. Sự thèm muốn cảm giác và thỏa mãn không cho chúng ta trải nghiệm cái luôn mới mẻ ấy. Cảm giác có thể mua được, còn tình yêu cái đẹp thì không.

Khi chúng ta nhận biết sự trống rỗng của đầu óc và con tim mình mà không cần phải chạy tới bất cứ loại kích thích hay cảm giác nào, khi chúng ta hoàn toàn mang tâm thế cởi mở và nhạy bén thì chúng ta mới có thể sáng tạo, chỉ lúc ấy chúng ta mới tìm được niềm vui sáng tạo. Vun bồi cái bên ngoài mà không hiểu cái bên trong thì không có cách nào khác là phải dựng lên những giá trị dẫn dắt con người ta đến chỗ hủy hoại và đau khổ.

Học hành một kỹ thuật, hay phương thức, có thể mang lại cho chúng

ta một công việc, nhưng nó sẽ không giúp chúng ta trở thành một người sáng tạo; trong khi ngược lại, nếu có niềm vui thích, nếu có ngọn lửa sáng tạo, nó sẽ tìm cách biểu hiện chính nó, người ta sẽ không cần học hành một phương pháp biểu đạt. Khi ta thực sự muốn viết một bài thơ, ta viết nó ra, và nếu có kỹ thuật thì ta viết hay hơn nhiều; nhưng tại sao lại chú trọng cái chỉ là phương tiện truyền đạt nếu ta chẳng có gì để mà nói? Khi có tình yêu trong trái tim, ta không phải đi tìm cách thức sắp đặt từ ngữ lại với nhau nữa.

Các nghệ sĩ và các nhà văn vĩ đại có thể là những con người sáng tạo, còn chúng ta thì không, chúng ta chỉ là những khán thính giả hay độc giả. Chúng ta đọc bao nhiêu là quyển sách thú vị, nghe bao nhiêu là bản nhạc hay, ngắm bao nhiêu là tác phẩm nghệ thuật đẹp đẽ, chứ chúng ta chưa bao giờ trực tiếp trải nghiệm cái cao cả; sự trải nghiệm của chúng ta bao giờ cũng qua một bài thơ, qua một bức tranh, qua nhân cách của một vị thánh. Để hát ca, chúng ta phải có một bài hát trong tim mình, nhưng vì bài hát không còn nữa, cho nên chúng ta chạy theo người ca sĩ. Nếu không có người làm trung gian, chúng ta cảm thấy mình lạc lối; nhưng chúng ta *phải* bị lạc lối trước khi phát hiện ra bất cứ điều gì. Phát hiện là khởi đầu của sự sáng tạo; và nếu không có sự sáng tạo, dù chúng ta có làm gì đi nữa thì cũng không thể có hòa bình và hạnh phúc cho nhân loại.

Chúng ta nghĩ rằng chúng ta sẽ có thể sống một cách hạnh phúc, sáng tạo, nếu chúng ta học được một phương pháp, một kỹ thuật, một phong cách; nhưng hạnh phúc sáng tạo chỉ đến khi đời sống nội tâm phong phú, nó không thể nào đạt được nhờ bất cứ hệ thống nào. Sự tự hoàn thiện, đó là một phương thức khác trong việc bảo đảm sự an toàn của cái "tôi" và cái "của tôi", không phải là sáng tạo, cũng không phải là lòng yêu cái đẹp. Sáng tạo bắt đầu hiện diện khi có sự nhận biết liên tục về những phương cách của tâm trí và về những rào cản mà tâm trí đã dựng lên cho chính nó.

Tự do sáng tạo nảy sinh cùng với việc tự nhận biết chính mình; nhưng tự nhận biết chính mình không phải là một năng khiếu thiên bẩm. Ta có thể sáng tạo mà không cần đến bất cứ tài năng cụ thể nào. Sáng tạo là trạng thái tồn tại, trong đó các xung đột và mâu thuẫn của cái tôi đều vắng mặt, một trạng thái trong đó tâm trí không bị giam hãm trong những nhu cầu và chạy theo sự ham muốn.

Là người sáng tạo không phải đơn giản là sáng tác ra những bài thơ, tạc nên những pho tượng, hay sinh ra những đứa trẻ; sáng tạo ở trong trạng thái mà chân lý hiện diện. Chân lý bắt đầu hiện diện khi chúng ta hoàn toàn dừng bặt suy nghĩ, và suy nghĩ chỉ dừng khi không còn cái tôi, khi tâm trí không còn tạo tác nữa, tức là khi nó

không còn là tù nhân cho những mưu cầu của chính nó. Khi tâm trí hoàn toàn bất động mà không bị ép buộc, hay được tập luyện để đi vào trạng thái tĩnh lặng, khi nó yên lặng vì cái tôi không hoạt động, thì lúc ấy có sự sáng tạo.

Tình yêu cái đẹp có thể tự nó biểu hiện trong một bài hát, trong một nụ cười, hay trong sự yên lặng; nhưng hầu hết chúng ta không có xu hướng yên lặng. Chúng ta không có thời gian để nhìn những chú chim, những đám mây đang lượn lờ trôi, vì chúng ta quá bận bịu với những mưu cầu và khoái lạc. Khi trong tim ta không có cái đẹp thì làm sao ta có thể giúp trẻ em thành người tỉnh táo và tinh nhạy? Chúng ta cố gắng mở lòng mình đón nhận cái đẹp trong khi tránh cái xấu; nhưng sự tránh né cái xấu lại khiến chúng ta trở thành người vô cảm. Nếu chúng ta muốn phát triển khả năng tinh nhạy nơi trẻ em, chúng ta phải mở lòng đón nhận cái đẹp và cái xấu, và phải nắm lấy mọi cơ hội để khơi dậy ở chúng niềm hân hoan khi nhìn ngắm không những cái đẹp do con người tạo ra mà còn cả cái đẹp của thiên nhiên.